



## CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART

☎ MST: 0305711230

📍 11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp,  
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

✉ Newstartgroup7777@gmail.com

🌐 Newstart.com.vn

☎ 091 722 7777



# PROFILE

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU

# NEWSTART

# PHỤ LỤC

Lời Mở Đầu	02
Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh	03
Các Chứng Chỉ Liên Quan	05
Sơ Đồ Tổ Chức	07
Danh Sách Nhân Sự Chủ chốt	08
Tầm Nhìn	09
Sứ Mệnh - Giá Trị Cốt Lõi	10
Cam Kết Với Khách Hàng	11
Lĩnh Vực Hoạt Động	12
Báo Cáo Tài Chính 2018-2020	13
Hình Ảnh Bctc Năm 2018-2019-2020	14
Hợp Đồng Tín Dụng	30
Năng Lực Thiết Bị	34
Năng Lực Thi Công	39
Hợp Đồng Kinh Tế	48
Hình Ảnh Lễ Động Thổ	62
Hình Ảnh Thi Công San Lấp	64
Hình Ảnh Thi Công Đường - Công Nhà Xưởng	67



# LỜI MỞ ĐẦU

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART thành lập vào năm 2008 sau hơn 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng. Với tính chuyên nghiệp và kinh nghiệm trong hoạt động xây dựng và quản lý công trình, chúng tôi đã dành được sự tin cậy, ủng hộ của nhiều đối tác trong và ngoài nước.

Các hoạt động chính: san lấp mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư, xây dựng công trình cấp thoát nước, dân dụng, giao thông, thủy lợi, công trình bờ kè – cảng, đê điều, lắp ghép nhà xưởng, mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, phụ tùng – thiết bị - máy móc ngành xây dựng.

Phương châm của NEWSTART là luôn đặt “Niềm tin, lợi ích và sự thỏa mãn của khách hàng” làm trọng tâm.

---

Địa chỉ: 11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tel: 091 722 7777 – Fax: 0862 966 113

Email: [Newstartgroup7777@gmail.com](mailto:Newstartgroup7777@gmail.com)

Website: [Newstart.com.vn](http://Newstart.com.vn)



# GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 0305711230**

*Đăng ký lần đầu: ngày 14 tháng 05 năm 2008*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 12, ngày 08 tháng 06 năm 2021*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NEWSTART EXPORT IMPORT SERVICES TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Điện thoại: 08.62 730 418

Fax: 08.62 966 113

Email: [info@nguyenanhcomputer.com](mailto:info@nguyenanhcomputer.com)

Website: [www.nguyenanhcomputer.com](http://www.nguyenanhcomputer.com)

**3. Vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng**

*Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng*

**4. Danh sách thành viên góp vốn**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN QUỐC ANH	Việt Nam	11/1A Đường số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	14.000.000.000	70,000	025899121	
2	DƯƠNG HỮU DŨNG	Việt Nam	91/1 Trần Bình Trọng, Phường 02, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	4.000.000.000	20,000	021883348	



3	NGUYỄN QUANG QUÝ	Việt Nam	231/7 Lê Văn Sỹ, Phường 13, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	2.000.000.000	10,000	079082006231
---	------------------	----------	---	---------------	--------	--------------

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: NGUYỄN QUỐC ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên

Sinh ngày: 10/12/1985 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025899121

Ngày cấp: 02/06/2014 Nơi cấp: CA TP.HCM

Địa chỉ thường trú: 11/1A Đường số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 11/1A Đường số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



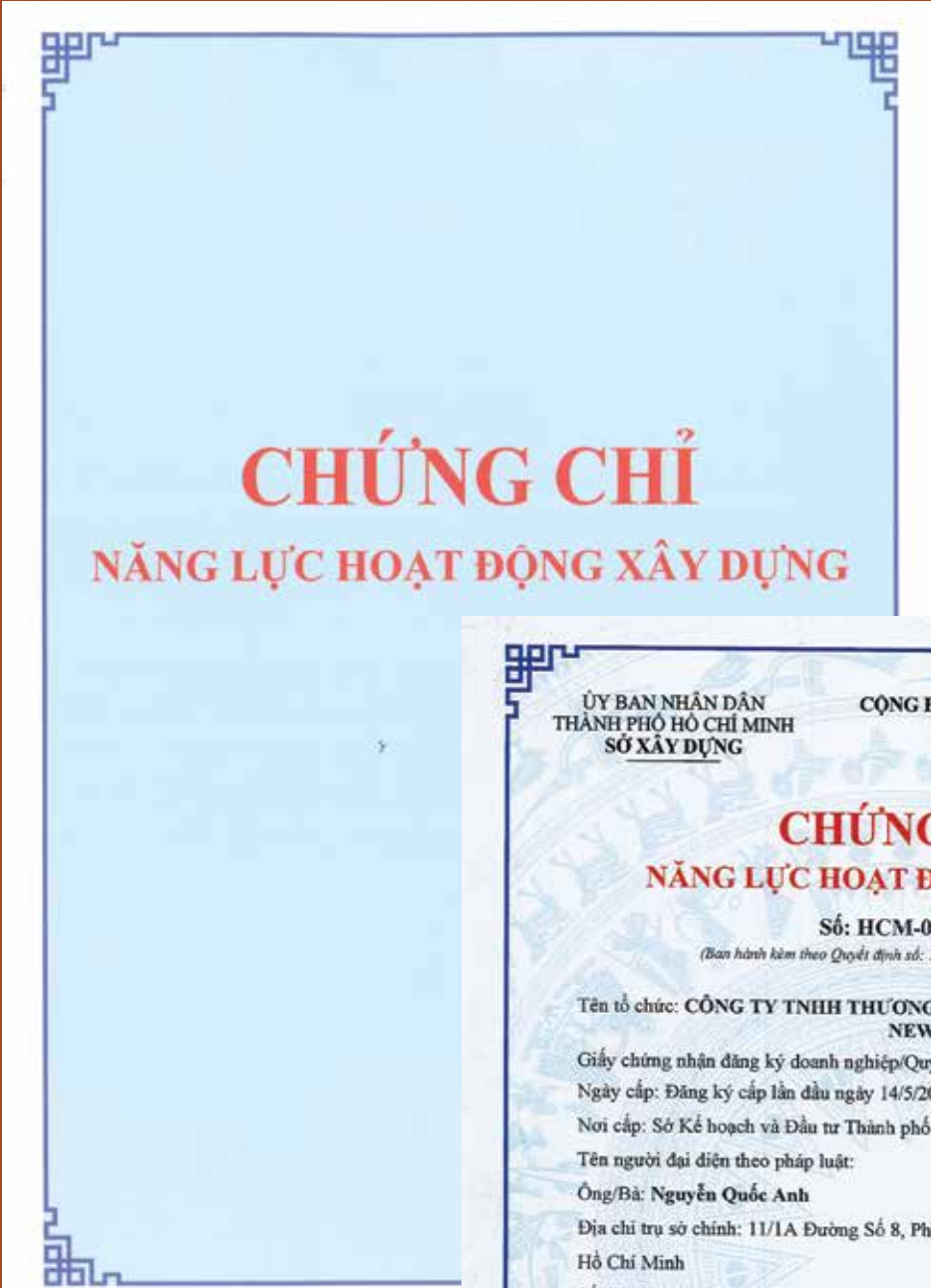
*ks* **TRƯỞNG PHÒNG**

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



*Nguyễn Trung Chánh*





# CHỨNG CHỈ

## NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**SỞ XÂY DỰNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## CHỨNG CHỈ

### NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

**Số: HCM-00022077**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 17/QĐ-SXD-QLNGEXD ngày 06/01/2020)

Tên tổ chức: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0305711230  
 Ngày cấp: Đăng ký cấp lần đầu ngày 14/5/2008, thay đổi lần thứ 11 ngày 11/11/2019;  
 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh;

Tên người đại diện theo pháp luật:  
**Ông/Bà: Nguyễn Quốc Anh** Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên

Địa chỉ trụ sở chính: 11/1A Đường Số 8, Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại: 0917727777 Số fax:  
 Email: newstartgroup7777@gmail.com Website:

Phạm vi hoạt động xây dựng:

1. Thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp: Hạng II;
2. Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp: Hạng II.

Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 06/01/2030/.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2020*

**TU. GIÁM ĐỐC**

**CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Bùi Văn Hiếu**



# CHỨNG CHỈ

## NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SỞ XÂY DỰNG                      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc


**CHỨNG CHỈ**  
**NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**  
Số: **BDG-00022077**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 64/QĐ-SXD ngày 07/01/2020)*

Tên tổ chức: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Newstart  
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0305711230  
Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh  
Tên người đại diện theo pháp luật:  
Ông/bà: Nguyễn Quốc Anh- Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên  
Địa chỉ trụ sở chính: 11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Số điện thoại: 0917727777  
Số fax:  
Email: Newstartgroup7777@gmail.com  
Website:

Phạm vi hoạt động xây dựng:

1. Giám sát thi công xây dựng công trình  
Giao thông (Đường bộ) **Hạng II**  
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Thủy lợi) **Hạng II**
2. Thi công xây dựng công trình  
Giao thông (Đường bộ) **Hạng II**  
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Thủy lợi) **Hạng II**

Chứng chỉ này có giá trị đến ngày 06/01/2030

Bình Dương, ngày 07 tháng 01 năm 2020  
GIÁM ĐỐC  
  
Hoàng Ngân

# NĂNG LỰC NHÂN SỰ

## CÁN BỘ CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

STT	SỐ THẺ	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH CÔNG VIỆC	STT	SỐ THẺ	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH CÔNG VIỆC
01	NS0001	NGUYỄN QUỐC ANH	GIÁM ĐỐC	31	NS0031	ĐOÀN VĂN THAO	CHUYÊN VIÊN IT
02	NS0002	DƯƠNG HỮU DŨNG	PHÓ GIÁM ĐỐC	32	NS0032	TRẦN VĂN TƯỜNG	AN TOÀN LAO ĐỘNG
03	NS0003	TRẦN VĂN TRƯỜNG	PHÓ GIÁM ĐỐC	33	NS0033	NGUYỄN THỊ THƠM	CHUYÊN VIÊN QS
04	NS0004	NGUYỄN QUANG QUÝ	PHÓ GIÁM ĐỐC	34	NS0034	PHẠM CÔNG ÚY	CHUYÊN VIÊN QS
05	NS0005	LƯƠNG MẠNH HÀ	TRƯỞNG PHÒNG KẾ HOẠCH VẬT TƯ	35	NS0035	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	CHUYÊN VIÊN QS
06	NS0006	PHẠM QUỲNH HUY	TRƯỞNG PHÒNG SẢN XUẤT	36	NS0036	BÙI PHƯỚC VỆ	CHỈ HUY TRƯỞNG
07	NS0007	LÂM TAM ĐIỆP	TRƯỞNG PHÒNG HC NHÂN SỰ	37	NS0037	NGUYỄN CAO CƯỜNG	KỸ SƯ HIỆN TRƯỞNG
08	NS0008	TRẦN THỊ PHƯƠNG	TRƯỞNG PHÒNG TÀI CHÍNH KT	38	NS0038	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	HẬU CÁN
09	NS0009	LÊ THỊ TUYẾT NGỌC	TRƯỞNG PHÒNG KINH DOANH	39	NS0039	VŨ VĂN THIỆU	TÀI XẾ
10	NS0010	ĐỖ HỮU ĐÁU	TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT DỰ ÁN	40	NS0040	LÊ CÔNG DANH	TÀI XẾ
11	NS0011	PHẠM VĂN HOÀN	GIÁM ĐỐC DỰ ÁN	41	NS0041	TRẦN BA	TÀI XẾ
12	NS0012	PHAN ĐỨC HÒA	GIÁM ĐỐC DỰ ÁN	42	NS0042	BÙI VĂN LÂM	KỸ SƯ HIỆN TRƯỞNG
13	NS0013	LÊ THANH LIÊM	GIÁM ĐỐC DỰ ÁN	43	NS0043	NGUYỄN HỮU THẮNG	KỸ SƯ HIỆN TRƯỞNG
14	NS0014	TRẦN ĐÌNH XU	GIÁM ĐỐC DỰ ÁN	44	NS0044	NGUYỄN TẤN PHÚ	KỸ SƯ HIỆN TRƯỞNG
15	NS0015	THÂN HOÀI NĂM	CHỈ HUY TRƯỞNG	45	NS0045	HOÀNG TÚ MAI	KỸ SƯ HIỆN TRƯỞNG
16	NS0016	NGUYỄN VĂN THƯỜNG	CHỈ HUY TRƯỞNG	46	NS0046	TRẦN TRUNG TUẤN	KỸ SƯ HIỆN TRƯỞNG
17	NS0017	PHI VĂN HOÀNG	CHỈ HUY TRƯỞNG	47	NS0047	HOÀNG ĐÌNH NGỌC	KỸ SƯ M&E
18	NS0018	TRẦN VĂN VỸ	CHỈ HUY TRƯỞNG	48	NS0048	ĐOÀN PHÚC VINH	QUẢN LÝ M&E
19	NS0019	NGÔ HOÀNG HÀ	CHỈ HUY TRƯỞNG	49	NS0049	NGUYỄN HÀ MY	NHÂN VIÊN LỄ TÂN
20	NS0020	NGÔ XUÂN TOÁN	QA-QC	50	NS0050	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	KỸ SƯ HIỆN TRƯỞNG
21	NS0021	TRẦN ĐỨC ĐÓA	TRƯỞNG BAN ATLĐ	51	NS0051	HOÀNG VĂN SUỐT	KỸ SƯ HIỆN TRƯỞNG
22	NS0022	PHAN VĂN MẠNH	CHUYÊN VIÊN KẾ TOÁN	52			
23	NS0023	BÙI VĂN MẠNH	CHỈ HUY TRƯỞNG	53			
24	NS0024	NGUYỄN THÚY KIỀU	CHUYÊN VIÊN QUẢN LÝ HỢP ĐỒNG	54			
25	NS0025	LƯU VĂN KHÁ	KỸ SƯ HIỆN TRƯỞNG	55			
26	NS0026	TRẦN BÍCH THỦY	THƯ KÝ CÔNG TRƯỞNG	56			
27	NS0027	VŨ BIÊN THỦY	THƯ KÝ	57			
28	NS0028	NGUYỄN TRƯỜNG SA	CHUYÊN VIÊN KỸ THUẬT	58			
29	NS0029	TRẦN THANH HÓA	KỸ SƯ HIỆN TRƯỞNG	59			
30	NS0030	PHẠM THỊ HÀ	CHUYÊN VIÊN QA/QC	60			





# CÔNG NHÂN KỸ THUẬT CỦA DOANH NGHIỆP



TT	CÔNG NHÂN THEO NGHỀ	SL	BẬC 3/7	BẬC 4/7	BẬC 5/7	BẬC 6/7	BẬC 7/7
1	THỢ NẾ	102	44	36	15	7	
2	THỢ GIA CÔNG CƠ KHÍ	14	1	5	4	2	2
3	THỢ ĐIỆN NƯỚC	9			5	2	2
4	THỢ MỘC + CỐP PHA	45	12	18	5	4	6
5	THỢ HÀN	8	2	2	1	1	2
6	THỢ THÉP + BÊ TÔNG	65	12	14	7	20	12
7	THỢ VẬN HÀNH MÁY	35		5	3	15	12
8	THỢ SỬA CHỮA	12			4	8	
9	THỢ LÁI XE BEN	20		10			10
10	THỢ HOÀN THIỆN CÔNG TRÌNH	28			12		16
11	THỢ LÁI TÀU	7					7





# TÂM NHÌN

“

Bằng khát vọng tiên phong cùng chiến lược đầu tư – phát triển bền vững, NEWSTART lựa chọn hoạt động xây lắp tại Việt Nam và trong khu vực làm chủ lực tạo thế phát triển bền vững; phấn đấu trở thành đơn vị chuyên nghiệp hàng đầu về Tổng thầu, thiết kế thi công các dự án chung cư cao tầng, nhà ở thương mại và công trình công nghiệp ..tại Việt Nam và Khu Vực.

Chúng tôi hướng đến sự phát triển một cách chuyên nghiệp nhất và bền vững nhất.



# SỨ MỆNH

NEWSTART luôn cung cấp các sản phẩm – dịch vụ với chất lượng cao, đảm bảo đúng tiến độ. Bên cạnh giá trị chất lượng vượt trội, trong mỗi sản phẩm – dịch vụ đều mang tính thẩm mỹ cao nhằm thỏa mãn tối đa nhu cầu chính đáng của khách hàng với mong muốn tìm được niềm vui nơi khách hàng khi hợp tác với NEWSTART.

Bên cạnh đó NEWSTART luôn đề cao tinh thần hợp tác cùng phát triển để trở thành người đồng hành số 1 của các đối tác và cổ đông, nhằm gia tăng các giá trị đầu tư hấp dẫn và bền vững hơn. Đồng thời xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và nhân văn, thực hiện các chế độ đãi ngộ hợp lý về vật chất và tinh thần.

Cuối cùng, NEWSTART luôn hướng đến sự hài hòa lợi ích doanh nghiệp với lợi ích xã hội, đóng góp tích cực vào các hoạt động hưởng về cộng đồng, thể hiện tinh thần trách nhiệm công dân và niềm tự hào dân tộc.

## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

### ➤ TINH THẦN ĐỒNG ĐỘI :

Làm việc nhóm, cởi mở trong lời nói, tin tưởng nhau trong công việc

### ➤ TINH THẦN CHUYÊN NGHIỆP:

Kiến thức và kinh nghiệm được kết hợp là sức mạnh

### ➤ ĐAM MÊ:

Đam mê trong công việc để hướng tới khách hàng của chúng tôi

### ➤ SÁNG TẠO :

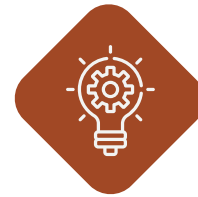
Liên tục tìm kiếm cải thiện và đổi mới quy trình công việc

### ➤ CHÍNH TRỰC:

Minh bạch và trung thực trong hoạt động kinh doanh



# CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG

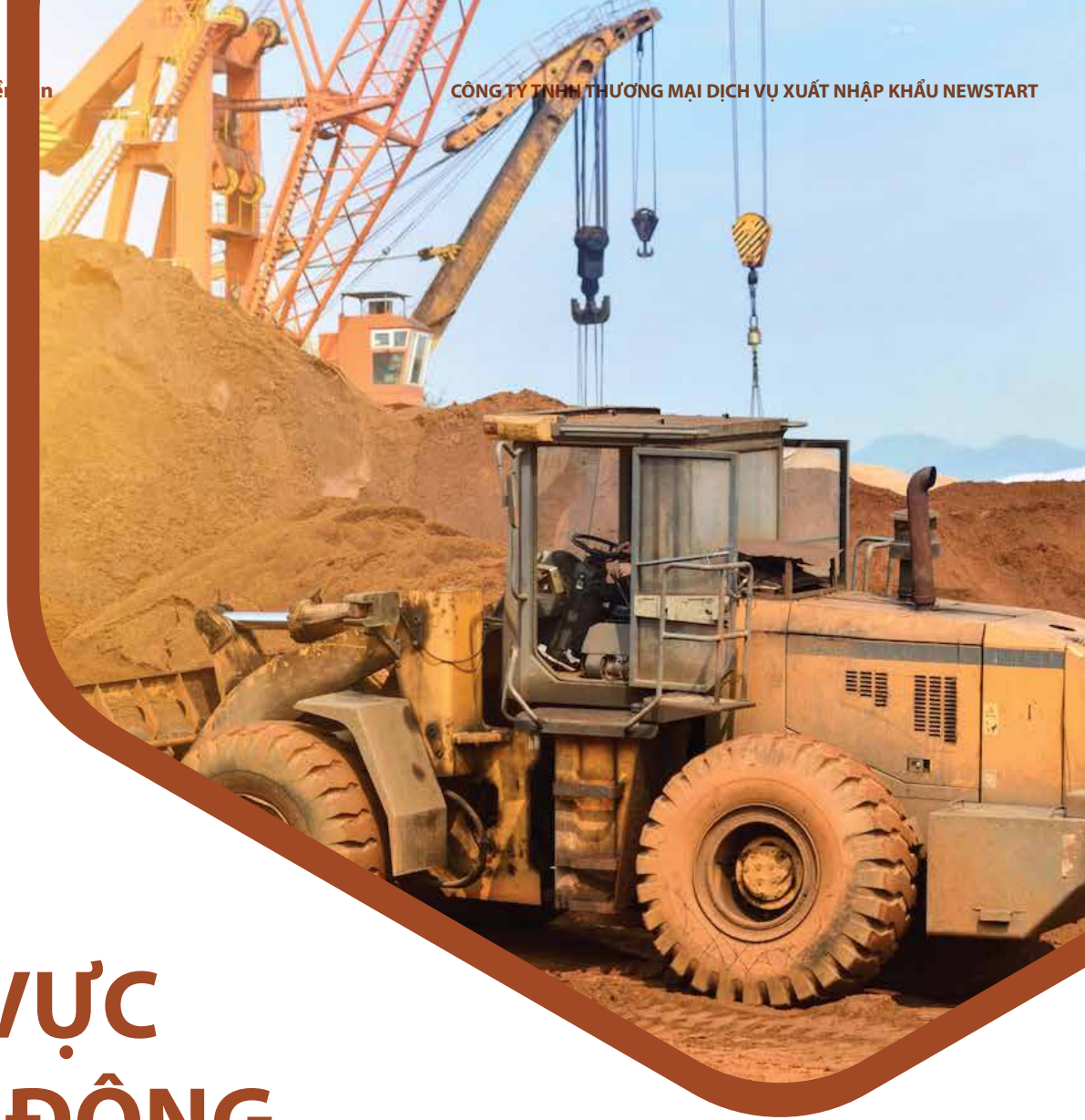


Đề xuất các giải pháp kỹ thuật và kiến trúc của dự án để tiết kiệm kinh phí và thời gian cho chủ đầu tư mà vẫn đảm bảo những yêu cầu về công năng sử dụng, chất lượng và an toàn.

**CHUYÊN NGHIỆP TRONG QUẢN LÝ THI CÔNG :**  
NEWSTART bổ nhiệm các đội ngũ quản lý có kinh nghiệm – quyết đoán – thi công chuyên nghiệp , và các công nhân lành nghề đến công trình thi công tuân thủ theo tiêu chuẩn xây dựng và đảm bảo đúng tiến độ công trình.







# LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG



Xây dựng  
công trình  
dân dụng

Xây dựng  
công trình  
công nghiệp



Xây dựng  
công trình  
Hạ tầng cơ sở



Xin cấp  
giấy phép  
đầu tư và  
xây dựng dự án



Thi công  
lắp đặt  
hệ thống cơ điện





# BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019-2021

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU  
NEWSTART

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART  
11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4-5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6-7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-17



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART  
11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

**Ban Lãnh đạo**

Nguyễn Quốc Anh

Chủ tịch HĐQT

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được Chủ tịch Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán VNASC kiểm toán.

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 05 đến trang 17 kèm theo.

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc thông định rằng, không có bất cứ sự kiện bất thường hoặc sự kiện nào khác phát sinh trong năm và sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc bổ sung Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phân đoạn và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu có các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thuyết minh, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART  
11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh

Ban Giám đốc chấp nhận trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chấp nhận trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Quốc Anh

Chủ tịch HĐQT

Lập, ngày tháng năm 2020



CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ KIỂM TOÁN VNASC  
Địa chỉ: Số 8 ngách 48, Đường Dương Quảng Hàm, phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Số: 1203/CKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Kính gửi Ban Giám đốc CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty, theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về tính toàn vẹn nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý và việc lập Báo cáo tài chính của Công ty có sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên sự đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trong thực tế, hợp lý nhận thức về các thủ tục của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**

**Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Thuần  
Giám đốc  
Giấy CN ĐKKH kiểm toán 5015-2019-123-1

*Can*

Dương Việt Cường  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKKH kiểm toán 4445-2019-123-1

Thay mặt và đại diện cho  
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ KIỂM TOÁN VNASC  
Hà Nội, ngày tháng năm 2020



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART  
 11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh  
 Báo cáo tài chính năm 2019  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31/12/2019

Mẫu B01a-DNN  
 Đơn vị VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	4	1.897.753.278	1.208.197.294
<b>II. Đầu tư tài chính</b>	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	123			
4. Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	124			
<b>III. Các khoản phải thu</b>	130	5	44.954.233.467	13.795.318.917
1. Phải thu của khách hàng	131		44.954.233.467	13.795.318.917
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Về kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	133			
4. Phải thu khác	134			
5. Tài sản miễn trừ xử lý	135			
6. Dự phòng phải thu khó đòi	136			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140	6	44.923.637.628	22.812.370.060
1. Hàng tồn kho	141		44.923.637.628	22.812.370.060
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142			
<b>V. Tài sản cố định</b>	150	7	8.777.694.160	10.141.697.632
- Nguyên giá	151		13.156.420.050	13.156.420.050
- Giá trị hao mòn lũy kế	152		(4.378.725.890)	(3.014.722.418)
<b>VI. Bất động sản đầu tư</b>	160			
- Nguyên giá	161			
- Giá trị hao mòn lũy kế	162			
<b>VII. Xây dựng cơ bản dở dang</b>	170	8	4.015.896.201	4.015.896.201
<b>VIII. Tài sản khác</b>	180		1.281.647.888	1.281.647.888
1. Thuế GTGT được khấu trừ	181		445.581.069	445.581.069
2. Tài sản khác	182		836.066.819	836.066.819
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	200		102.889.124.734	53.188.629.292

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART  
 11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh  
 Báo cáo tài chính năm 2020  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2020

Mẫu B01a-DNN  
 Đơn vị VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm	
<b>I. Nợ phải trả</b>	200	9	54.663.445.445	18.963.854.771
1. Phải trả người bán	311		14.830.044.241	10.053.811.096
2. Người mua trả tiền trước	312			
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		17.501.897	908.239.675
4. Phải trả người lao động	314			
5. Phải trả khác	315			
6. Vay và nợ thuê tài chính	316		19.815.000.000	
7. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	317			
8. Dự phòng phải trả	318			
9. Quỹ lương thưởng, phúc lợi	319			
10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	320			
<b>II. Vốn chủ sở hữu</b>	400		48.325.679.289	42.291.977.521
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	10	20.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6. Các quỹ thuộc về chủ sở hữu	416			
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		28.325.679.289	32.291.977.521
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	500		102.889.124.734	53.188.629.292

Người lập báo cáo tài chính: *Nguyễn Quốc Anh*  
 Kế toán trưởng: *Trần Hoài Bảo Châu*  
 Chủ tịch HĐQT: *Nguyễn Quốc Anh*  
 Lập, ngày tháng năm 2020

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART  
 11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh  
 Báo cáo tài chính năm 2019  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2019

Mẫu B02-DNN  
 Đơn vị VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01	11	110.309.428.484	75.851.138.590
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10		110.309.428.484	75.851.138.590
4. Giá vốn hàng bán	11	12	81.944.415.583	51.985.495.633
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		28.365.012.901	23.865.642.957
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	13	926.627	6.176.871
7. Chi phí tài chính	22	14	401.534.244	-
+ Trong đó: Chi phí lãi vay	23		401.534.244	-
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24	15	8.932.459.682	7.621.658.317
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		19.031.937.597	16.259.161.514
10. Thu nhập khác	31			
11. Chi phí khác	32			
12. Lợi nhuận khác	40			
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		19.031.937.597	16.259.161.514
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		3.806.387.519	3.250.032.303
<b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	60		15.225.550.078	13.009.129.211

Người lập báo cáo tài chính: *Nguyễn Quốc Anh*  
 Kế toán trưởng: *Trần Hoài Bảo Châu*  
 Chủ tịch HĐQT: *Nguyễn Quốc Anh*  
 Lập, ngày tháng năm 2020

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART  
 11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh  
 Báo cáo tài chính năm 2020  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp nạp tiền)

Năm 2020

Mẫu B03-DNN  
 Đơn vị VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	80.493.580.160	79.714.085.766
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(76.842.484.885)	(55.596.676.900)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(8.000.000.000)	(8.001.595.820)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(491.534.244)	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(3.806.387.519)	(2.805.265.665)
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	06		
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.076.369.258)	(5.204.676.477)
8. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	10	(18.633.595.896)	7.999.876.988
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	21		(7.775.361.401)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	10.000.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền thu từ đi vay	33	19.815.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay và nợ thuê tài chính	34		
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35	(19.291.848.310)	-
6. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	18.523.151.690	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50	(18.444.114)	184.515.567
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.208.197.294	1.823.681.887
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.897.753.278	1.208.197.294

Người lập báo cáo tài chính: *Nguyễn Quốc Anh*  
 Kế toán trưởng: *Trần Hoài Bảo Châu*  
 Chủ tịch HĐQT: *Nguyễn Quốc Anh*  
 Lập, ngày tháng năm 2020

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART
11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH
Chi môn
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1.ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. BẬC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Khái quát chung

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305711230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính: 11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Các hoạt động kinh doanh theo đăng ký của Công ty bao gồm:

- Ngành nghề theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Doanh nghiệp

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định liên quan khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỶ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm độ kế toán của Công ty từ 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

2.3. HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ẬP DỤNG

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán là Nhật ký chung trên máy vi tính bằng phần mềm kế toán.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính, các điều chỉnh và việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính này.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày sẽ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chính sách tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán ngày vào chi phí tài chính hoặc

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART
11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH
Chi môn
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này thuộc phạm vi tăng giá trị kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thể nhận được điều khoản trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ hoặc chi phí phân bổ không quá 3 năm.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng đối với tài sản có định hữu hình. Thời gian khấu hao của tài sản theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản có định.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, lãi ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản có định được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí phát sinh trong năm nay nhưng do liên quan và được phân bổ dần vào chi phí để xác định kết quả kinh doanh. Các khoản chi liên quan đến sản phẩm chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí của mỗi kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí được sử để phát sinh những có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm: Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn; Chi phí sửa chữa lớn tài sản có định phát sinh một lần quá lớn. Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh của có vào thời điểm, mức độ tăng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu chuẩn phân bổ từ 2 đến 3 năm.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nêu:

Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được Công ty ghi nhận là Nợ ngắn hạn

Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được Công ty ghi nhận là Nợ dài hạn

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN năm nay và các khoản chi chính do áp dụng chế độ thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh bất kỳ sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hoá được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc đến tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Cụ thể theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART
11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH
Chi môn
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Đối với khoản chính sách tỷ giá phát sinh trong đồng đầu tư xây dựng cơ bản, Công ty ghi nhận vào báo cáo tài chính của chính mục kế toán Việt Nam và các văn bản Nhà nước có liên quan liên quan.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoà đơn bán hàng xuất kho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nêu:

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được Công ty ghi nhận là Tài sản ngắn hạn.

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được Công ty ghi nhận là Tài sản dài hạn.

Phế phẩm phải thu không đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được quyền trích lập dự phòng khoản không đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khoản không thanh toán.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản có định:

Tài sản có định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản có định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản có định hữu hình có định và hữu hạn tài sản có định được theo hình thức Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản có định hữu hình, Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản có định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Nguyên giá tài sản có định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (nếu các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART
11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH
Chi môn
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Phần lưu trữ và xử lý hệ thống dữ liệu với quyền sở hữu của phần mềm hoặc bằng hữu đã được chuyển giao cho người mua.

Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền bán xuất hàng hóa.

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn:

Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cũng cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh ít nhất là, nêu bên quyền, có tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Cụ thể theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 hai điều kiện áp dụng cho việc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phần, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ và thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mỗi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART  
 11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Các thành phần này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:**

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thuế chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN của cơ sở vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau công về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Các nghĩa vụ về thuế khác:**

Các loại thuế phát sinh Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo quy định hiện hành của Nhà nước.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART  
 11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Các thành phần này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>		
Tiền mặt	588.947.721	1.205.388.831
Tiền gửi ngân hàng	569.585.557	2.868.563
<b>Cộng</b>	<b>1.097.533.278</b>	<b>1.208.197.394</b>
<b>5 CÁC KHOẢN PHẢI THU</b>		
Phải thu của khách hàng	44.074.233.467	13.795.310.917
<b>Cộng</b>	<b>44.074.233.467</b>	<b>13.795.310.917</b>
<b>6 HÀNG TỒN KHO</b>		
Hàng tồn kho	44.923.637.628	22.812.370.060
<b>Cộng</b>	<b>44.923.637.628</b>	<b>22.812.370.060</b>
<b>7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH</b>		
Nguyên giá	13.356.420.050	13.356.420.050
Hao mòn lũy kế	(4.578.815.890)	(3.214.812.418)
Giá trị còn lại	8.777.604.160	10.141.607.632
<b>8 TÀI SẢN KHÁC</b>		
Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	-	443.581.069
Tài sản khác	-	836.066.019
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.280.647.088</b>
<b>9 NỢ PHẢI TRẢ</b>		

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART  
 11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Các thành phần này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

	VND	VND
Phải trả người bán	34.830.944.348	10.653.812.096
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17.501.097	909.239.675
Vay và nợ thuế tài chính	19.815.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>54.663.445.445</b>	<b>10.963.051.771</b>

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>10 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU</b>		
Vốn góp của chủ sở hữu đầu năm	10.000.000.000	10.000.000.000
Vốn góp của chủ sở hữu tăng trong năm	10.000.000.000	-
Vốn góp của chủ sở hữu giảm trong năm	-	-
Vốn góp của chủ sở hữu cuối năm	20.000.000.000	10.000.000.000

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>11 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	110.309.420.484	75.851.138.590
<b>Cộng</b>	<b>110.309.420.484</b>	<b>75.851.138.590</b>

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>12 GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>		
Giá vốn hàng bán	81.944.415.588	51.985.495.635
<b>Cộng</b>	<b>81.944.415.588</b>	<b>51.985.495.635</b>

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>13 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
Lãi tiền gửi	926.627	6.176.876
<b>Cộng</b>	<b>926.627</b>	<b>6.176.876</b>

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>14 CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		

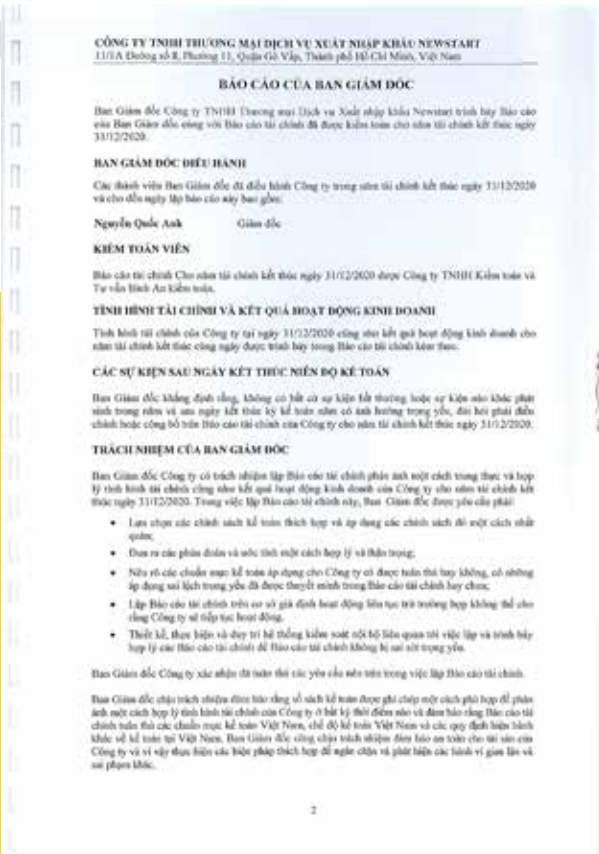
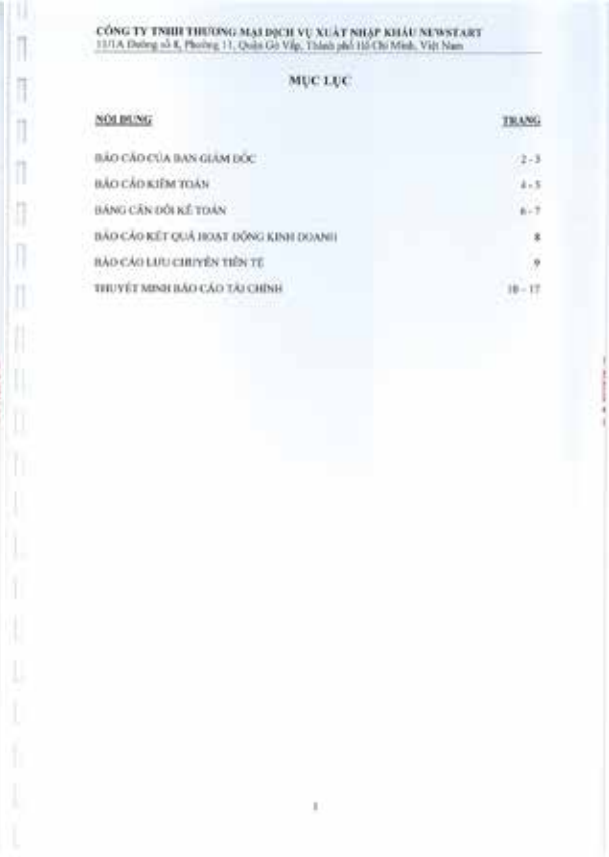
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART  
 11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Các thành phần này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí tài chính	401.534.244	-
<b>Cộng</b>	<b>401.534.244</b>	<b>-</b>
<b>15 CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH</b>		
Chi phí quản lý kinh doanh	8.932.459.682	7.621.658.317
<b>Cộng</b>	<b>8.932.459.682</b>	<b>7.621.658.317</b>

**16. SỐ LIỆU SO SÁNH**  
 Số liệu so sánh là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2019 của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART.

Ngày lập báo *Nguyễn Quốc Anh* Kế toán trưởng *Nguyễn Quốc Anh* Giám đốc *Nguyễn Quốc Anh*  
 Lữn ngày tháng năm 2020  
 Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Newstart  
 Nguyễn Quốc Anh

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020







Số: 1603/2022.20/BCKT/KA

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Hệ báo cáo tài chính của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Newstart cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Kính gửi Ban Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Newstart

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Newstart (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty, theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (Accounting) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về tính toàn vẹn nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhận thu thập các bằng chứng kiểm toán và các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lập ra dựa trên sự đánh giá của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro có sai sót, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm phát hiện các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi đã tương ứng các bằng chứng kiểm toán với những thủ tục đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**

**Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



*[Handwritten signature]*

**Lê Nguyễn Tuấn Anh**  
Giám đốc  
Giấy CN EAS/IVY kiểm toán 3446-2021-328-1

**Phạm Văn Minh**  
Kiểm toán viên  
Giấy CN DAN kiểm toán 5242-2021-328-1

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Bình An  
Lập ngày 16 tháng 3 năm 2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2020

TÀI SẢN	Mô số	Thuyết minh	Số cuối năm	Mở đầu năm
I. Tổng và các khoản tương đương tiền	110	4	2.608.456.298	3.097.752.278
II. Phải trả tài chính	120	-	-	-
III. Các khoản phải thu	130	5	41.866.176.081	44.674.225.467
1 Phải thu của khách hàng	131	-	41.866.176.081	44.674.225.467
IV. Hàng tồn kho	140	6	53.592.783.558	44.923.637.628
3 Hàng tồn kho	141	-	53.592.783.558	44.923.637.628
V. Tài sản cố định	150	7	8.091.908.722	8.777.656.169
1 Nguyên giá	151	-	14.910.329.050	13.256.420.050
2 Giá trị hao mòn lũy kế (*)	152	-	(6.818.420.328)	(4.478.763.881)
VI. Bất động sản đầu tư	160	-	-	-
VII. MỨC DƯ DANG	170	-	-	4.015.896.203
VIII. Tài sản khác	180	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>200</b>		<b>106.219.319.917</b>	<b>102.889.124.734</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2020 (Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mô số	Thuyết minh	Số cuối năm	Mở đầu năm
I. Nợ phải trả	200	8	95.167.819.849	94.663.645.445
1 Phải trả cho người bán	211	-	29.154.819.045	34.230.944.348
2 Phải trả các khoản phải nộp khác	212	-	-	92.501.897
3 Nợ vay và nợ tài chính	216	-	26.313.000.000	19.813.900.000
II. Vốn chủ sở hữu	400	9	10.951.499.072	48.225.479.289
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411	-	23.000.000.000	20.000.000.000
2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417	-	16.961.499.072	28.225.479.289
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>500</b>		<b>106.219.319.917</b>	<b>102.889.124.734</b>

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2022

Người lập báo

Kế toán trưởng

Giám đốc

*[Handwritten signature]*



Nguyễn Quốc Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Table with 5 columns: CHỈ TIÊU, Mã, Tháng số, Năm nay, Năm trước. Rows include items like Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, Chi phí bán hàng và cung cấp dịch vụ, Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ, etc.

Người lập biểu

Kế toán trưởng
Trần Thị Kiều Chi

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2021



Nguyễn Quốc Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Table with 5 columns: CHỈ TIÊU, Mã số, Tháng số, Năm nay, Năm trước. Rows include Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động sản xuất kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động đầu tư, Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính, etc.

Người lập biểu

Kế toán trưởng
Trần Thị Kiều Chi

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2021



Nguyễn Quốc Anh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Khái quát chung

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Newstart (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105711236 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/05/2008 và thay đổi lần thứ 12 ngày 08/06/2020.

Địa chỉ trụ sở: 117A Đường số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 26.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng).

Các hoạt động kinh doanh theo đăng ký của Công ty bao gồm các ngành nghề đã đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và ghi chép với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tài Việt Nam.

2.2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty từ 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VNĐ").

2.3. HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán là Nhật ký chung trên máy vi tính bằng phần mềm kế toán.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/09/2016 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngày hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Đối với khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, Công ty ghi nhận vào bên theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản Nhà nước có liên quan liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các khoản trong danh sách là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi để dùng thanh toán và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua hoặc đầu tư đó từ thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, nội quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hóa đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán các cơ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, như:

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được Công ty ghi nhận là Tài sản ngắn hạn.

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được Công ty ghi nhận là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được quyền trích lập dự phòng khoản phải thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người trả khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình có định và khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 23 tháng 04 năm 2013 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2014/TT-BTC ngày 13/10/2014 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Nguyên giá trị tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua thực tế của khách hàng thương mại hoặc giá mua gốc, các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa



**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART** **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 11/1A Đường số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Các thành viên này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mục được điều chỉnh sửa được Công ty ghi nhận vào chỉ phí sửa chữa kinh doanh trong kỳ hoặc chi phí phân bổ không quá 3 năm.

Phương pháp khấu hao TSCĐ lấy theo Khế lục được trích theo phương pháp đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Thời gian khấu hao của cơ sở theo Thông tư 15/TT-BTC ngày 23 tháng 04 năm 2013 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khi ước vay, phân trả, phân chi và chứng từ ngân hàng. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 – Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác**

**Chi phí trả trước ngắn hạn:** Là các loại chi phí phát sinh trong năm nay nhưng có liên quan và được phân bổ dần vào chi phí để xác định kết quả kinh doanh. Các khoản chi phí quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

**Chi phí trả trước dài hạn:** Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm để kế toán báo gộp; Công ty được quyền xác định có giá trị lớn. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần lớn. Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh dựa cơ sở vào tính chất, mức độ tăng lên chi phí để chọn phương pháp và thời trích phân bổ từ 2 đến 3 năm.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:**

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo thời đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận dựa vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác từ thời điểm báo cáo, như:

Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được Công ty ghi nhận là nợ ngắn hạn

Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được Công ty ghi nhận là nợ dài hạn

**Nguyên tắc ghi nhận và chi trả lãi:**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN năm nay và các khoản điều chỉnh dự ứng báo lãi thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh lãi từ sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc đầu tiên, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát sinh hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – “Doanh thu và thu nhập khác”. Cụ thể theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 doanh thu bán hàng bán được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART** **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 11/1A Đường số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Các thành viên này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh của giao dịch và chi phí đã hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu từ tiền lãi gửi, lãi tiền cho vay được ghi nhận dựa trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế tính kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – “Doanh thu và thu nhập khác”.

Cụ thể theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 hai điều kiện áp dụng cho việc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí quản lý kinh doanh**

Chi phí quản lý hoạt động tài chính là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay cho báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART** **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 11/1A Đường số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Các thành viên này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.**

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:**

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận (thuần) được trích bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hợp chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN của cơ sở dựa vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định của công ty về thuế TNDN tập thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VNĐ		VNĐ	
Tiền mặt	2.245.000.000	500.047.723		
Tiền gửi ngân hàng	443.432.243	500.585.537		
<b>Cộng</b>	<b>2.688.432.243</b>	<b>1.000.633.260</b>		

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VNĐ		VNĐ	
Phải thu của khách hàng	41.866.176.043	44.074.233.467		
<b>Cộng</b>	<b>41.866.176.043</b>	<b>44.074.233.467</b>		

6. HÀNG TỒN KHO	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VNĐ		VNĐ	
Hàng tồn kho	13.342.783.738	44.523.637.628		
<b>Cộng</b>	<b>13.342.783.738</b>	<b>44.523.637.628</b>		

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART** **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 11/1A Đường số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Các thành viên này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VNĐ		VNĐ	
Nguyên giá				
Số đầu năm	13.336.429.036	13.336.429.036		
- Mua trong năm	2.234.200.000	2.234.200.000		
Số cuối năm	<b>15.570.629.036</b>	<b>15.570.629.036</b>		
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	4.578.813.800	4.578.813.800		
- Khai báo trong năm	2.748.203.438	2.748.203.438		
Số cuối năm	<b>7.327.017.238</b>	<b>7.327.017.238</b>		
Giá trị còn lại				
Vật cố định năm	8.243.611.798	8.243.611.798		
Vật ngay cuối năm	8.881.988.721	8.881.988.721		

8. NỢ PHẢI TRẢ	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VNĐ		VNĐ	
Phải trả cho người bán	29.054.819.045	34.810.944.348		
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	17.500.000		
Vay và nợ thuê tài chính	26.211.000.000	19.815.000.000		
<b>Cộng</b>	<b>55.265.819.045</b>	<b>54.643.444.348</b>		

9. VỐN CHỦ SỞ HỮU	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VNĐ		VNĐ	
Vốn góp của chủ sở hữu	20.000.000.000	20.000.000.000		
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	30.961.498.872	28.225.679.289		
<b>Cộng</b>	<b>50.961.498.872</b>	<b>48.225.679.289</b>		

10. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm nay		Năm trước	
	VNĐ		VNĐ	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	128.792.064.377	118.309.420.044		
<b>Cộng</b>	<b>128.792.064.377</b>	<b>118.309.420.044</b>		

11. GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Năm nay		Năm trước	
	VNĐ		VNĐ	
Giá vốn hàng bán	118.237.830.482	83.944.413.398		
<b>Cộng</b>	<b>118.237.830.482</b>	<b>83.944.413.398</b>		



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU  
NEWSTART  
111/A Đường số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**12. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	1.908.620	926.627
<b>Cộng</b>	<b>1.908.620</b>	<b>926.627</b>

**13. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	1.783.610.847	401.534.244
<b>Cộng</b>	<b>1.783.610.847</b>	<b>401.534.244</b>

**14. CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí quản lý kinh doanh	9.082.614.826	8.932.459.682
<b>Cộng</b>	<b>9.082.614.826</b>	<b>8.932.459.682</b>

**15. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng thu nhập phát sinh, trong đó:		
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	138.885.710.309	118.310.347.111
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	119.333.220.558	91.278.409.514
Lãi được chuyển từ các năm trước	-	-
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	19.552.489.751	19.031.937.597
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.930.497.950	3.806.387.519
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.930.497.950	3.806.387.519
<b>Cộng</b>	<b>3.930.497.950</b>	<b>3.806.387.519</b>

**16. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được phê duyệt bởi Công ty.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU  
NEWSTART  
111/A Đường số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**17. PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc đã chấp thuận việc phát hành Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020.

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

*Trần Hải Bảo Đức*



Nguyễn Quốc Anh

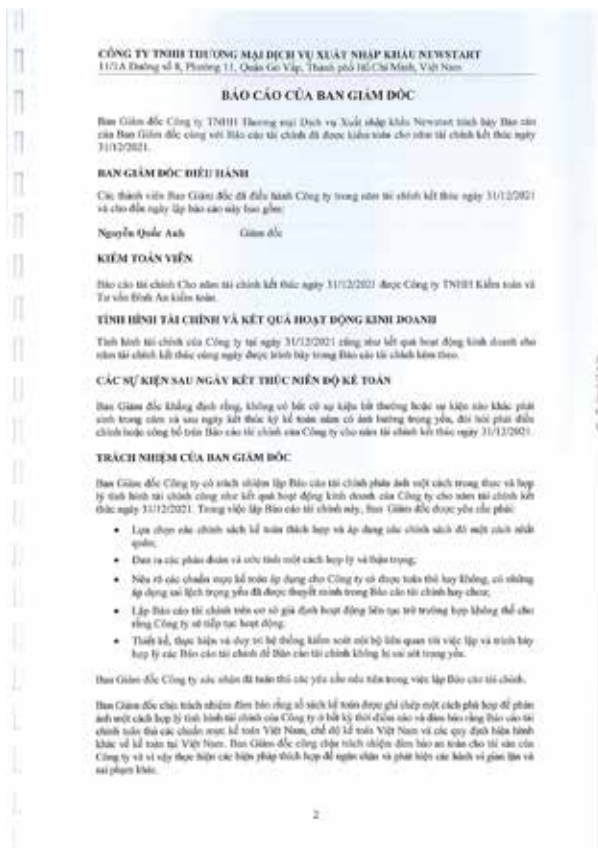
# BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART  
11/1A Đường số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**MỤC LỤC**

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4-5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6-7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-17





Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Bình An  
Website: www.binh-an.com

Số: 01012022.26/ĐCKT

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Newstart cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021*

**Kính gửi:** Ban Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Newstart

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Newstart (sau đây gọi là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty, theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (kinh doanh) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiến tạo nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đủ bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên sự đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm toán nội bộ của Công ty (liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm tránh bị các thủ tục kiểm toán phát hiện) với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm toán nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

4



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Bình An  
Website: www.binh-an.com

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

**Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021; phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Lê Nguyễn Tuấn Anh**  
Giám đốc  
Giấy CN ĐKKV kinh doanh 3448-2021-328-1  
Thay mặt và đại diện cho  
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Bình An  
Ngày 03 tháng 1 năm 2022



**Phạm Văn Minh**  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKKV kinh doanh 3242-2021-328-1

5

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU  
NEWSTART  
11/1 Đường số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2021

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

*Tại ngày 31/12/2021*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			2021	2020
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	4	4.666.851.356	2.688.458.356
<b>II. Báo tài chính</b>	120		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	130	5	51.805.356.832	41.866.176.081
1 Phải thu của khách hàng	131		41.805.356.672	41.866.176.081
2 Phải thu khác	134		8.000.000.000	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140	4	53.037.193.419	53.592.785.758
1 Hàng tồn kho	141		53.037.193.419	53.592.785.758
<b>V. Tài sản cố định</b>	150	7	6.883.437.138	8.881.906.722
1 Nguyên giá	151		14.919.920.039	14.919.920.039
2 Giá trị hao mòn lũy kế (*)	152		(8.037.482.912)	(6.038.013.317)
<b>VI. Bất động sản đầu tư</b>	160		-	-
<b>VII. Nợ phải trả</b>	170		-	-
<b>VIII. Tài sản khác</b>	180		1.038.592.471	-
1 Tài sản khác	182		1.038.592.471	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	200		117.371.438.646	166.229.318.917

6

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU  
NEWSTART  
11/1 Đường số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2021

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

*Tại ngày 31/12/2021 (Tiếp theo)*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			2021	2020
<b>I. Nợ phải trả</b>	300	8	55.884.792.682	55.267.833.845
1 Phải trả cho người bán	311		29.084.752.682	29.054.819.043
2 Vay và nợ thuê tài chính	316		36.800.000.000	26.213.000.000
<b>II. Vốn chủ sở hữu</b>	400	9	61.486.677.964	50.961.485.072
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		41.486.677.964	30.961.485.072
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	500		117.371.438.646	106.229.318.917

*Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 01 năm 2022*

Người lập báo



Kiểm toán trưởng



Giám đốc



7



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART
11/1A Đường số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Chiếm ưu thế chính kể từ ngày 31/12/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Table with 5 columns: CHỈ TIÊU, Mã số, Tháng, Năm nay, Năm trước. Rows include revenue, operating income, and net profit.

Người lập báo, Kế toán trưởng, Giám đốc. HỒ Chí Minh, ngày 05 tháng 05 năm 2022. Includes a red circular stamp of the company.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART
11/1A Đường số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Chiếm ưu thế chính kể từ ngày 31/12/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Table with 5 columns: CHỈ TIÊU, Mã số, Tháng, Năm nay, Năm trước. Rows include cash flow from operations, investing, and financing.

Người lập báo, Kế toán trưởng, Giám đốc. HỒ Chí Minh, ngày 05 tháng 05 năm 2022. Includes a red circular stamp of the company.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART
11/1A Đường số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Chiếm ưu thế chính kể từ ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thành viên nắm giữ bị phận hợp thành và các thành viên đồng chủ sở hữu của tài chính liên quan

1. BẠCH ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Khái quát chung

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Newstart (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105711230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/03/2008 và thay đổi lần thứ 12 ngày 08/06/2021.

Địa chỉ trụ sở: 11/1A Đường số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Các hoạt động kinh doanh theo đăng ký của Công ty bao gồm các ngành nghề đã đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm độ kế toán của Công ty từ 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VNĐ").

2.3. HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ỨNG DỤNG

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán là Nhật ký chung trên máy vi tính bằng phần mềm kế toán.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 tương đương chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tiền tệ chính sách tỷ giá hối đoái ghi nhận trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán ngoại tệ theo chế độ ghi sổ chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Đối với khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, Công ty ghi nhận vào báo theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản Nhà nước có liên quan hiện hành.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART
11/1A Đường số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Chiếm ưu thế chính kể từ ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thành viên nắm giữ bị phận hợp thành và các thành viên đồng chủ sở hữu của tài chính liên quan

3.3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình có định và không hữu hình có định được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 23 tháng 04 năm 2013 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC, ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 45/2013/TT-BTC, ngày 23/04/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đưa vào giá trị của tài sản vào ngày tài sản sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận hao tổn TSCĐ hữu hình được ghi tổng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này được chuyển làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thuộc

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART**  
 11/1A Đường số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 Cho năm tài chính kết thúc năm ngày 31/12/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

mình được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chỉ phí sản xuất kinh doanh trong kỳ hoặc chỉ phí phân bổ không quá 3 năm.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng đối với tài sản có định hữu hình. Thời gian khấu hao căn cứ theo Thông tư 45/TT-BTC ngày 21 tháng 04 năm 2013 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**Nguyên tắc ghi nhận và vấn đề các khoản chi phí đi vay**

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, kế toán vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản cố định được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vấn đề các khoản chi phí khác:**

**Chi phí trả trước ngắn hạn:** Là các loại chi phí phát sinh trong năm nay nhưng có liên quan và được phân bổ dần vào chi phí để xác định kết quả kinh doanh. Các khoản chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

**Chi phí trả trước dài hạn:** Là các loại chi phí được sử dụng để phát sinh nhưng có liên quan đến kỳ kế hoạch đầu tư sản xuất kinh doanh của nhiều năm kế tiếp nhau bao gồm: Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn; Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn. Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh của các năm liên tiếp, mức độ tăng loại chi phí để phân bổ tương ứng và tính thời gian phân bổ từ 2 đến 3 năm.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thường mại và phải trả khác:**

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hợp đồng mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận của các đơn vị hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, như:

Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được Công ty ghi nhận là nợ ngắn hạn

Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được Công ty ghi nhận là nợ dài hạn

**Nguyên tắc ghi nhận và chi trả thuế:**

Vấn đề thu của chủ sở hữu được ghi nhận theo số tiền được góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng bổ sung thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh bổ sung số trung gian của các năm trước.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thu nhập**

*Doanh thu bán hàng:*

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc đầu tiên, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Cụ thể theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART**  
 11/1A Đường số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 Cho năm tài chính kết thúc năm ngày 31/12/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Phần lớn của xe và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng tài sản phân bổ hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đã được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo lịch quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế tăng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Cụ thể theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 hai điều kiện áp dụng cho việc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thanh toán, hàng hoá, vật tư xuất kho cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí quản lý kinh doanh**

Chi phí quản lý kinh doanh là các khoản chi phí phát sinh phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ và tài trợ trong và ngoài nước sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART**  
 11/1A Đường số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 Cho năm tài chính kết thúc năm ngày 31/12/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.**

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:**

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN của cơ sở vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định các tăng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4. TÊN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TÊN	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Tiền	4.688.871.386	7.688.458.336		
Cộng	4.688.871.386	7.688.458.336		
<b>5. CÁC KHOẢN PHẢI THU</b>				
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng	41.805.338.032	41.805.176.081		
Phải thu khác	8.000.000.000	-		
Cộng	49.805.338.032	41.805.176.081		
<b>6. HÀNG TỒN KHO</b>				
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Hàng tồn kho	55.037.193.619	55.382.783.738		
Cộng	55.037.193.619	55.382.783.738		

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART**  
 11/1A Đường số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 Cho năm tài chính kết thúc năm ngày 31/12/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

	Từ năm có định hình		Cộng	
	Số cuối năm	Số đầu năm	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	14.930.933.030	14.930.933.030		
- Mua trong năm	-	-		
Số dư cuối năm	14.930.933.030	14.930.933.030		
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	6.829.019.328	6.829.019.328		
- Điều hao trong năm	1.198.463.387	1.198.463.387		
Số dư cuối năm	8.027.482.715	8.027.482.715		
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	8.081.905.722	8.081.905.722		
Tại ngày cuối năm	6.883.437.138	6.883.437.138		

**8. NỢ PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Phải trả cho người bán	79.084.722.682	79.084.819.045		
Vay và nợ thuê tài chính	36.800.000.000	26.213.000.000		
Cộng	115.884.722.682	105.297.819.045		

**9. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	20.000.000.000	20.000.000.000		
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	41.486.677.964	26.984.899.872		
Cộng	61.486.677.964	56.984.899.872		

**10. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay		Năm trước	
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	138.036.484.389	138.792.864.977		
Cộng	138.036.484.389	138.792.864.977		

**11. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay		Năm trước	
	VND	VND	VND	VND
Giá vốn hàng bán	81.708.426.483	108.237.818.682		
Cộng	81.708.426.483	108.237.818.682		

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU  
NEWSTART**  
11/1A Đường số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**12 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	12.093.761	1.908.620
<b>Cộng</b>	<b>12.093.761</b>	<b>1.908.620</b>

**13 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	2.231.333.000	1.783.610.847
Chi phí tài chính	404.510.424	-
<b>Cộng</b>	<b>2.635.843.424</b>	<b>1.783.610.847</b>

**14 CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí quản lý kinh doanh	7.422.551.095	9.082.614.826
<b>Cộng</b>	<b>7.422.551.095</b>	<b>9.082.614.826</b>

**15 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng thu nhập phát sinh, trong đó:	106.130.595.352	138.885.710.309
<i>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>106.130.595.352</i>	<i>138.885.710.309</i>
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	92.974.122.737	119.333.220.558
<i>Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>92.974.122.737</i>	<i>119.333.220.558</i>
Lỗ được chuyển từ các năm trước	-	-
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	13.156.472.615	19.552.489.751
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.631.294.523	3.910.497.950
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.631.294.523	3.910.497.950
<b>Cộng</b>	<b>2.631.294.523</b>	<b>3.910.497.950</b>

**16. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được phê duyệt bởi Công ty.



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU  
NEWSTART  
11/1A Đường số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**17. PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc đã chấp thuận việc phát hành Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021.

*Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 05 năm 2022*

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

*Châu*  
*Tên Họ và Tên Châu*



# HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

MS: 07A/HĐTD-PN  
*(Áp dụng cho vay theo hạn mức)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG**  
Số: 6400-LAV-2021/00553

Hôm nay, ngày 02/12/2021 tại NHNo&PNT Việt Nam - CN Gia Định, chúng tôi gồm:

**1. BÊN CHO VAY:**  
**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH GIA ĐỊNH** (Agribank Chi nhánh Gia Định),  
Mã số ĐK Chi nhánh: 0100686174-008 do Phòng ĐKKD thuộc Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 14/09/2006; thay đổi lần thứ 07 ngày 31/07/2017;  
Địa chỉ Chi nhánh: 110 Phạm Ngũ Lão, Phường 04, Quận Gò Vấp - TP.HCM;  
Người đại diện là: Ông Trần Việt Dũng; Chức vụ: Phó Giám đốc;  
Theo:  
- Quyết định số 389/QĐ-NHNo-PC ngày 23/03/2021 của Tổng giám đốc "Về ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người đại diện theo pháp luật"  
- Quyết định số 1233/QĐ-NHNoGD-TH ngày 06/10/2021 của Giám đốc NHNo&PNT Việt Nam - CN Gia Định "Về Ủy quyền Ông Trần Việt Dũng - Phó Giám đốc".  
(Sau đây gọi là "Ngân hàng")

**2. BÊN VAY:**  
**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART**  
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, Mã số doanh nghiệp: 0305711230. Đăng ký lần đầu ngày 14/05/2008. Đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 08/06/2021 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở KH&ĐT TP.HCM cấp.  
Trụ sở đăng ký tại: 11/1A Đường số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP.HCM;  
Người đại diện là: Ông Nguyễn Quốc Anh. Chức vụ: CTHD/TV kiêm Giám đốc, CMND số: 025899121; ngày cấp: 02/06/2014; nơi cấp: CA TP.HCM;  
Tài khoản thanh toán VND số: 6400201017163 tại Agribank Chi nhánh Gia Định;  
(Sau đây gọi là "Khách hàng")  
Ngân hàng và Khách hàng thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng này với các điều khoản sau đây:

MS: 07A/HĐTD-PN  
*(Áp dụng cho vay theo hạn mức)*

**Điều 1. Giải thích từ ngữ và nguyên tắc giải thích hợp đồng**

**1. Giải thích từ ngữ:**  
Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  
a. **Hợp đồng:** là Hợp đồng tín dụng được thỏa thuận và giao kết giữa Ngân hàng và Khách hàng, bao gồm: các Giấy nhận nợ, phụ lục Hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng và các văn bản, tài liệu khác có liên quan đến Hợp đồng;  
b. **Giấy nhận nợ:** là văn bản thỏa thuận cho vay do Khách hàng và Ngân hàng cùng lập, ký trên cơ sở Hợp đồng nhằm xác nhận những giao dịch cụ thể và là bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng;  
c. **Thời hạn cho vay:** là khoảng thời gian tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay cho đến hết ngày cuối cùng của từng lần giải ngân được ghi trong Giấy nhận nợ; Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn cho vay là ngày lễ hoặc ngày nghỉ hàng tuần thì chuyển sang ngày làm việc tiếp theo;  
d. **Khuyến nợ:** là số tiền vay được Ngân hàng giải ngân cho Khách hàng và ghi trong từng Giấy nhận nợ;  
đ. **Hạn mức cho vay:** Ngân hàng xác định và thỏa thuận với Khách hàng một mức dư nợ cho vay tối đa được duy trì trong một khoảng thời gian nhất định;  
e. **Hạn mức cấp tín dụng:** bao gồm hạn mức cho vay, hạn mức mở LC, hạn mức bảo lãnh,.....;  
g. **Lãi tiền vay:** bao gồm lãi trên dư nợ gốc trong hạn, lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn, bị chậm trả quy định tại khoản 2 Điều 6 Hợp đồng này;  
h. **Ngân hàng chủ động trích tiền:** là việc Ngân hàng chủ động trích tiền trên tài khoản thanh toán, tài khoản tiền gửi và các tài khoản khác của Khách hàng và/hoặc đơn vị phụ thuộc của Khách hàng mở tại Ngân hàng để trả lãi nợ gốc, lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có);  
i. **Thay đổi bất lợi đáng kể:** là bất kỳ sự kiện, hành vi, điều kiện, văn bản hoặc thay đổi nào mà theo xác định của Ngân hàng có thể ảnh hưởng bất lợi đến: Hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, khả năng thực hiện nghĩa vụ hoặc tài sản của Khách hàng; Khả năng trả nợ gốc, lãi tiền vay và các loại phí khác của Khách hàng theo Văn bản tín dụng; hoặc hiệu lực và khả năng thi hành của bất kỳ Văn bản tín dụng nào;  
k. **Văn bản tín dụng:** bao gồm và không giới hạn các văn bản sau: Hợp đồng này; Hợp đồng bảo đảm; Phương án sử dụng vốn vay và các tài liệu chứng minh Khách hàng đủ điều kiện vay vốn; Thông báo chuyển nợ quá hạn; Các cam kết đơn phương của khách hàng, bản báo đảm và các văn bản thỏa thuận khác liên quan và/hoặc vì mục đích của Hợp đồng này;  
n. **Sự kiện bất đồng thì tương đương:** là sự kiện, hành vi, điều kiện, văn bản hoặc sự thay đổi mà theo xác định của Ngân hàng có thể dẫn đến:  
(i) Ngân hàng không thể giải ngân khoản vay theo yêu cầu của Khách hàng mặc dù Ngân hàng đã áp dụng các biện pháp trong khả năng của mình nhưng do

MS: 07A/HĐTD-PN  
*(Áp dụng cho vay theo hạn mức)*

nguyên nhân khách quan không thể giải ngân bằng loại tiền tệ tương ứng với loại tiền tệ của khoản vay;

(ii) Mức lãi suất để giải ngân khoản vay theo tính toán của Ngân hàng vượt quá quy định của luật pháp Việt Nam cho phép;

(iii) Ngân hàng không có khả năng giải ngân khoản vay theo yêu cầu của Khách hàng do việc áp dụng các quy định của luật pháp Việt Nam;

m. Các từ ngữ khác không được giải thích tại Hợp đồng này mà pháp luật có quy định được hiểu theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**2. Nguyên tắc giải thích hợp đồng**

a. Tiêu đề các Điều trong Hợp đồng này chỉ nhằm mục đích thuận tiện cho việc theo dõi Hợp đồng, không ảnh hưởng đến việc giải thích nội dung các Điều trong Hợp đồng;

b. Dẫn chiếu tới bất kỳ văn bản hoặc thỏa thuận nào sẽ bao gồm cả bất kỳ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc gia hạn đối với văn bản hoặc thỏa thuận đó;

c. Dẫn chiếu tới bất kỳ bên nào sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới cả bên kế thừa hoặc bên nhận chuyển nhượng được phép hoặc bên nhận chuyển giao được phép của bên đó;

d. Các trường hợp khác việc giải thích Hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 2. Hạn mức cấp tín dụng, đồng tiền cho vay, đồng tiền trả nợ và mục đích vay vốn**

1. Hạn mức cấp tín dụng (quy đổi): **48.000.000.000 đồng**.  
(Bằng chữ: **Bốn mươi tám tỷ đồng**).

Hạn mức cấp tín dụng trên bao gồm: Hạn mức cho vay và mở LC thanh toán bằng vốn vay. Hạn mức bảo lãnh.....

Khách hàng sử dụng hạn mức bảo lãnh, mở LC theo thỏa thuận giữa Ngân hàng và Khách hàng tại các Hợp đồng, Văn bản tín dụng cụ thể. Tại hợp đồng này hai bên thỏa thuận chi tiết việc cho vay và cho vay thanh toán LC.

2. Đồng tiền cho vay và đồng tiền trả nợ: Việt Nam đồng (VND).

3. Mục đích sử dụng vốn vay và thanh toán LC bằng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động trong thi công và xây dựng, ...

**Điều 3. Phương thức cho vay; Thời hạn cho vay; Thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng:**

1. Phương thức cho vay: Theo hạn mức tín dụng.  
2. Thời hạn cho vay: theo từng giấy nhận nợ cụ thể.  
3. Thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng tính từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 02/12/2022. Khách hàng chỉ được rút vốn vay, mở LC thanh toán bằng vốn vay, phải hành bảo lãnh trong thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng. Khi

MS: 07A/HĐTD-PN  
*(Áp dụng cho vay theo hạn mức)*

bết thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng, tùy vào tình hình thực tế, như chi, khả năng của mỗi bên thì hai bên có thể thỏa thuận việc cấp hạn mức mới cho kỳ tiếp theo.

**Điều 4. Lãi suất cho vay và phí liên quan tới khoản vay**

**1. Lãi suất cho vay:**  
a. Lãi suất cho vay áp dụng với dư nợ gốc trong hạn: 8,7%/năm;  
Lãi suất này được điều chỉnh định kỳ (lỗi thiếu 0) tháng/lần kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên của từng giấy nhận nợ và áp dụng lãi suất do Giám đốc Agribank Chi nhánh Gia Định ban hành tại thời điểm điều chỉnh, cụ thể như sau:  
+ Trường hợp khi đến kỳ hạn điều chỉnh lãi suất cho vay mà mức lãi suất cho vay theo thông báo do Giám đốc Agribank Chi nhánh Gia Định ban hành không thay đổi so với mức lãi suất cho vay của định kỳ điều chỉnh trước đó thì không thực hiện điều chỉnh lãi suất;  
+ Việc điều chỉnh lãi suất sẽ được Bên A gửi thông báo bằng văn bản tới Bên B và thông báo đó được xem là phụ kiện hợp đồng gắn liền với hợp đồng tín dụng này.  
b. Lãi suất cho vay áp dụng với dư nợ gốc bị quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn;  
c. Lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

**2. Phí liên quan đến khoản vay:** .....

**Điều 5. Giải ngân vốn cho vay và sử dụng phương tiện thanh toán để giải ngân vốn cho vay**

**1. Điều kiện giải ngân vốn cho vay:**  
Ngân hàng đồng ý giải ngân vốn cho vay sau khi Khách hàng đáp ứng đủ các điều kiện dưới đây:  
a. Số tiền đề nghị Ngân hàng giải ngân vốn vay không vượt quá hạn mức cho vay và mở LC quy định tại khoản 1 Điều 2 Hợp đồng này và trong thời hạn duy trì hạn mức cấp tín dụng quy định tại khoản 4 Điều 3 Hợp đồng này;  
b. Cung cấp cho Ngân hàng hồ sơ, tài liệu, văn bản liên quan đến mục đích sử dụng vốn vay với số lượng, nội dung và hình thức đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng;  
c. Hợp đồng bảo đảm có liên quan đã được giao kết và đăng ký biện pháp bảo đảm (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật, quy định của Ngân hàng;  
d. Không có bất kỳ Sự kiện và phạm vi phạm nào theo quy định tại Hợp đồng này và không có bất kỳ Thay đổi bất lợi đáng kể nào theo quy định tại Hợp đồng này;  
đ. Các điều kiện khác trước khi giải ngân (nếu có): .....

**2. Hồ sơ đề nghị giải ngân vốn cho vay:** .....



MS: 07A/HDTĐ-PN  
(Áp dụng cho vay theo hạn mức)

Mỗi lần đề nghị giải ngân vốn cho vay, Khách hàng cung cấp cho Ngân hàng hồ sơ đề nghị giải ngân có nội dung, hình thức, số lượng đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng, bao gồm:

- a. Bản gốc Giấy nhận nợ;
- b. Tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn vay;
- c. Các hồ sơ, tài liệu khác theo yêu cầu của Ngân hàng.

**3. Nhận nợ bất buộc đối với báo lãnh**

a. Trường hợp Ngân hàng phải thực hiện nghĩa vụ báo lãnh thay cho Khách hàng thì Khách hàng có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền mà Ngân hàng đã trả thay với thời hạn, lãi suất và các nội dung khác theo thông báo của Ngân hàng. Khách hàng phải thực hiện ngay các thủ tục để nhận nợ bất buộc với Ngân hàng.

b. Hồ sơ nhận nợ bất buộc gồm:

- Bản gốc Giấy nhận nợ;
- Các hồ sơ, tài liệu khác chứng minh việc Khách hàng đã vi phạm nghĩa vụ được báo lãnh;

c. Trường hợp Ngân hàng phải thực hiện nghĩa vụ báo lãnh mà không nhận được các tài liệu, hồ sơ quy định tại điểm b Khoản 3 Điều này thì Khách hàng chấp thuận việc Ngân hàng được sử dụng văn bản Thông báo nhận nợ bất buộc để ghi nợ cho Khách hàng. Thông báo này có giá trị như Giấy nhận nợ.

**4. Nhận nợ đối với trường hợp thanh toán LC**

a. Trường hợp Ngân hàng phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán LC thì Khách hàng có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền mà Ngân hàng đã thanh toán LC với thời hạn, lãi suất và các nội dung khác theo thông báo của Ngân hàng. Khách hàng phải thực hiện ngay các thủ tục để nhận nợ với Ngân hàng.

b. Hồ sơ nhận nợ gồm:

- Bộ chứng từ theo quy định của Ngân hàng và quy tắc, tập quán quốc tế về thanh toán LC được Ngân hàng chấp thuận; Giấy báo chứng từ hàng nhập theo LC và các giấy tờ khác theo quy định;
- Bản gốc Giấy nhận nợ;
- Các hồ sơ, tài liệu khác (nếu có);

c. Trường hợp Ngân hàng phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán LC mà không nhận được bản gốc Giấy nhận nợ thì Khách hàng chấp thuận việc Ngân hàng được sử dụng văn bản Thông báo nhận nợ bất buộc để ghi nợ cho Khách hàng. Thông báo này có giá trị như Giấy nhận nợ.

**5. Phương tiện thanh toán để giải ngân vốn cho vay**

Ngân hàng giải ngân vốn cho vay cho Khách hàng bằng tiền mặt hoặc dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của pháp luật.

MS: 07A/HDTĐ-PN  
(Áp dụng cho vay theo hạn mức)

**Điều 6. Trả nợ gốc, lãi tiền vay, trả nợ trước hạn, phí liên quan tới khoản vay và thời tự thu hồi nợ gốc, lãi tiền vay**

**1. Trả nợ gốc**

Khách hàng phải trả nợ gốc cho Ngân hàng vào ngày đến hạn trả nợ ghi trên Giấy nhận nợ hoặc thời điểm khác theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên. Trường hợp ngày đến hạn trả nợ không phải là ngày làm việc thì được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo.

**2. Trả lãi tiền vay**

a. Trả lãi tiền vay trên dư nợ gốc trong hạn; Khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc trong hạn cho Ngân hàng chậm nhất vào ngày đến hạn trả nợ lãi đã thỏa thuận tại Giấy nhận nợ. Trường hợp ngày đến hạn trả nợ không phải là ngày làm việc thì được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo.

(i) Lãi tiền dư nợ gốc trong hạn được tính bằng (=) số dư nợ gốc trong hạn nhân (x) số ngày dư nợ trong hạn nhân (x) lãi suất cho vay trong hạn chia (:) cho ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày.

(ii) Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày giải ngân đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán hết Khoản nợ ( tính ngày đầu bù ngày cuối của thời hạn tính lãi) và thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi;

b. Trả lãi tiền vay trên dư nợ gốc bị quá hạn; Khi đến hạn thanh toán mà Khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ thì phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn theo lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Hợp đồng này;

i) Tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn bằng (=) dư nợ gốc bị quá hạn nhân (x) số ngày quá hạn nhân (x) mức lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn chia (:) cho ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày;

ii) Dư nợ gốc bị quá hạn bao gồm: dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn theo quy định tại Điều 7 Hợp đồng này và không được Ngân hàng chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ; Số dư nợ gốc mà khách hàng không trả được nợ khi Ngân hàng chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Hợp đồng này;

c. Trả lãi chậm trả: Khi đến hạn trả lãi mà Khách hàng không trả đúng hạn thì phải trả lãi chậm trả tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 của Hợp đồng này;

(Tiền lãi chậm trả bằng (=) số dư nợ lãi chậm trả nhân (x) số ngày chậm trả nhân (x) mức lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả chia (:) cho ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày;

d. Trường hợp Khách hàng trả toàn bộ dư nợ gốc cho Ngân hàng thì Khách hàng phải trả lãi tiền vay cùng ngày với ngày Khách hàng trả toàn bộ dư nợ gốc.

**3. Trả nợ trước hạn**

MS: 07A/HDTĐ-PN  
(Áp dụng cho vay theo hạn mức)

a. Khách hàng phải trả nợ trước hạn khi Ngân hàng chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Hợp đồng này;

b. Trường hợp Khách hàng trả trước hạn toàn bộ dư nợ gốc của các Khoản nợ theo Hợp đồng này thì lãi tiền vay của (các) Khoản nợ mà Khách hàng trả nợ trước hạn cũng đến hạn cùng ngày với ngày Khách hàng trả nợ trước hạn đó và Khách hàng phải trả lãi tiền vay cùng ngày với ngày Khách hàng trả nợ gốc trước hạn.

**4. Trả các loại phí**

a. Trường hợp có phát sinh các loại phí có liên quan đến (các) Khoản nợ, Khách hàng đồng ý trả ngay cho Ngân hàng các loại phí phát sinh theo biểu phí do Ngân hàng công bố tại thời điểm ký Hợp đồng này hoặc tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ có liên quan đến (các) khoản nợ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác;

b. Khách hàng có nghĩa vụ trả các khoản phí, lệ phí để thực hiện các thủ tục công chứng/ chứng thực /xác nhận, đăng ký giao dịch bảo đảm, định giá/thẩm định giá tài sản bảo đảm và các loại phí, lệ phí khác (nếu có) phát sinh ở thời điểm hiện tại và trong tương lai liên quan đến việc cho vay theo Hợp đồng này, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Trường hợp Ngân hàng trả thay cho Khách hàng các khoản phí, lệ phí này thì Khách hàng phải hoàn trả lại Ngân hàng số tiền Ngân hàng đã tạm ứng trả thay Khách hàng.

**5. Nghĩa vụ thuế**

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh nghĩa vụ nộp thuế của Khách hàng theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế thì thực hiện như sau:

a. Số tiền Khách hàng trả nợ gốc, lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo quy định tại Hợp đồng này không bị khấu trừ hoặc giữ lại để nộp bất kỳ khoản thuế, lệ phí hoặc khoản thu nào;

b. Khách hàng đồng ý việc Ngân hàng chủ động trích tiền theo quy định tại Hợp đồng này trước khi Khách hàng thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế.

**6. Đồng tiền thanh toán**

a. Đồng tiền trả nợ gốc và lãi tiền vay là đồng tiền Khách hàng đã nhận nợ tại Ngân hàng. Đồng tiền trả các loại phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) quy định tại Hợp đồng này là đồng Việt Nam;

b. Trường hợp đồng tiền cho vay là ngoại tệ mà Khách hàng có thể trả nợ gốc và lãi tiền vay bằng đồng tiền khác thì việc trả nợ đó phải phù hợp quy định của Ngân hàng tại thời điểm Khách hàng trả nợ gốc và lãi tiền vay và quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối;

c. Trong trường hợp Ngân hàng chủ động trích tiền để thực hiện nghĩa vụ của Khách hàng theo Hợp đồng này mà đồng tiền trong tài khoản được Ngân hàng chủ động trích tiền khác với đồng tiền Khách hàng phải trả theo quy định tại Hợp đồng này thì Ngân hàng được quyền quy đổi số tiền đó theo tỷ giá do Ngân

MS: 07A/HDTĐ-PN  
(Áp dụng cho vay theo hạn mức)

hàng quyết định tại thời điểm quy đổi và từ phí quy đổi tiền sẽ theo quy định của Ngân hàng.

**7. Thời tự thu hồi nợ gốc, lãi tiền vay**

a. Khi đến hạn trả nợ gốc, lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo quy định tại Hợp đồng này thì thực hiện như sau:

(i) Khách hàng đồng ý việc Ngân hàng chủ động trích tiền theo quy định tại Hợp đồng này;

(ii) Trường hợp tài khoản được Ngân hàng chủ động trích tiền không có tiền hoặc không đủ tiền để trả nợ gốc, lãi tiền vay, phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có), Khách hàng phải nộp ngay tiền mặt và/hoặc chuyển tiền vào tài khoản của Khách hàng mở tại Ngân hàng và/hoặc chuyển tiền vào tài khoản do Ngân hàng chỉ định để Ngân hàng thu nợ gốc, lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có);

b. Ngân hàng thu nợ đối với Khoản nợ của Khách hàng bị quá hạn theo thủ tự sau: Dư nợ gốc bị quá hạn; Nợ gốc đến hạn; Lãi tiền vay trên dư nợ gốc bị quá hạn; lãi tiền vay trên dư nợ gốc trong hạn; Lãi chậm trả; phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có).

**8. Quản lý nguồn trả nợ**

Khách hàng cam kết sử dụng các sản phẩm dịch vụ và tuân thủ các quy định của Ngân hàng, trả nợ gốc, lãi đầy đủ, đúng hạn.

**Điều 7. Chuyển nợ quá hạn**

Đến kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận trong Hợp đồng này (không phụ thuộc vào việc Khách hàng có nhận được Thông báo chuyển nợ quá hạn hay không), nếu Khách hàng không trả nợ và không được Ngân hàng chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì Ngân hàng chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Khách hàng không trả được nợ đúng hạn. Khách hàng phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Hợp đồng này đối với dư nợ gốc bị quá hạn đó.

**Điều 8. Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ**

Cho vay có bảo đảm bằng tài sản.  
1. Nghĩa vụ của Khách hàng theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng (các) biện pháp bảo đảm tại (các) Hợp đồng bảo đảm cụ thể như sau: Tiếp tục đảm bảo bằng các hợp đồng thế chấp bảo đảm của các tài sản đang thế chấp như sau:

- (i) Thế chấp tài sản là:
  - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: 91/1 Đường Trần Bình Trọng, Phường 2, Quận 5, Tp.HCM (thửa đất số 39, tờ bản đồ 29) theo hợp đồng thế chấp số 6400-LCP-201900299 ký ngày 15/03/2019 giữa Ngân hàng và Bên thế chấp là Ông Dương Hữu Đông;
  - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: 538/68 Quang Trung (số cũ 111A Đường số 8), Phường 11, Quận Gò Vấp, Tp.HCM (thửa đất số 505, tờ bản đồ 129) theo hợp đồng thế chấp số 6400-LCP-201902100 (Số công



MS: 07A/HĐTD-PN  
(Áp dụng cho vay theo hạn mức)

chứng 020465) do VPCC Dương Thị Cẩm Thủy chứng nhận ngày 25/11/2019 giữa Ngân hàng và Bên thế chấp là Ông Nguyễn Quốc Anh;

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: 530/68B Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, Tp.HCM (thửa đất số 513, tờ bản đồ 129) theo hợp đồng thế chấp số 6400-LCP-20200455 (Số công chứng 010467) do VPCC Dương Thị Cẩm Thủy chứng nhận ngày 29/07/2020 giữa Ngân hàng và Bên thế chấp là Ông Nguyễn Quốc Anh.
(ii) Cầm cố tài sản là... theo hợp đồng cầm cố số... ký ngày... giữa Ngân hàng và Bên cầm cố là...
(iii) Bảo lãnh của... theo hợp đồng bảo lãnh số... ký ngày... giữa Ngân hàng và Bên bảo lãnh là...
Chỉ tiết về các biện pháp và tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Khách hàng được quy định cụ thể trong Hợp đồng bảo đảm được giao kết giữa Ngân hàng và Khách hàng hoặc Bên bảo đảm.
2. Nghĩa vụ của Khách hàng còn được bảo đảm theo (các) Hợp đồng bảo đảm khác được dẫn chiếu đến Hợp đồng này.
3. Trong trường hợp Ngân hàng có yêu cầu bắt buộc về việc mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm, Khách hàng có nghĩa vụ phải thực hiện mua bảo hiểm này theo đúng thời hạn và các điều kiện, yêu cầu của Ngân hàng.

Điều 9. Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến khoản vay

1. Khách hàng cung cấp cho Ngân hàng thông tin, tài liệu

- a. Bộ hồ sơ vay vốn theo quy định của Ngân hàng;
b. Báo cáo việc sử dụng vốn vay và chứng minh việc sử dụng vốn vay theo yêu cầu của Ngân hàng;
c. Định kỳ hoặc khi được yêu cầu: Cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn, hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Khách hàng, thông tin, tài liệu chứng minh năng lực tài chính của bên bảo lãnh theo các Hợp đồng bảo lãnh;
d. Thông báo bằng văn bản và cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho Ngân hàng khi Khách hàng phát sinh một trong các trường hợp sau:
(i) Chuẩn bị thực hiện ngưng hoạt động, chấm dứt hoạt động, giải thể, tổ chức lại, phá sản, chỉ định người quản lý tài sản, chia/tách/sáp nhập/hợp nhất/ có phần hóa/ chuyển đổi hình thức pháp lý khác hoặc sự kiện có tính chất tương tự;
(ii) Đổi tên; sửa đổi, bổ sung điều lệ; thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Khách hàng. Trường hợp Khách hàng không thông báo thay đổi địa chỉ với Ngân hàng thì địa chỉ nhận văn bản của Khách hàng khi Ngân hàng hoặc các cơ quan có thẩm quyền tổng đại văn bản là địa chỉ mà Khách hàng đã cung cấp cho Ngân hàng trong Hợp đồng này.
(iii) Thay đổi về tài sản bảo đảm và hình thức pháp lý của bên bảo đảm hoặc bên bảo lãnh có liên quan (nếu có);

MS: 07A/HĐTD-PN  
(Áp dụng cho vay theo hạn mức)

(iv) Xảy ra bất kỳ Thay đổi bất lợi đáng kể, Sự kiện vi phạm nào và các biện pháp mà Khách hàng đang thực hiện để khắc phục các sự kiện này;

- 2. Ngân hàng cung cấp cho Khách hàng thông tin, tài liệu
a. Thông tin về lãi suất cho vay, nguyên tắc và các yếu tố xác định, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh;
b. Lý do từ chối yêu cầu rút vốn khi Khách hàng không còn đáp ứng đủ điều kiện vay vốn hoặc theo yêu cầu;
c. Thông báo chuyển nợ quá hạn, xử lý tài sản bảo đảm;
d. Ngân hàng được quyền cung cấp mọi thông tin cần thiết liên quan đến Khách hàng theo Hợp đồng này và Văn bản tin dụng cho các bộ nhân viên, công ty con, chi nhánh/đơn vị trong cùng hệ thống của Ngân hàng, nhà tư vấn, nhà đại diện, đại lý, nhà thầu phụ, nhà cung cấp, tổ chức kiểm toán, bên nhận chuyển nhượng (hoặc có khả năng sẽ nhận chuyển nhượng) Hợp đồng này và Văn bản tin dụng, tổ chức và/hoặc cá nhân khác liên quan đến mục đích thu bồi nợ, hạn chế rủi ro tín dụng cho Ngân hàng, hoặc tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

3. Hình thức cung cấp thông tin

Nhận trực tiếp, qua bưu điện, fax, tin nhắn qua Zalo, SMS qua điện thoại, email

4. Mọi thông tin, tài liệu sẽ có hiệu lực

Vào ngày làm việc tiếp theo của ngày nhận được thông tin, tài liệu.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng

1. Quyền của Khách hàng

- a. Được nhận đầy đủ tiền vay theo các điều kiện quy định tại Hợp đồng này;
b. Từ chối các yêu cầu của Ngân hàng không đúng với thỏa thuận tại Hợp đồng này;
c. Khiếu nại, khởi kiện việc vi phạm Hợp đồng này theo quy định của pháp luật;
d. Yêu cầu Ngân hàng thông báo lý do không tiếp tục cho vay.

2. Nghĩa vụ của Khách hàng

- a. Cung cấp cho Ngân hàng thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;
b. Sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả nợ gốc và lãi tiền vay, phí đóng thời hạn đã thỏa thuận với Ngân hàng;
c. Chấp hành các yêu cầu kiểm tra, giám sát của Ngân hàng về sử dụng vốn vay và trả nợ, tình hình tài sản bảo đảm, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Khách hàng;

MS: 07A/HĐTD-PN  
(Áp dụng cho vay theo hạn mức)

đ. Bàn giao tài sản và phối hợp với Ngân hàng để xử lý tài sản bảo đảm khi có căn cứ xử lý theo Hợp đồng này, Hợp đồng bảo đảm tiền vay và quy định của pháp luật;

- đ. Có trách nhiệm tiếp tục trả đầy đủ nợ gốc và lãi tiền vay cho Ngân hàng và bổ sung biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nếu sau khi áp dụng các biện pháp xử lý nợ mà Khách hàng vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ trả nợ;
e. Thực hiện nghĩa vụ phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo thỏa thuận tại Hợp đồng này;
g. Không được dùng tài sản hình thành từ vốn vay của Ngân hàng để bảo đảm cho các nghĩa vụ khác của Khách hàng và của bên thứ 3 tại các tổ chức tín dụng khác (trừ trường hợp được Ngân hàng đồng ý bằng văn bản);
h. Mua và duy trì bảo hiểm đối với tài sản bảo đảm theo yêu cầu của Ngân hàng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác;
i. Thực hiện đầy đủ các thỏa thuận, cam kết khác nêu trong Hợp đồng này, Hợp đồng bảo đảm tiền vay và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng

1. Quyền của Ngân hàng

- a. Yêu cầu Khách hàng cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu và các thông tin khác trước, trong và sau khi cho vay;
b. Từ chối các yêu cầu của Khách hàng không đúng quy định của pháp luật, quy định cho vay của Ngân hàng và thỏa thuận tại Hợp đồng này;
c. Từ chối tiếp tục giải ngân vốn cho vay, từng lần cho vay cụ thể nếu Khách hàng không đáp ứng được yêu cầu, điều kiện vay vốn, điều kiện rút vốn vay hoặc Ngân hàng bị hạn chế về nguồn vốn do Sự kiện biến động thị trường;
d. Kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay, trả nợ của Khách hàng;
đ. Tạm ngừng cho vay, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng này và quy định của pháp luật;
e. Khi đến hạn mà Khách hàng không trả được nợ, Ngân hàng có quyền xử lý nợ, xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng bảo đảm, quy định của pháp luật hoặc yêu cầu người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh để thu hồi nợ;
g. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng;
h. Vào ngày đến hạn thanh toán, Ngân hàng được chủ động bù trừ nghĩa vụ thông qua việc trích bất kỳ Khoản tiền nào theo Hợp đồng tiền gửi của khách hàng ký kết với Ngân hàng, bất kỳ giấy tờ có giá nào do Ngân hàng phát hành thuộc sở hữu của Khách hàng, bất kỳ khoản tiền, quyền và quyền lợi đối với bất kỳ tài sản nào khác của Khách hàng đang được Ngân hàng lưu giữ, quản lý.

MS: 07A/HĐTD-PN  
(Áp dụng cho vay theo hạn mức)

kiểm soát. Sau khi thực hiện xong việc bù trừ nghĩa vụ của Khách hàng, Ngân hàng thông báo cho Khách hàng biết;

- i. Yêu cầu Khách hàng thực hiện các biện pháp cần thiết để khắc phục Sự kiện vi phạm, Thay đổi bất lợi đáng kể;
k. Các quyền khác theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.
2. Nghĩa vụ của Ngân hàng
a. Cung cấp thông tin, tài liệu cho khách hàng theo thỏa thuận tại Hợp đồng này;
b. Thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này;
c. Lưu giữ hồ sơ tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 12. Sự kiện vi phạm, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, xử lý nợ

1. Sự kiện vi phạm

- Bất kỳ sự kiện nào sau đây sẽ được coi là sự kiện vi phạm
a. Khách hàng không trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo Hợp đồng này và Văn bản tin dụng;
b. Khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích;
c. Tài sản đảm bảo phát sinh tranh chấp đe dọa làm ảnh hưởng đến nghĩa vụ được bảo đảm tại Hợp đồng này; Giá trị tài sản bảo đảm bị giảm đi bất kỳ lý do nào và không còn đủ giá trị để đảm bảo nghĩa vụ hoàn trả nợ vay mà Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm không bổ sung tài sản bảo đảm và/hoặc biện pháp bảo đảm khác theo yêu cầu của Ngân hàng quy định tại Hợp đồng này và Văn bản tin dụng;
d. Bên bảo lãnh, Bên bảo đảm bị phá sản, giải thể hoặc theo ý kiến của Ngân hàng không còn khả năng đảm bảo thực hiện nghĩa vụ mà Khách hàng không có Bên bảo lãnh hoặc biện pháp bảo đảm khác thay thế;
đ. Khách hàng không mua bảo hiểm theo yêu cầu của Ngân hàng quy định tại khoản 4 Điều 8 Hợp đồng này và Văn bản tin dụng;
e. Ngân hàng có cơ sở xác định bất kỳ thông tin, cam kết, cam đoan nào do Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm và/hoặc Bên bảo lãnh đưa ra trong Hợp đồng này và Văn bản tin dụng là không chính xác, không trung thực và không hợp lý;
g. Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm và/hoặc Bên bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ bất kỳ nghĩa vụ đã thỏa thuận với Ngân hàng trong Hợp đồng này và Văn bản tin dụng;
h. Khách hàng được Tòa án có thẩm quyền thụ lý, giải quyết theo thủ tục phá sản, ngưng hoạt động hoặc để nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải thể theo quy định của pháp luật;
i. Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm và/hoặc Bên bảo lãnh bị Tòa án hoặc Trọng tài có thẩm quyền ra phán quyết mà Ngân hàng có cơ sở xác định phán quyết này có khả năng dẫn đến Thay đổi bất lợi đáng kể;

**MS: 07A/HĐTD-PN**  
*(Áp dụng cho vay theo hạn mức)*

k. Xảy ra bất kỳ một Thay đổi bất lợi đáng kể nào theo ý kiến của Ngân hàng;  
l. Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm và/hoặc Bên bảo lãnh vi phạm bất kỳ thỏa thuận nào quy định tại Hợp đồng này và/hoặc Văn bản tín dụng hoặc thỏa thuận khác bằng văn bản giữa các bên;  
m. Bất kỳ hành vi nào dẫn tới tái sản hình thành từ vốn vay hoặc tiền đã trả nợ Ngân hàng bị phong tỏa, tịch thu theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;  
n. Khách hàng không tuân thủ cam kết quản lý nguồn trả nợ theo quy định tại Khoản 8 Điều 6 Hợp đồng này (nếu có thỏa thuận).

**2. Chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn**  
a. Khi xảy ra một, một số hoặc tất cả Sự kiện vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này Ngân hàng được quyền xem xét chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn một phần hoặc toàn bộ Khoản vay và thông báo cho khách hàng bằng văn bản.  
b. Khách hàng phải trả số nợ gốc bị thu hồi trước hạn và tiền lãi, phí theo thông báo bằng văn bản của Ngân hàng tại điểm a khoản 2 Điều này. Trường hợp Khách hàng không trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc bị thu hồi trước hạn thì Ngân hàng chuyển nợ quá hạn đối với số nợ gốc mà Khách hàng không trả được nợ trước hạn và áp dụng lãi suất đối với nợ gốc bị quá hạn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Hợp đồng này.

**3. Xử lý nợ vay**  
Khi xảy ra bất kỳ Sự kiện vi phạm nào quy định tại Hợp đồng này, Ngân hàng được chủ động áp dụng một, một số hoặc tất cả biện pháp dưới đây để xử lý nợ vay:  
a. Chủ động trích tiền hoặc yêu cầu Khách hàng trả nợ gốc, lãi tiền vay và tất cả các khoản vụ khác phát sinh theo Hợp đồng này và/hoặc Văn bản tín dụng;  
b. Yêu cầu Khách hàng bổ sung tài sản bảo đảm để bảo đảm cho các nghĩa vụ phát sinh theo Hợp đồng này và/hoặc Văn bản tín dụng;  
c. Yêu cầu Bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Hợp đồng bảo lãnh và theo quy định của pháp luật;  
d. Xử lý bất kỳ tài sản bảo đảm theo quy định của Hợp đồng bảo đảm, tài sản hình thành từ vốn vay xử lý tất cả các biện pháp bảo đảm có liên theo Hợp đồng này và quy định của pháp luật;  
đ. Khởi kiện hoặc đề nghị Tòa án mở thủ tục phá sản đối với Khách hàng theo quy định của pháp luật;  
e. Thực hiện các biện pháp thu hồi nợ khác phù hợp với quy định của pháp luật.  
Khi Ngân hàng áp dụng các biện pháp xử lý nợ vay để thu hồi nợ, Khách hàng phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh liên quan.

**Điều 13. Phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại**  
**1. Phạt vi phạm**

13

**MS: 07A/HĐTD-PN**  
*(Áp dụng cho vay theo hạn mức)*

**Điều 16. Các thỏa thuận khác**  
**1. Chuyển giao quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ, chuyển giao nghĩa vụ**  
a. Ngân hàng được chuyển giao, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền và/hoặc nghĩa vụ của Ngân hàng phát sinh theo Hợp đồng này và Văn bản tín dụng. Sau khi hoàn tất việc chuyển nhượng, Ngân hàng có nghĩa vụ thông báo cho Khách hàng biết;  
b. Khách hàng không được chuyển giao, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền và/hoặc nghĩa vụ của Khách hàng phát sinh theo Hợp đồng này và Văn bản tín dụng, trừ trường hợp được Ngân hàng đồng ý trước bằng văn bản. Mọi trường hợp chuyển giao, chuyển nhượng khi chưa có chấp thuận của Ngân hàng đều là trái luật và không có giá trị pháp lý.

**2. Không từ bỏ quyền**  
Việc Ngân hàng không thực hiện hoặc chậm thực hiện bất kỳ quyền nào theo Hợp đồng này không được coi là từ bỏ các quyền đó.

**3. Bằng chứng về nghĩa vụ nợ**  
Ngân hàng duy trì hệ thống sổ sách và/hoặc máy tính để hạch toán Khoản nợ của Khách hàng tại từng thời điểm phù hợp với quy định tại Hợp đồng này. Khách hàng chấp nhận nội dung của các bút toán trong sổ sách, chương trình hạch toán của Ngân hàng thể hiện nghĩa vụ trả nợ của Khách hàng, trừ trường hợp Khách hàng chứng minh được các bút toán đó bị sai.

**4. Khởi phục nghĩa vụ nợ**  
Trường hợp các khoản nợ gốc, lãi, phí (nếu có) của Khách hàng được thanh toán bằng các khoản tiền có nguồn gốc do vi phạm pháp luật mà có, hoặc là vật chứng của vụ án hình sự hoặc do nguyên nhân khác dẫn đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu phong tỏa, thu hồi (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đã tất toán, tài sản bảo đảm đã giải chấp) thì Khách hàng chịu trách nhiệm bồi hoàn cho Ngân hàng toàn bộ số tiền đó. Hợp đồng tín dụng đã ký và bổ trợ, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền cung cấp là bằng chứng pháp lý để Ngân hàng tiếp tục ghi nợ cho Khách hàng.

**5. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng**  
Việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này phải được lập thành văn bản và phải được đại diện hợp pháp của các bên ký, đóng dấu.

**6. Hiệu lực từng phần**  
Từng điều khoản của Hợp đồng này có hiệu lực riêng biệt và độc lập nhau. Nếu có bất kỳ điều khoản nào vô hiệu, bất hợp pháp hoặc không thể thi hành theo quy định của pháp luật, thì hiệu lực, tính hợp pháp và khả năng thi hành của các điều khoản còn lại của Hợp đồng này không bị ảnh hưởng dưới bất kỳ hình thức nào.

15

**MS: 07A/HĐTD-PN**  
*(Áp dụng cho vay theo hạn mức)*

a. Ngân hàng và Khách hàng đồng ý trong quá trình thực hiện Hợp đồng này bất kỳ bên nào có hành vi vi phạm Hợp đồng này thì phải chịu khoản tiền phạt bằng .....% số tiền vi phạm;  
b. Việc phạt vi phạm quy định tại Điều này không áp dụng đối với trường hợp Khách hàng không trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đúng hạn và phải trả lãi trên nợ gốc bị quá hạn, lãi chậm trả quy định tại Hợp đồng này.

**2. Bồi thường thiệt hại**  
Bất kỳ bên nào (Ngân hàng và Khách hàng) có hành vi vi phạm Hợp đồng này gây thiệt hại cho bên kia thì người vi phạm phải bồi thường theo khoản 1 Điều này còn phải bồi thường toàn bộ các chi phí và thiệt hại phát sinh theo quy định của pháp luật.

**Điều 14. Giải quyết tranh chấp**  
Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này được giải quyết trên cơ sở thương lượng giữa các bên. Trong trường hợp không thương lượng được, các bên thống nhất giải quyết tranh chấp bằng hình thức trọng tài tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) hoặc Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp hoặc lựa chọn các tòa án khác có thẩm quyền được Pháp luật quy định.

**Điều 15. Cam kết của các Bên**  
**1. Cam kết của Khách hàng**  
a. Trong tất cả các nghĩa vụ của khách hàng thì nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) của Khách hàng theo Hợp đồng này và Văn bản tín dụng có thứ tự ưu tiên trả nợ thứ nhất, trừ các nghĩa vụ bất hoặc ưu tiên thanh toán theo quy định của pháp luật;  
b. Các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ngân hàng là chính xác, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động của Khách hàng;  
c. Không có bất kỳ thủ tục một bộ hoặc thủ tục pháp lý nào liên quan đến việc tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động, giải thể, tổ chức lại, phá sản;  
d. Đã được Ngân hàng cung cấp đầy đủ các thông tin về: thẩm quyền, lãi suất cho vay; lãi suất áp dụng đối với nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính lãi tiền vay; loại phí và mức phí áp dụng đối với khoản vay; các thông tin khác có liên quan đến toàn bộ nội dung Hợp đồng này;  
đ. Tỷ lệ vốn đối ứng tham gia phương án sử dụng vốn tối thiểu là 10% tổng nhu cầu vốn;  
e. Các cam kết khác: .....

**2. Cam kết của Ngân hàng:**  
Đã hoàn tất các thủ tục cần thiết trong nội bộ để được phép ký kết, thực hiện Hợp đồng này.

14

**MS: 07A/HĐTD-PN**  
*(Áp dụng cho vay theo hạn mức)*


**7. Dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 6400-LAV-202000790 đến ngày 30/11/2021 được chuyển sang theo dõi tại Hợp đồng này. Cụ thể như sau:**

STT	Số giải ngân	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Số tiền giải ngân	Dư nợ
1	6400-LDS-202100467	27/04/2021	27/01/2022	2.070.000.000	2.070.000.000
2	6400-LDS-202100481	29/04/2021	29/01/2022	2.035.000.000	2.035.000.000
3	6400-LDS-202100660	09/06/2021	09/03/2022	3.865.000.000	3.865.000.000
4	6400-LDS-202100667	11/06/2021	11/03/2022	2.635.000.000	2.635.000.000
5	6400-LDS-202100816	19/07/2021	19/04/2022	3.450.000.000	3.450.000.000
6	6400-LDS-202100822	20/07/2021	20/04/2022	3.345.000.000	3.345.000.000
7	6400-LDS-202100826	21/07/2021	21/04/2022	3.205.000.000	3.205.000.000
8	6400-LDS-202100947	28/09/2021	28/06/2022	500.000.000	500.000.000
Tổng cộng					<b>21.125.000.000</b>

**8. Thỏa thuận khác:** .....


**Điều 17. Hiệu lực Hợp đồng**  
1. Hợp đồng này và các tài liệu kèm theo là một thể thống nhất, xác lập toàn bộ quyền và nghĩa vụ của các bên.  
2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Khách hàng đã thực hiện xong tất cả nghĩa vụ theo Hợp đồng này. Các bên thống nhất Hợp đồng này được khởi phục lại thời hạn hiệu lực mà không gián đoạn trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 16 Hợp đồng này.  
3. Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản gốc có giá trị pháp lý ngang nhau. Ngân hàng giữ 01 bản và Khách hàng giữ 01 bản.  
Hai bên đã đọc kỹ, hiểu rõ đầy đủ các điều khoản, điều kiện, không bị nhầm lẫn, lừa dối hay đe dọa và hoàn toàn tự nguyện đồng ý tham gia ký kết, thực hiện Hợp đồng này và Văn bản tín dụng.  
Để ghi nhận các thỏa thuận trong Hợp đồng này, đại diện hợp pháp của Khách hàng và Ngân hàng cùng ký Hợp đồng này làm căn cứ thực hiện.

**ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG**  
*(Ký tên, đóng dấu)*



Nguyễn Việt Anh

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG**  
*(Ký tên, đóng dấu)*



Trần Việt Dũng

16



# NĂNG LỰC THIẾT BỊ

Mẫu số 6

ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH  
**SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

Số 3112 /DK

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Tên phương tiện: \_\_\_\_\_ Số đăng ký: **SG.7827**  
 Chủ phương tiện: **CÔNG TY TNHH TMDV XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART**  
 Địa chỉ chủ phương tiện: **11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP.HCM**  
 Đã được đăng ký phương tiện có đặc điểm sau:

Cấp phương tiện:	<b>VR SII</b>	Công dụng:	<b>Tàu hút</b>
Năm và nơi đóng:	<b>2016 Cần Thơ/2017 TP.HCM</b>		
Chiều dài thiết kế:	<b>23,930 m</b>	Chiều dài lớn nhất:	<b>26,800 m</b>
Chiều rộng thiết kế:	<b>6,480 m</b>	Chiều rộng lớn nhất:	<b>6,600 m</b>
Chiều cao mạn:	<b>1,800 m</b>	Chiều chìm:	<b>1,540 m</b>
Mạn khô:	<b>0,266 m</b>	Vật liệu vỏ:	<b>Thép</b>

Số lượng, kiểu và công suất máy chính: **01; ISUZU 507753; 90,0.**  
 Trọng tải toàn phần, số lượng người được phép chở, sức kéo, đẩy: **Sàn lượng 6t (m<sup>2</sup>/h)/Sức chở 135,0 tấn.**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2020  
 SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
 TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐƯỜNG THỦY  
 (Stamp: SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI, PHÂN CÔNG HƯỚNG DẪN)

Scanned with CamScanner

ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH  
**SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

Số 497 /DK

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Tên phương tiện: **HIỆU PHÁT 1** Số đăng ký: **SG.9028**  
 Chủ phương tiện: **CÔNG TY TNHH TMDV XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART**  
 Địa chỉ chủ phương tiện: **11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP.HCM**  
 Đã được đăng ký phương tiện có đặc điểm sau:

Cấp phương tiện:	<b>VR-SII</b>	Công dụng:	<b>Tàu cần cẩu (Cầu và chở hàng)</b>
Năm và nơi đóng:	<b>1998, TP.HCM</b>		
Chiều dài thiết kế:	<b>29,00 m</b>	Chiều dài lớn nhất:	<b>30,08 m</b>
Chiều rộng thiết kế:	<b>9,00 m</b>	Chiều rộng lớn nhất:	<b>9,16 m</b>
Chiều cao mạn:	<b>2,00 m</b>	Chiều chìm:	<b>1,40 m</b>
Mạn khô:	<b>0,608 m</b>	Vật liệu vỏ:	<b>Thép</b>

Số lượng, kiểu và công suất máy chính:  
 Trọng tải toàn phần, số người được phép chở, sức kéo, đẩy: **Sức nâng: 3,5(tấn); TTTP: 152,7(tấn).**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 07 năm 2020  
 TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐƯỜNG THỦY  
 (Stamp: SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI, PHÂN CÔNG HƯỚNG DẪN)  
 Nguyễn Thanh Dũng



**Trang bị chạy tàu**

Công nhóm ; Đồng hồ   
 Thiết bị đo sâu đơn giản ; Chuông lệnh   
 Thiết bị đo nghiêng ; Thước đo mức nước   
 GPS hoặc thiết bị tương tự ; La bàn từ hoặc la bàn chuẩn   
 Thiết bị truyền thanh chỉ huy ; Ra đa   
 Thiết bị VTD: MF/HF (chiếc) 0; VHF (chiếc) 0  
 S.EPIRB ; AIS: cấp A  cấp B   
 SART/AIS-SART

**Trang bị ngăn ngừa ô nhiễm**

Thiết bị phân ly dầu nước: Số lượng (chiếc); Tổng sản lượng;  
 Kết thu hồi hỗn hợp dầu nước: Số lượng (chiếc); Tổng thể tích (m<sup>3</sup>)  
 Kết nước thải: Số lượng (chiếc) 1; Tổng thể tích (m<sup>3</sup>) 0,15  
 Kết lắng: Số lượng (chiếc); Tổng thể tích (m<sup>3</sup>)  
 Kết dầu bẩn: Số lượng (chiếc); Tổng thể tích (m<sup>3</sup>)  
 Bịch nổi tiêu chuẩn: Số lượng (chiếc); Vị trí  
 Thiết bị chứa rác: Số lượng (chiếc) 1  
 Thiết bị xử lý nước thải: Số lượng (chiếc); Sản lượng (m<sup>3</sup>)

**Thời hạn kiểm tra**

Định kỳ: 21/12/2025; Trên đà: 08/01/2023  
 Hàng năm: 08/07/2021; Trung gian:

**Áp dụng đối với:**

- Phương tiện hoạt động tuyến vận tải đường thủy nội địa ven biển, từ bờ ra đảo, giữa các đảo; phương tiện chở khí hóa lỏng, tàu chở công te nơ, chở xô hóa chất nguy hiểm, chở dầu; tàu khách cao tốc, tàu đem khí.
- Các phương tiện của người nước ngoài hoặc của doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài tham gia giao thông đường thủy nội địa.
- Các phương tiện hoạt động trên sông, kênh, rạch, hồ, đầm và vịnh (trừ các phương tiện neo ở khoản 1, 2 trên đây), có một trong các đặc trưng sau:
  - a) Phương tiện có sức chở người từ 50 người trở lên;
  - b) Phương tiện có trọng tải toàn phần từ 200 tấn trở lên;
  - c) Phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 135 sức ngựa trở lên;
  - d) Phương tiện chuyên dùng như: tàu công trình và các tàu có công dụng đặc biệt có chiều dài thiết kế từ 10 m trở lên;
  - e) Phương tiện có lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng lớn hơn 1 tấn.

**Trách nhiệm của chủ phương tiện:**  
 Chịu trách nhiệm bảo đảm tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện theo các tiêu chuẩn quy định giữa hai kỳ kiểm tra.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
 CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM  
 CHI CỤC ĐĂNG KIỆM TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 00390/20V63  
 BV 000629

**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Tên phương tiện: **Tàu cần cẩu (cầu và chở hàng)\*** Số ĐKHC: **V50-07655**  
 Công dụng: **Tàu cần cẩu (cầu và chở hàng)\*** Chủ phương tiện: **CÔNG TY TNHH TMDV XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART**  
 Địa chỉ: **11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP.HCM**  
 Năm đóng/hoàn cải: **1998, TP. Hồ Chí Minh/2020, Tiền Giang**  
 Kích thước cơ bản: L x B x D x d **29x9x2x1,4** m;  
 L<sub>max</sub> x B<sub>max</sub>: **30,08x9,16** m; Mạn khô F: **608** m;  
 Vật liệu: **Thép**; Dung tích: **140** m;  
 Số lượng máy chính/phụ: ; Tổng công suất: cv;  
 Căn cứ báo cáo kiểm tra kỹ thuật số 00390/20V63 ngày 8 tháng 7 năm 2020

**CHI CỤC ĐĂNG KIỆM TIỀN GIANG**

Chứng nhận phương tiện có đặc tính kỹ thuật và ngăn ngừa ô nhiễm ghi trong giấy chứng nhận này có trạng thái kỹ thuật thỏa mãn các yêu cầu của quy phạm, quy định hiện hành và được trao cấp:

**VR-SII**  
 Vùng hoạt động: **Vùng SII**  
 Khả năng khai thác: **Sức nâng: 3,5 (tấn); Lượng hàng: 123,5 (tấn) TTTT: 152,7 (tấn)**  
 Sức nâng cho phép 3,5(t) là tổng khối lượng của gầu ngoạm và búa, đất...trong gầu tương ứng với tầm và chỉ làm việc => 7,5(m)  
 Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày 8 tháng 7 năm 2021  
 Cấp tại **Tiền Giang**, ngày 8 tháng 7 năm 2020  
**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỆM**  
 (Ký tên đóng dấu)

Số KS **VR98041624**

**GIÁM ĐỐC**  
 T. Nguyễn Văn...

SI-01

**Thiết kế phương tiện**

Ký hiệu thiết kế: **PONTON CAU 35** Năm thiết kế: **1997**  
 Số QCN: **213/97/ĐM/CC6** Số thẩm định:  
 Nơi hoàn cải: **2020, Tiền Giang**

**Thiết bị neo**

Neo mũi, kiểu **Matrosov**; SL(chiếc): **1**; Tổng khối lượng neo **219** kg  
 Neo đuôi, kiểu **Matrosov**; SL(chiếc): **1**; Tổng khối lượng neo **188** kg  
 Chiều dài/ đường kính xích, cáp: Mũi **150/24**; Đuôi: **150/23**  
 Kiểu tời neo: Mũi **(Cơ khí) Quay tay**; Đuôi **(Cơ khí) Quay tay**

**Thiết bị lái**

Bánh lái: Kiểu ; số lượng (chiếc); Tổng DT (m<sup>2</sup>):  
 Máy lái chính: Kiểu ; Mô men lái (tm):  
 Máy lái dự phòng: Kiểu ; Mô men lái (tm):

**Thiết bị chằng buộc**

Dây buộc: số lượng (chiếc) **3** Tổng chiều dài (m) **120**  
 Cột buộc dây: Kiểu **Bit đơn/Bit đôi** Số lượng (chiếc) **8/4**

**Thiết bị kéo**

Cột kéo: Kiểu ; Đường kính (mm):  
 Móc kéo: Kiểu ; Lực kéo định mức (kN):  
 Tời thu dây: kiểu ; Lực kéo định mức (kN):  
 Dây kéo loại: ; Chiều dài (m):

**Máy chính**

Máy chính Mác Năm chế tạo Số chế tạo Công suất (cv)  
 số tạo

**Máy phụ**

Số lượng, mác, công suất (cv):

**Thiết bị điện**

Số lượng máy phát (chiếc):  
 Công suất (KVA): ; Điện áp (V):  
 Số bình ắc quy: **2** ; Điện áp (V): **12** ; Tổng dung lượng (Ah): **200x2**

**Hệ thống không khí nén**

Bình khí nén: Số lượng(chiếc):  
 Máy nén khí: Số lượng (chiếc):

**Thiết bị nâng**

Số chế tạo hoặc số quản lý:  
 Tầm với lớn nhất (m)/sức nâng (tấn): **7,5/3,5**  
 Tầm với nhỏ nhất (m)/sức nâng (tấn): **3,6/3,5**

**Trang bị chữa cháy**

Di động ; SL(chiếc) **1** ; Lưu lượng (m<sup>3</sup>) **20**  
 Loại khí ; Tổng khối lượng (kg)  
 Loại bọt ; Tổng thể tích (lít)  
 Bình bọt dầy: Số lượng x dung tích (lít):  
 Thiết bị tạo bọt xách tay: Số lượng:  
 Bình CO<sub>2</sub> Số bình x khối lượng (kg) **2x5**  
 Bình bọt: Số bình x khối lượng (kg) **2x8**  
 Bình bọt: Số bình x dung tích (lít)  
 Bộ dụng cụ chữa cháy thủ công:  ; Sơ đồ bố trí thiết bị chữa cháy:

**Trang bị cứu sinh**

Phao tròn: Không dây (chiếc) **2** ; Có dây(chiếc):  
 Phao áo (chiếc): **2** ; Phao áo trẻ em (chiếc):  
 DC nổi/phao bè/Xuồng (chiếc): **0** ; Tổng sức chở (người): **0**

**Trang bị cứu đắm**

Bơm hút khô: kiểu **Di động**  
 Số lượng (chiếc): **1** ; Lưu lượng (m<sup>3</sup>) **20**  
 Bộ dụng cụ cứu đắm:   
 Thiết bị tự động báo mức nước đáy khoang:

**Trang bị tín hiệu**

Đèn hiệu:  
 Đèn mạn đỏ  ; Đèn mạn xanh  ; Đèn trắng lái   
 Đèn cột trắng:  ; Đèn cột xanh  ; Đèn cột đỏ  ; Đèn neo   
 Đèn lái đỏ  ; Đèn lái xanh  ; Đèn vàng   
 Đèn trắng nháy  ; Đèn vàng nháy  ; Đèn đỏ nháy   
 Đèn cho các tình huống khác  ; Đèn nửa xanh nửa đỏ  ; Đèn dự trữ   
 Âm hiệu:  
 Vật hiệu: Tam giác đen  ; Tam giác trắng  ; Vuông đen   
 Chữ nhật đen  ; Tròn đen  ; Tròn trắng   
 Hình thoi góc vuông đen   
 Bộ về hiệu  ; Pháo hiệu dụ  ; Súng phóng dây



(H) GIAO THƯƠNG VẬN TẢI  
 CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM  
 CHI CỤC BẢNG KIỂM LONG AN

SỐ: 00155/21V62

CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BV 024029

**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ  
 BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Tên phương tiện: Số ĐKHC: TV-0649  
 Công dụng: Tàu chèo cẩu (cầu và chèo hàng) Số Đăng kiểm: V84-02972  
 Chủ phương tiện: CÔNG TY TNHH TMĐV XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART  
 Địa chỉ: 11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP.HCM  
 Năm đóng/hoàn cải: 2017, Trà Vinh/2021, Long An  
 Kích thước cơ bản: L x B x D x d 36,9x12,5x2,4x1,74 m;  
 L<sub>max</sub> x B<sub>max</sub> 37,1x12,7 m; Mạn khô F: 672 mm;  
 Vật liệu: Thép ; Dung tích: 285 ;  
 Số lượng máy chính/phụ: 0/1 ; Tổng công suất: 0/5,5 cv;  
 Căn cứ báo cáo kiểm tra kỹ thuật số 00155/21V62 ngày 25 tháng 1 năm 2021

CHI CỤC ĐĂNG KIỆM LONG AN

Chứng nhận phương tiện có đặc tính kỹ thuật và ngân sách ô nhiễm ghi trong giấy chứng nhận này có trạng thái kỹ thuật thỏa mãn các yêu cầu của quy phạm, quy định hiện hành và được trao cấp:

VR-SI

Vùng hoạt động: Vùng SI

Khả năng khai thác: Sức nâng: 4,9 (tấn); Lượng hàng: 486 (tấn)/ TTP: 498 (tấn)  
 Tàu có tải trọng vượt hạn chế kỹ thuật.  
 Các trục bánh xích khai thác ở sức nâng lớn nhất 4,9 tấn tải trọng vận chuyển.  
 Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày 10 tháng 02 năm 2022

Cấp tại Long An, ngày 25 tháng 01 năm 2021

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỆM

CHỖ CHỖ ĐĂNG KIỆM  
 ĐĂNG KIỆM  
 LONG AN  
 Trần Hoài Hà

Số KS VR17035099

SI-01

**Thiết bị nâng**

Số chế tạo hoặc số quản lý:  
 Tải với lớn nhất (m)/sức nâng (tấn): 105  
 Tải với nhỏ nhất (m)/sức nâng (tấn): 105

**Trang bị chữa cháy**

Kiểu bơm: Ly tâm ; SL(chiếc) 1 ; Lưu lượng (m<sup>3</sup>) 15  
 Loại khí : ; Tổng khối lượng (kg)  
 Loại bọt : ; Tổng thể tích (lít)  
 Bình bọt đẩy: Số lượng x dung tích (lít):  
 Thiết bị tạo bọt xách tay: Số lượng:  
 Bình CO<sub>2</sub> Số bình x khối lượng (kg) 1x5  
 Bình bột: Số bình x khối lượng (kg)  
 Bình bọt: Số bình x dung tích (lít) 2x9  
 Bộ dụng cụ chữa cháy thủ công:  ; Số đồ bộ trị thiết bị chữa cháy:

**Trang bị cứu sinh**

Phao tròn: Không dây (chiếc) 2 ; Có dây(chiếc): 2  
 Phao áo (chiếc): 4 ; Phao áo trẻ em (chiếc):  
 DC nổi/phao bè/Xuồng (chiếc): 1 ; Tổng sức chở (người): 6

**Trang bị cứu đắm**

Bơm hơi khô: kiểu Ly tâm ;  
 Số lượng (chiếc): 1 ; Lưu lượng (m<sup>3</sup>) 15  
 Bộ dụng cụ cứu đắm:   
 Thiết bị tự động báo mức nước đầy khoang:

**Trang bị tín hiệu**

Đèn hiệu:  
 Đèn mạn đỏ  ; Đèn mạn xanh  ; Đèn trắng lái  ;  
 Đèn cột trắng:  ; Đèn cột xanh  ; Đèn cột đỏ  ; Đèn neo  ;  
 Đèn lái đỏ  ; Đèn lái xanh  ; Đèn vàng  ;  
 Đèn trắng nháy  ; Đèn vàng nháy  ; Đèn đỏ nháy  ;  
 Đèn cho các tình huống khác  ; Đèn màu xanh nửa đỏ  ; Đèn dự trữ  ;  
 Âm hiệu:  
 Vòi hiệu: Tam giác đen  ; Tam giác trắng  ; Vuông đen  ;  
 Chữ nhật đen  ; Tròn đen  ; Tròn trắng  ;  
 Hình thoi góc vuông đen  ;  ;  
 Bộ cờ hiệu  ; Pháo hiệu dù  ; Súng phông dấy

**Thiết bị nâng**

Số chế tạo hoặc số quản lý: GS13224  
 Tải với lớn nhất (m)/sức nâng (tấn): 15/4,9  
 Tải với nhỏ nhất (m)/sức nâng (tấn): 6/4,9

**Trang bị chữa cháy**

Kiểu bơm: Di động ; SL(chiếc) 1 ; Lưu lượng (m<sup>3</sup>) 15  
 Loại khí : ; Tổng khối lượng (kg)  
 Loại bọt : ; Tổng thể tích (lít)  
 Bình bọt đẩy: Số lượng x dung tích (lít):  
 Thiết bị tạo bọt xách tay: Số lượng:  
 Bình CO<sub>2</sub> Số bình x khối lượng (kg) 1x5  
 Bình bột: Số bình x khối lượng (kg)  
 Bình bọt: Số bình x dung tích (lít) 2x9  
 Bộ dụng cụ chữa cháy thủ công:  ; Số đồ bộ trị thiết bị chữa cháy:

**Trang bị cứu sinh**

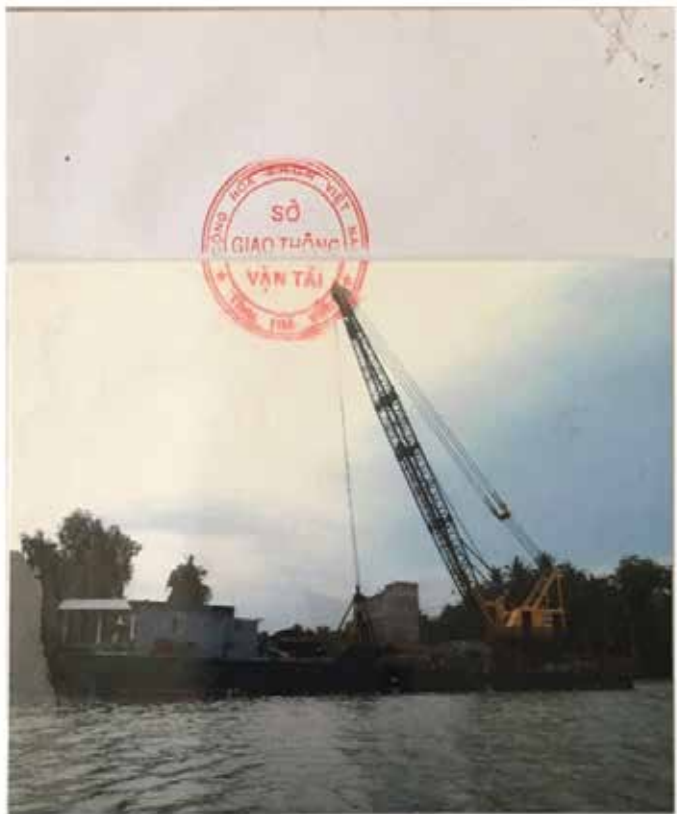
Phao tròn: Không dây (chiếc) 3 ; Có dây(chiếc): 1  
 Phao áo (chiếc): 4 ; Phao áo trẻ em (chiếc):  
 DC nổi/phao bè/Xuồng (chiếc): 1 ; Tổng sức chở (người): 4

**Trang bị cứu đắm**

Bơm hơi khô: kiểu Di động ;  
 Số lượng (chiếc): 1 ; Lưu lượng (m<sup>3</sup>) 15  
 Bộ dụng cụ cứu đắm:   
 Thiết bị tự động báo mức nước đầy khoang:

**Trang bị tín hiệu**

Đèn hiệu:  
 Đèn mạn đỏ  ; Đèn mạn xanh  ; Đèn trắng lái  ;  
 Đèn cột trắng:  ; Đèn cột xanh  ; Đèn cột đỏ  ; Đèn neo  ;  
 Đèn lái đỏ  ; Đèn lái xanh  ; Đèn vàng  ;  
 Đèn trắng nháy  ; Đèn vàng nháy  ; Đèn đỏ nháy  ;  
 Đèn cho các tình huống khác  ; Đèn màu xanh nửa đỏ  ; Đèn dự trữ  ;  
 Âm hiệu:  
 Vòi hiệu: Tam giác đen  ; Tam giác trắng  ; Vuông đen  ;  
 Chữ nhật đen  ; Tròn đen  ; Tròn trắng  ;  
 Hình thoi góc vuông đen  ;  ;  
 Bộ cờ hiệu  ; Pháo hiệu dù  ; Súng phông dấy



**CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH AN TOÀN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**  
**VIET NAM INDUSTRY SAFETY INSPECTION CORPORATION**

1. Cơ sở (Client): CÔNG TY TNHH TMDV XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART  
 Đ/c (Addr): 11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP.HCM  
 Lắp đặt tại (Pos): Thiết bị lưu động

2. Đối tượng (Job under): XE LU BÁNH LỚP  
 • Mã hiệu (Code): XP163  
 • Năm chế tạo (Date): /  
 • Số khung (Chassis No): CD11-19567  
 • Số máy (Engine No): BA125-542946  
 • Nhà chế tạo (Locally made): Trung Quốc  
 • Đặc tính kỹ thuật (Technical properties):  
 • Trọng lượng bánh trước (Load on front): 8500 kg  
 • Trọng lượng bánh sau (Load on rear): 7500 kg  
 • Bán kính quay nhỏ nhất (Min. Turning radius): 7230 mm  
 • Áp lực nén đất (compression): 200-400 kPa  
 • Công suất (Capacity): 92 KW  
 • Vận tốc di chuyển min/max (Traveling speed min/max): 8/16 Km/h  
 • Công dụng (Uses): Lu nền.

Đã được kiểm định lần đầu đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số:  
 (Aperiodic of review of inspection in the inspectional report number)  
 01821/XL/KĐVN, ngày 05 tháng 11 năm 2020

Thời hạn kiểm định lần tới: 05/11/2022  
 (The next safety inspection time)

Tp.HCM, ngày 05 tháng 11 năm 2020  
 GIAM ĐỐC (Director)  
 Nguyễn Văn Lương

**CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH AN TOÀN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**  
**VIET NAM INDUSTRY SAFETY INSPECTION CORPORATION**

1. Cơ sở: CÔNG TY TNHH TMDV XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART  
 Địa chỉ: 11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP.HCM  
 Lắp đặt: Thiết bị lưu động

2. Đối tượng: XE Ủ BÁNH XÍCH KOMATSU  
 • Mã hiệu: KOMATSU D65P-12  
 • Năm chế tạo: 2002  
 • Số khung: D65P12-22425  
 • Số máy: 4D95L-36248  
 • Nhà chế tạo: Nhật Bản  
 • Đặc tính kỹ thuật:  
 • Kích thước lưỡi ủi: 3910 x 1100 mm  
 • Áp lực nén đất: 35 KPa  
 • Chiều cao nâng lưỡi ủi: 0,7m  
 • Công suất động cơ: 190HP  
 • Vận tốc di chuyển lớn nhất: 7,4 Km/h  
 • Kích thước bao: 5550 x 3910 x 3080 mm  
 • Công dụng: Thi công san nền

Đã được kiểm định lần đầu đạt yêu cầu theo biên bản số:  
 02122/XU/KĐVN, ngày 15 tháng 12 năm 2020

Thời hạn kiểm tra kỹ thuật an toàn lần tới: 15/12/2022

Tp.HCM, ngày 15 tháng 12 năm 2020  
 GIAM ĐỐC (Director)  
 Nguyễn Văn Lương

**CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH AN TOÀN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**  
**VIET NAM INDUSTRY SAFETY INSPECTION CORPORATION**

1. Cơ sở (Client): CÔNG TY TNHH TMDV XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART  
 Đ/c (Addr): 11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP.HCM  
 Lắp đặt tại (Pos): Thiết bị lưu động

2. Đối tượng (Job under): XE LU BÁNH LỚP  
 • Mã hiệu (Code): XP163  
 • Năm chế tạo (Date): /  
 • Số khung (Chassis No): CD11-19567  
 • Số máy (Engine No): BA125-542946  
 • Nhà chế tạo (Locally made): Trung Quốc  
 • Đặc tính kỹ thuật (Technical properties):  
 • Trọng lượng bánh trước (Load on front): 8500 kg  
 • Trọng lượng bánh sau (Load on rear): 7500 kg  
 • Bán kính quay nhỏ nhất (Min. Turning radius): 7230 mm  
 • Áp lực nén đất (compression): 200-400 kPa  
 • Công suất (Capacity): 92 KW  
 • Vận tốc di chuyển min/max (Traveling speed min/max): 8/16 Km/h  
 • Công dụng (Uses): Lu nền.

Đã được kiểm định lần đầu đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số:  
 (Aperiodic of review of inspection in the inspectional report number)  
 01821/XL/KĐVN, ngày 05 tháng 11 năm 2020

Thời hạn kiểm định lần tới: 05/11/2022  
 (The next safety inspection time)

Tp.HCM, ngày 05 tháng 11 năm 2020  
 GIAM ĐỐC (Director)  
 Nguyễn Văn Lương

**CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH AN TOÀN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**  
**VIET NAM INDUSTRY SAFETY INSPECTION CORPORATION**

1. Cơ sở (Client): CÔNG TY TNHH TMDV XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART  
 Đ/c (Addr): 11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP.HCM  
 Lắp đặt (Pos): Thiết bị lưu động

2. Đối tượng (Job under): XE ĐÀO BÁNH XÍCH KOMATSU  
 • Mã hiệu (Code): KOMATSU PC100-3  
 • Năm chế tạo (Date): 1987  
 • Số khung (Chassis No): PC100-22225  
 • Số máy (Engine No): 4D95L-36248  
 • Nhà chế tạo (Locally made): Nhật Bản  
 • Đặc tính kỹ thuật (Technical properties):  
 • Dung tích gầu (Capacity): 0,4 m<sup>3</sup>  
 • Kiểu gầu (Bucket Type): Gầu nghịch  
 • Bán kính đào lớn nhất (Digging Reach, max): 7650 mm  
 • Chiều cao đổ vật liệu (Height): 5110 mm  
 • Vận tốc di chuyển lớn nhất (Traveling speed, max): 3,6 Km/h  
 • Công dụng (Uses): Đào xúc đất

Đã được kiểm định lần đầu đạt yêu cầu theo biên bản số:  
 (Aperiodic of review of inspection in the inspectional report number)  
 02119/XD/KĐVN, ngày 15 tháng 12 năm 2019

Thời hạn kiểm tra kỹ thuật an toàn lần tới: 15/12/2021  
 (The next safety inspection time)

Tp.HCM, ngày 15 tháng 12 năm 2019  
 GIAM ĐỐC (Director)  
 Nguyễn Văn Lương



**CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH AN TOÀN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**  
**VIET NAM INDUSTRY SAFETY INSPECTION CORPORATION**

**1. Cơ sở:** CÔNG TY TNHH TMDV XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART  
 Địa chỉ: 11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP.HCM

**Lắp đặt:** Thiết bị lưu động

**2. Đối tượng:** XE ĐÀO BÁNH XÍCH  
 Mã hiệu: KOMATSU PC200-8N1  
 Năm chế tạo: 2008  
 Số khung: KMTPC197P02314051  
 Số máy: 6D107-26528660  
 Nhà chế tạo: Nhật Bản

**Đặc tính kỹ thuật:**

- Dung tích gầu: 0,8 m<sup>3</sup>
- Kiểu gầu: Gầu nghịch
- Công suất động cơ: 110 kW
- Bán kính đảo lớn nhất: 9875 mm
- Chiều cao đổ vật liệu lớn nhất: 7110 mm
- Vận tốc di chuyển lớn nhất: 5,5 Km/h
- Công dụng: Phục vụ thi công.

Đã được kiểm định lần đầu đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số : 02086/XD/KĐVN, ngày 15 tháng 10 năm 2019  
 Thời hạn kiểm tra kỹ thuật an toàn lần tới : 15/10/2021

TP.HCM, ngày 15 tháng 10 năm 2019  
**GIAM ĐỐC (Director)**  
  
 Nguyễn Văn Lương

**CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH AN TOÀN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**  
**VIET NAM INDUSTRY SAFETY INSPECTION CORPORATION**

**1. Cơ sở:** CÔNG TY TNHH TMDV XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART  
 Địa chỉ: 11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP.HCM

**Lắp đặt:** Thiết bị lưu động

**2. Đối tượng:** XE LU TÌNH LUTONG  
 Mã hiệu: L.T.J2125  
 Năm chế tạo: //  
 Số khung: 3541  
 Số máy: 67539  
 Nhà chế tạo: Trung Quốc

**Đặc tính kỹ thuật:**

- Trọng lượng chưa gia tải: 21000 kg
- Trọng lượng đã gia tải: 25000 kg
- Chiều rộng lu: 1680 mm
- Công suất: 88 Kw
- Vận tốc di chuyển max: 5,0 Km/h
- Công dụng: Phục vụ thi công.

Đã được kiểm định lần đầu đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số : 02371/XLT/KĐVN, ngày 30 tháng 12 năm 2020  
 Thời hạn kiểm tra lần tới : 30/12/2022

TP.HCM, ngày 30 tháng 12 năm 2020  
**GIAM ĐỐC**  
  
 Nguyễn Văn Lương

**CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH AN TOÀN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**  
**VIET NAM INDUSTRY SAFETY INSPECTION CORPORATION**

**1. Cơ sở:** CÔNG TY TNHH TMDV XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART  
 Địa chỉ: 11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP.HCM

**Lắp đặt:** Thiết bị lưu động

**2. Đối tượng:** XE LU TÌNH  
 Mã hiệu: WATANABE  
 Năm chế tạo: //  
 Số khung: WNC07-0171  
 Số máy: DA110-52775  
 Nhà chế tạo: Nhật Bản

**Đặc tính kỹ thuật:**

- Trọng lượng động: 8000 kg
- Trọng lượng tĩnh: 6000 kg
- Chiều rộng lu: 2,0 m
- Công suất: 100 Kw
- Vận tốc di chuyển max: 5,0 Km/h
- Công dụng: Phục vụ thi công.

Đã được kiểm định định kỳ đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số : 02211/XLT/KĐVN, ngày 30 tháng 10 năm 2017  
 Thời hạn kiểm định lần tới : 30/10/2021

TP.HCM, ngày 30 tháng 10 năm 2017  
**GIAM ĐỐC**  
  
 Nguyễn Văn Lương

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
**KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN MIỀN NAM**  
**SOUTH SAFETY TECHNIQUE INSPECTION COMPANY LIMITED**

Địa Chỉ: 11 Đường 1A, Khu Phố 1, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh  
 VP Miền Bắc: 9/11, Ngõ 21, Army Chiến Thắng, Phường Quán, Hồ Chí Minh  
 VP Miền Tây: 10/1 Đường Cao Thắng, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Website: vietnaminspection.com.vn  
 Mail: vietnaminspection@vietnaminspection.com  
 Hotline: 028.37226164 - 37226165  
 WWW: VTCVN.COM.VN

**Cơ sở sử dụng (The present user):**  
**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART**

Địa chỉ (Add): 11/1A Đường Số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Đối tượng (Object): CÁN TRỤC BÁNH XÍCH 65 TẤN -**

- Mã hiệu (Model) : HITACHI KH250D
- Số khung (Chassis number) : 247-0128
- Nhà chế tạo (Manufacturer) : Nhật Bản
- Năm chế tạo (Date) : 1995

**Đặc tính kỹ thuật (Basic technological parameters on):**

- Tải trọng thiết kế (Design load) : 65 tấn
- Tải trọng làm việc (Working load) : 6,0 tấn
- Tầm với (Radius, Design/working) : 5,5-27 m
- Vận tốc quay (Swing speed) : 2,7 v/ph
- Vận tốc nâng (Hoisting speed) : 39/11inc m/ph
- Vận tốc di chuyển (Travelling speed) : 1,3 km/h
- Chiều cao nâng (Lifting height) : 26 m.

**Địa điểm lắp đặt (Install position) :** Lưu động.

Đã được kiểm định định kỳ, đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số : 839. /KDMN, Ngày 22 tháng 5 năm 2020.  
 (Inspected for periodically, meet demand of the inspection report no: /KDMN, May 22<sup>nd</sup>, 2020) Tem kiểm định số (Stamp No): 839.  
 Thời hạn kiểm định kỹ thuật an toàn lần tới (Expire date): 22/5/2021

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 5 năm 2020.  
  
**GIAM ĐỐC**  
 Nguyễn Lê Khánh

# NĂNG LỰC THI CÔNG



# NĂNG LỰC KHAI THÁC KHOẢNG SÀN

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP

Số: 2002 /GP-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Tháp, ngày 31 tháng 12 năm 2021

## GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOẢNG SÀN (GIA HẠN)

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoảng sân ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoảng sân;

Căn cứ Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ Quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi, sông;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu bảo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1472/QĐ-UBND.HC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản (cát sông) làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 48/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc kéo dài thời hạn thực hiện Nghị quyết số 04/2009/NQ-HĐND ngày 08/7/2009 và Nghị quyết số 21/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định về hoạt động thăm dò, khai thác, vận chuyển cát sông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 221/QĐ-UBND.HC ngày 05/3/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc công bố khu vực cấm khai thác, khu vực không đấu giá khai thác cát sông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 24/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát xây dựng hạt nguyên trong "Bảo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát trên sông Tiền đoạn thuộc xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp";

Căn cứ Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt Bảo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác cát xây dựng trên sông Tiền đoạn thuộc xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cấp lần đầu số 8807648337 ngày 10/02/2019 và thay đổi lần 02 ngày 22/11/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản cấp lần đầu số 838/GP-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2020 và Giấy phép gia hạn lần 1 số 1970/GP-UBND ngày 29/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 781/TT-STNMT ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, xét Biên bản họp giữa liên ngành và các huyện, thành phố ngày 15/12/2021 về việc xác định các điểm mốc đường bờ hiện trạng đối với các mỏ cát trên sông Tiền và sông Hậu.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cho phép Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp tiếp tục khai thác cát xây dựng hạt nguyên bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ cát trên sông Tiền thuộc xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (gia hạn lần 2 Giấy phép khai thác khoáng sản số 838/GP-UBND ngày 10/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp).

Diện tích khu vực khai thác: **46 ha** (0,46km<sup>2</sup>), được giới hạn bởi các điểm khép góc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, B, A, 9 có tọa độ xác định theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 Giấy phép này.

Mức sâu khai thác thấp nhất: đến mức -15 m (Hệ cao độ quốc gia)  
Trữ lượng khai thác (trữ lượng được phê duyệt): 1.870.542,9 m<sup>3</sup>.

Công suất được phép khai thác: 200.000 m<sup>3</sup>/năm.

Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác là trữ lượng để tiến hành cấp quyền khai thác khoáng sản: 200.000 m<sup>3</sup>

Phương pháp khai thác: Lộ thiên.

Phương tiện khai thác: 02 (hai) xáng cạp, dung tích mỗi gàu 3,5 m<sup>3</sup> (theo hồ sơ ĐTM được duyệt).

Thời hạn khai thác: 01 (một) năm, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022. Lưu ý, trường hợp thời điểm Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp được phê duyệt đến trước thời hạn nêu trong Giấy phép, thì thời hạn của Giấy phép được tính là thời điểm Quy hoạch tỉnh được phê duyệt.

### Điều 2. Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp trích nhiệm:

- Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành;
- Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định;
- Tiến hành hoạt động khai thác cát sông theo đúng tọa độ, diện tích mỏ sản, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;
- Thực hiện các biện pháp khai thác, phân cấp thiết kế mỏ được lập, đồng thời, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp kiểm tra tại thực địa, xác định tọa độ, mặt bằng khai thác và các mốc, thủ tục giới hạn phạm vi khu vực được phép khai thác;
- Thực hiện đầy đủ nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án khai thác cát trên sông Tiền đoạn thuộc xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định;
- Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, và các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các điều kiện có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ;

Phải thu hồi số địa sản khoáng khai thác từ mỏ, báo cáo đóng sản hạ khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Việc quản lý, sử dụng khoáng sản khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật; Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và các ngày bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường, địa dư sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan;

10. Thực hiện đúng theo quy định tại Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định về hoạt động thăm dò, khai thác, vận chuyển cát sông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

11. Lập thủ tục thuê mặt tích trong hoạt động khoáng sản đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

12. Thời gian được phép hoạt động khai thác trong ngày: từ 7 giờ sáng đến 5 giờ chiều, không được khai thác ban đêm. Riêng về thời gian khai thác trong mùa mưa: hiện theo mùa mưa các hồ sơ đã được phê duyệt.

13. Xác định ranh giới khu vực khai thác, cấm việc các điểm khép góc khu vực khai thác.

14. Lập đặt hàng thông báo thông tin giấy phép khai thác tại bờ sông hai đầu khu mỏ.

15. Phương tiện, thiết bị sử dụng để khai thác phải có đăng ký đăng kiểm theo quy định, đồng thời lập đặt thiết bị giám sát hành trình và lưu trữ dữ liệu, thông tin về vị trí, hành trình di chuyển và phương tiện, thiết bị sử dụng để khai thác, vận chuyển.

16. Ký hợp đồng vận chuyển với các phương tiện đủ điều kiện vận chuyển theo quy định của pháp luật trong trường hợp bị cấm, cả nhân khai thác không trực tiếp vận chuyển cát sang khai thác.

17. Thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm về phòng chống thiên tai theo quy định của pháp luật.

Lưu ý: Văn của Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp nêu trên cùng với các tài liệu đính kèm để bản trình, nhất là các công trình và dụng cụ liên quan để công tác để nghị của cơ quan chức năng.

**Điều 3.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trước khi tiến hành khai thác Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp thiết kế mỏ được duyệt có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, đồng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến và cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:  
- Như Điều 6.  
- Chi trình, các PCT, UBND tỉnh;  
- Tổng Cục Thuế tỉnh và Kho bạc Nhà nước;  
- Cục quản lý vận tải và Đường sông tỉnh;  
- Chi cục Quản lý an ninh địa phương;  
- UBND Huyện Hồng Ngự;  
- Lưu VT - SCS/ĐKT/Trần.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

  
Huỳnh Minh Tuấn

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

### BẢN GIỚI THIỆU TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC CÁT SÔNG TẠM MỎ CÁT TRÊN SÔNG TIỀN, THUỘC XÃ THƯỜNG PHƯỚC 1, HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Giấy phép khai thác số GP-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000	
	X	Y
1	1205954	520402
2	1205954	520596
3	1205334	520666
4	1204993	520874
5	1204553	521017
6	1203940	521115
7	1204249	520911
B	1204502	520732
A	1205047	520492
9	1205342	520471
<b>Diện tích 46 ha</b>		



# CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

TT	CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM-TÍNH CHẤT CÔNG TRÌNH	TỔNG GIÁ TRỊ (VND)	NĂM
1	THI CÔNG XÂY DỰNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA SUỐI LỒ Ồ	DĨ AN, BÌNH DƯƠNG	63.703.860.000	2018
2	CUNG CẤP ĐÁ HỘC VÀ THI CÔNG BỐC ĐÁ XUỐNG ĐÊ KHU CẢNG PHỤ	LONG SƠN, BÀ RỊA – VŨNG TÀU	27.000.000.000	2019
3	THI CÔNG SAN LẤP MẶT BẰNG LÔ B12+B18 KCN THÀNH THÀNH CÔNG	TRẢNG BÀNG, TÂY NINH	68.110.000.000	2019
4	THI CÔNG SAN LẤP MẶT BẰNG LÔ B11+B19 KCN THÀNH THÀNH CÔNG	TRẢNG BÀNG, TÂY NINH	74.335.101.720	2019
5	THI CÔNG HẠ TẦNG, NHÀ XƯỞNG	KCN ĐỒNG XOÀI – BÌNH PHƯỚC	88.434.429.586	2021
6	THI CÔNG VẬN CHUYỂN Bùn và VẬT LIỆU XÂY DỰNG	QUẬN 2, TP.HCM	49.600.000.000	2020
7	THI CÔNG HẠ TẦNG, NHÀ XƯỞNG	KCN PHƯỚC ĐÔNG – GÒ DẦU – TÂY NINH	110.543.036.982	2021
8	THI CÔNG XÂY DỰNG MỚI KHU THƯƠNG MẠI KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG NÔNG SẢN	KHU KINH TẾ CỬA KHẨU HOA LŨ – HUYỆN LỘC NINH-TỈNH BÌNH PHƯỚC	257.500.000.000	2022

# HỢP ĐỒNG TIÊU BIỂU- 01

C.TY TNHH TM XD PHÚC BIÊN  
SỐ : 03/2021 PB-NEWSTART

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Ngày 01 tháng 02 năm 2021

## HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Về việc : Thi công xây dựng hạ tầng, nhà xưởng

**CÔNG TRÌNH: THI CÔNG XÂY DỰNG HẠ TẦNG, NHÀ XƯỞNG**  
**ĐỊA ĐIỂM: SỐ LÔ 48, 60, 61, 62 CỤM A3, KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG XOÀI,**  
**TP. ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Căn cứ Luật Xây Dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Quốc hội;
- Căn cứ Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng
- Căn cứ Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Căn cứ Thông tư 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Hôm nay, ngày tháng năm 2021, Chúng tôi gồm các bên dưới đây:

### ĐẠI DIỆN BÊN A: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC BIÊN

Người đại diện: Bùi Trường Biên

Chức vụ: **GIÁM ĐỐC**

Địa chỉ : Số 45, Đ10, KP 1, P. Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại : 0918.598.761

Mã số thuế : 3700963717

Tài khoản số : 46880109

Ngân hàng : ACB CN Bình Dương

### ĐẠI DIỆN BÊN B: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART

Đại diện : Ông Nguyễn Quốc Anh Chức vụ : **Giám đốc**

Địa chỉ : 1111/ 1A, Đường số 8, phường 11 quận Gò Vấp, TP. HCM.

Điện thoại: : 08.62730418

Mã số thuế : 0305711230

Tài khoản số : 6400.2010.17613 tại ngân hàng Aribank chi nhánh Gia Định

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với những điều khoản sau:

### **ĐIỀU 1 : NỘI DUNG CÔNG VIỆC**

Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận thi công cho dự án “Thi công xây dựng hạ tầng, nhà xưởng” tại số lô 48, 60, 61, 62 cụm a3, khu công nghiệp Đồng Xoài, tp. Đồng xoài, tỉnh Bình Phước với Tổng giá trị tạm tính của hợp đồng: **88.434.429.586 VND.**

Bằng chữ : Tám mươi tám tỷ, bốn trăm ba mươi bốn triệu, bốn trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm tám sáu đồng.

Cơ cấu chi tiết về đơn giá và Giá trị Hợp Đồng được quy định tại “**Bảng phụ lục chi tiết giá hợp đồng**” đính kèm Hợp Đồng này;

Giá trên là giá đã bao gồm thuế VAT 10%, toàn bộ chi phí vật tư, nhân công, máy móc để hoàn thành hạng mục. Giá hợp đồng theo đơn giá cố định, nghiệm thu theo khối lượng thực tế thi công được Chủ đầu tư và Tư vấn giám sát nghiệm thu.

Bên B thực hiện việc thi công xây dựng công trình theo đúng bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận), yêu cầu kỹ thuật của công trình, Biện pháp thi công được Bên A chấp thuận và đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thỏa

### **ĐIỀU 2: THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN.**

- Thời gian hoàn thành toàn bộ công việc là 300 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
- Thời gian trên gồm cả các ngày lễ và chủ nhật;

### **ĐIỀU 3: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.**

#### **3.1. Tạm ứng**

Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 10% giá trị Hợp Đồng (giá trị trước thuế) trong vòng 05 ngày kể từ ngày Bên B tập kết vật tư, thiết bị, công nhân về công trường.

Tiền tạm ứng sẽ được khấu trừ vào các đợt thanh toán, và sẽ được khấu trừ toàn bộ khi Bên B thực hiện 80% giá trị hoàn thành theo Hợp Đồng.

#### **3.2. Thanh toán**

Thanh toán hàng tháng theo kế hoạch dự chi (xem chi tiết ở trách nhiệm Bên B) và tương ứng với khối lượng tối thiểu đạt 20% tổng giá trị hợp đồng cho mỗi lần thanh toán. Sau khi nhận được hồ sơ thanh toán đã được tư vấn giám sát nghiệm thu và được Ban chỉ huy công trường Bên A xác nhận, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B lên đến 85% tổng giá trị nghiệm thu mỗi đợt (đã bao gồm lũy kế tạm ứng).

Bên A sẽ chuyển khoản cho Bên B sau ngày 15 nếu hồ sơ thanh toán của Bên B trình trước ngày 5 hàng tháng và chuyển khoản sau ngày 30 nếu Bên B trình hồ sơ trước ngày 20 (nhưng sau ngày 5) hàng tháng.

Hồ sơ thanh toán 04 bộ gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán;
- Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán theo mẫu Bên A;



- Bảng xác nhận khối lượng đã thực hiện tại công trường và được Bên A xác nhận;
- Hóa đơn giá trị gia tăng.
- Hồ sơ nghiệm thu được Tư vấn giám sát ký nghiệm thu đầy đủ

### 3.3. Quyết toán

Sau khi nghiệm thu hoàn thành, bàn giao công trình đưa vào sử dụng, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B lên đến 95% tổng giá trị thực hiện (đã bao gồm lũy kế tạm ứng và thanh toán).

Hồ sơ quyết toán 04 bộ gồm:

- Giấy đề nghị quyết toán;
- Bảng tính giá trị đề nghị quyết toán theo mẫu của Bên A;
- Bảng xác nhận khối lượng quyết toán được BCH công trường xác nhận;
- Bảng đối chiếu công nợ;
- Hóa đơn giá trị gia tăng.

5% giá trị bảo hành sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B ngay sau khi bên B phát hành chứng thư bảo lãnh bảo hành công trình 12 tháng kể từ ngày Công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

## ĐIỀU 5: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện có thể xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, lũ lụt, sóng thần, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh...và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam;
- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng; Tuy nhiên, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải: tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa do sự kiện bất khả kháng gây ra; Thông báo cho bên kia sự kiện bất khả kháng gây ra; Trong trường hợp đặc biệt việc thông báo cho bên kia biết chậm nhất là trong vòng 07 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng;
- Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được theo hợp đồng của mình.

## ĐIỀU 6: TẠM DỪNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

### 1. Tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng: do lỗi của bên giao thầu hoặc bên nhận thầu gây ra, các trường hợp bất khả kháng, các trường hợp khác do hai bên thoả thuận;

- Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết;
- Trong trường hợp bên tạm dừng không thông báo dẫn đến sự thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại;
- Thời gian và mức đền bù thiệt hại do hai bên thỏa thuận để khắc phục.
- Bên A không thanh toán cho Bên B theo qui định tại điều 5 của hợp đồng.

## 2. Chấm dứt hợp đồng:

- Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu nhà thầu:
  - + Bỏ dở công trình hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;
  - + Không có lý do chính đáng mà lại không tiếp tục thi công xây dựng công trình;
  - + Cho thầu phụ toàn bộ công trình hoặc chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư;
  - + Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản;

## 3. Thông báo sửa chữa:

- Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, chủ đầu tư có thể ra thông báo yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai hỏng trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể.

## 4. Xác định giá vào ngày chấm dứt hợp đồng:

- Ngay khi thông báo chấm dứt hợp đồng có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ xác định giá trị của công trình, hàng hóa và tài liệu của nhà thầu và các khoản tiền phải thanh toán cho nhà thầu cho các công việc được thực hiện theo đúng Hợp đồng.

## 5. Thanh toán sau khi chấm dứt hợp đồng:

Sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng có hiệu lực, Chủ đầu tư có thể:

- Không thanh toán thêm cho nhà thầu cho đến khi chi phí thi công, hoàn thành và sửa chữa các sai sót và hư hỏng do chậm trễ trong hoàn thành và các chi phí khác mà Chủ đầu tư chịu đã được thiết lập;
- Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng để bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do việc chấm dứt hợp đồng gây ra. Trong trường hợp giá trị thiệt hại do nhà thầu gây ra lớn hơn giá trị bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì nhà thầu phải thanh toán phần giá trị lớn hơn này cho Chủ đầu tư. Giá trị thiệt hại này được thẩm định bởi đơn vị thẩm định giá xây dựng độc lập; trong trường hợp này Chủ đầu tư không có nghĩa vụ phải thanh toán các phần khối lượng thi công dở dang cho nhà thầu.

## ĐIỀU 7: TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN

### 1. Trách nhiệm Bên A:

- Có trách nhiệm hoàn thành hồ sơ pháp lý liên quan đến đất đai và thủ tục xây dựng theo quy định hiện hành.



- Bàn giao mặt bằng thi công theo đúng tiến độ.
- Cử cán bộ kỹ thuật giám sát thường xuyên có mặt để giám sát công trình và giải quyết các vấn đề liên quan trong suốt thời gian làm việc của Nhà thầu và trình duyệt hồ sơ;
- Tổ chức nghiệm thu các công việc do Bên B thực hiện theo qui định hiện hành. Khi có thông báo của Bên B về việc nghiệm thu, sau 24h Bên A có trách nhiệm cử cán bộ đến hiện trường tham dự;
- Tạm ứng và thanh quyết toán hợp đồng và phụ lục hợp đồng (nếu có) đúng thời hạn đã quy định;
- Liên hệ các cơ quan chức năng có liên quan, cùng với Bên B giải quyết kịp thời các vướng mắc trong quá trình thực hiện thi công công trình;
- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để Bên B thi công đảm bảo chất lượng và theo đúng tiến độ;
- Cùng với Bên B khảo sát mặt bằng công trình để phối hợp trong việc tập kết vật tư và thiết bị đến công trình;
- Bên A có quyền đề nghị (bằng văn bản) về việc thay đổi nhân sự trên công trường nếu xét thấy nhân sự của Bên B không có đủ năng lực, cũng như tinh thần trách nhiệm để xây dựng công trình hoàn thành;

**2. Trách nhiệm Bên B:**

- Tổ chức thi công các công việc được giao nhận thầu đảm bảo chất lượng, kỹ - mỹ thuật công trình, đúng tiến độ thi công;
- Thi công theo đúng tinh thần của hợp đồng, thiết kế bản vẽ thi công đã được duyệt và đúng tiêu chí kỹ thuật, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành;
- Chịu mọi trách nhiệm về sản phẩm do đơn vị mình làm ra, tính chính xác của sản phẩm và chất lượng sản phẩm; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng công trình đã thi công;
- Chỉ đạo và giám sát đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trên công trường trong quá trình thi công; Khi xảy ra tai nạn lao động, tai nạn giao thông do chính sự tổ chức và điều hành của Bên B gây ra, đương nhiên Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm với cơ quan quản lý Nhà nước và chịu trách nhiệm giải quyết mọi hậu quả;
- Chịu trách nhiệm đảm bảo vệ sinh (trong và ngoài công trình), phòng cháy chữa cháy, trật tự an ninh tại công trường và khu vực xung quanh công trường trong suốt quá trình thi công.
- Nhà thầu không được thay đổi Chỉ huy trưởng nếu chưa được sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư;
- Lập bảng tiến độ thi công trình Bên A chấp thuận để làm căn cứ giám sát tiến độ thực hiện hợp đồng (có xác nhận của Ban Giám đốc Cty Bên B);
- Cung cấp vật tư đúng thương hiệu, quy cách và chất lượng đã quy định; cung cấp kết quả thí nghiệm vật liệu kịp thời cho các bên liên quan (nếu có);

- Lập hồ sơ nghiệm thu, lập bản vẽ hoàn công theo đúng thực tế thi công tại công trình;
- Cử cán bộ kỹ thuật nhận mặt bằng, mốc cao độ, mốc tọa độ và quản lý, kiểm tra lại so với hồ sơ thiết kế trước khi thi công; Nếu phát hiện các vấn đề bất hợp lý thì báo ngay cho Chủ đầu tư để phối hợp xử lý;
- Chịu trách nhiệm giải quyết và đền bù các hư hỏng, thiệt hại do việc thi công của Bên B gây ra cho các hạng mục, công trình kế cận;
- Cần dự phòng cho tất cả các chi phí để tuân thủ tất cả các quy định về vấn đề an toàn, sức khoẻ liên quan đến những người được thuê làm việc ở Công trường. Tất cả mọi người được thuê làm việc ở Công trường và mọi người đến thăm viếng Công trường, không có ngoại lệ, đều phải được cấp mũ bảo hộ để đội trong thời gian ở công trường;
- Cần tổ chức hàng rào và biển báo cho công trình nhằm đảm bảo tốt mỹ quan, an ninh và vật tư ra vào công trường;
- Cần bảo vệ an toàn cho công trình, vật tư cũng như máy móc thiết bị không bị hư hại hoặc trộm cắp, bao gồm toàn bộ các việc canh gác và hệ thống chiếu sáng cần thiết đối với vấn đề an ninh của Công trình và bảo vệ người dân.
- Khi hoàn thành Công trình và trước khi nghiệm thu bàn giao, Nhà thầu phải tháo dỡ và di dời khỏi công trường toàn bộ các máy móc thiết bị, công trình và cơ sở vật chất tạm, các vật tư còn thừa cũng như rác rưởi và hoàn thiện tất cả các công trình bị xáo trộn, hư hại trong quá trình thi công;

#### **ĐIỀU 8: NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH**

- Bên B có trách nhiệm lập hồ sơ nghiệm thu công việc, giai đoạn, bộ phận công trình và hoàn thành đưa công trình vào sử dụng theo đúng quy định hiện hành;
- Bên B phải tiến hành nghiệm thu và lập hồ sơ nghiệm thu nội bộ cho tất cả các công việc xây dựng, bộ phận xây dựng và giai đoạn thi công xây dựng trước khi đề nghị Bên A nghiệm thu;
- Khối lượng thực tế thi công dựa trên cơ sở bản vẽ được hai bên thông nhất ký tên và đóng dấu kèm theo bảng khối lượng đi kèm với hợp đồng;
- Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính trung thực và chuẩn xác của bộ hồ sơ nghiệm thu

#### **ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- Hai Bên A và B có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng này, không bên nào tự ý đơn phương hủy bỏ hợp đồng, trong trường hợp bên nào đơn phương hủy bỏ hợp đồng thì sẽ bồi thường hợp đồng 20% tổng giá trị hợp đồng.
- Những bổ sung, điều chỉnh hợp đồng khi cần thiết phải được sự đồng ý của cả hai bên bằng biên bản hoặc phụ lục hợp đồng;
- Phụ lục hợp đồng kèm theo (nếu có) là thành phần không thể tách rời của hợp đồng này;
- Nếu có những khó khăn trở ngại hoặc phát sinh phải sửa đổi bổ sung hợp đồng thì hai bên bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi.



- Mọi tranh chấp phải được giải quyết theo những quy định tại “Điều khoản Tranh chấp và giải quyết tranh chấp” của hợp đồng;
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị ngang nhau, Bên A giữ 02 bản và Bên B giữ 02 bản.



**BÙI TRƯỜNG BIÊN**



**NGUYỄN QUỐC ANH**

## BẢNG PHỤ LỤC CHI TIẾT GIÁ HỢP ĐỒNG

Công trình: Thi công xây dựng hạ tầng, nhà xưởng

Địa điểm: Số lô 48, 60,61,62 cụm A3, Khu công nghiệp Đồng Xoài, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Hạng mục: Thi công xây dựng phần hạ tầng

STT	TÊN CÔNG VIỆC	Đơn vị	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	Ghi chú
<b>I</b>	<b>SAN LẤP</b>				<b>1.528.378.992</b>	
1	Đào đất công trình bằng máy đào <= 0,8 m3 đến cao độ thiết kế. ( Nền xường: -0.45m, nền đường: -0.82m)	100m3	346,571	1.680.000	582.239.616	
2	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 12 tấn trong phạm vi <= 500m, đất cấp II	100m3	346,571	2.730.000	946.139.376	
3	Đắp đất nền đường, nền xường (Bao gồm ở công tác san gạt, tạo phẳng)		-		-	
<b>II</b>	<b>PHẦN NỀN - XƯƠNG 1</b>		<b>0</b>		<b>9.674.049.696</b>	
1	Đá 0x4 nền xường dày 300mm đầm chặt k=0,95	100m3	178,024	50.040.000	8.908.320.960	
2	Đá 0x4 nền ram dốc dày 300mm đầm chặt k=0,95	100m3	3,512	50.040.000	175.740.480	
3	San gạt tạo phẳng nền hạ theo cao độ thiết kế, lu lên nền hạ đạt K=0,93	m2	60.511,616	9.750	589.988.256	
<b>III</b>	<b>PHẦN NỀN - XƯƠNG 2</b>		<b>0</b>		<b>9.674.049.696</b>	
1	Đá 0x4 nền xường dày 300mm đầm chặt k=0,95	100m3	178,024	50.040.000	8.908.320.960	
2	Đá 0x4 nền ram dốc dày 300mm đầm chặt k=0,95	100m3	3,512	50.040.000	175.740.480	
3	San gạt tạo phẳng nền hạ theo cao độ thiết kế, lu lên nền hạ đạt K=0,93	m2	60.511,616	9.750	589.988.256	
<b>III</b>	<b>SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ</b>		<b>0</b>		<b>39.439.583.821</b>	
	<b>PHẦN SÂN ĐƯỜNG</b>		-		-	
1	Làm móng cấp phối đá 0x4 lớp dưới, dày 300, lu lên đầm chặt k>=0,95 (Không bao gồm vỉa hè và phần đầu nối)	100m3	183,392	56.000.000	10.269.931.392	
2	Làm móng cấp phối đá 0x4 lớp trên, dày 200, k>=0,98	100m3	122,264	56.000.000	6.846.784.000	
3	San gạt tạo phẳng nền hạ theo cao độ thiết kế, lu lên nền đường đạt K=0,93 (Không bao gồm phần đường đầu nối)	m2	61.303,328	9.750	597.707.448	
	<b>CÔNG TÁC BỐ VÌA</b>		-		-	
4	Bê tông lót đá 1x2, M150, dày 100	m3	396,608	1.800.000	713.894.400	
5	Bê tông bó vỉa đá 1x2, M200	m3	1.195,831	2.100.000	2.511.245.352	
6	SXLD Ván khuôn gỗ bê tông lót bó vỉa	100m2	12,200	22.000.000	268.400.000	
7	SXLD Ván khuôn gỗ bê tông bó vỉa	100m2	72,412	24.000.000	1.737.878.400	
	<b>PHẦN VÌA HÈ</b>		-		-	
8	Đắp nền vỉa hè, đầm chặt K=0,9 ( sử dụng đất hiện hữu)	m3	2.399,176	75.000	179.938.200	
8a	Đắp đất nền vỉa hè	m3	2.399,176	55.000	131.954.680	
8b	Đầm đất nền vỉa hè bằng đầm bàn, K=0,9	m2	6.664,384	35.000	233.253.440	
9	Đầm đá nền vỉa hè bằng đầm cóc, đầm bàn	100m3	9,996	7.560.000	75.573.389	
10	Đổ bê tông vỉa hè dày 7cm	m3	466,507	1.800.000	839.712.384	
11	Xoa mặt, lăn gạt.	m2	6.664,384	25.000	166.609.600	
12	Cắt ron bê tông chống nứt, khoảng cách 2m	m	3.008,000	15.000	45.120.000	
	<b>PHẦN ĐƯỜNG ĐẦU NỐI</b>		-		-	
13	Đầm nền bằng đầm cóc, đầm bàn	m2	2.381,944	35.000	83.368.040	
14	Đầm nền đá 4x6, 0x4 bằng đầm bàn, đầm cóc	100m3	4,764	62.000.000	295.361.056	
15	Trải hạc nilon mặt đường	m2	2.381,944	4.000	9.527.776	
16	SXLD Ván khuôn đường đầu nối	100m2	1,412	24.000.000	33.897.600	
17	SXLD cốt thép đầu nối đường giao thông vào KCN đường kính <=18mm	Kg	90.208,984	21.000	1.894.388.664	



STT	TÊN CÔNG VIỆC	Đơn vị	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	Ghi chú
18	Bê tông nền đường đầu nổi	m3	595,478	21.000.000	12.505.038.000	
<b>IV</b>	<b>THOÁT NƯỚC MƯA TỔNG THỂ (PHẦN XÂY DỰNG)</b>		<b>0</b>		<b>19.008.243.382</b>	
	<b>CÔNG BTCT D400</b>					
1	Đào đất đặt cống D400 bằng máy đào <=0,8m3, đất cấp 2	100m3	76,360	5.500.000	419.980.000	
2	Đắp cát móng đường ống D400, đầm chặt >=0.9	100m3	30,832	3.500.000	107.912.000	
3	Đắp đất công trình bằng đầm cóc Độ chặt yêu cầu K=0,90	100m3	32,432	3.500.000	113.512.000	
4	Vận chuyển đất đường ống D400, bằng ôtô tự đổ 5 tấn trong phạm vi <= 1000m Đất cấp 2	100m3	43,928	1.500.000	65.892.000	
5	Bê tông lót gối cống D400 H10, đá 1x2 Mác 150	m3	126,144	2.100.000	264.902.400	
6	Cung cấp và lắp đặt ống BTCT D400 H10	m	3.936,000	475.000	1.869.600.000	
7	Cung cấp và lắp đặt ống BTCT D400 H30	m	640,000	495.000	316.800.000	
8	Lắp đặt gối đỡ cống D400 H10 (bao gồm joint cao su cống)	Cái	3.456,000	95.000	328.320.000	
8b	Nhân công đổ bê tông gối cống D400 (Bao gồm vật tư ván khuôn)	Cái	3.456,000	70.000	241.920.000	
9	Bê tông lót móng cống D400 qua đường, đá 1x2 Mác 150	m3	46,720	1.800.000	84.096.000	
10	Bê tông móng cống D400, đá 1x2, M200 vị trí cống qua đường	m3	49,920	2.100.000	104.832.000	
11	SXLD Ván khuôn gỗ bê tông móng cống D400, vị trí cống qua đường	100m2	2,560	21.000.000	53.760.000	
12	Bê tông tấm bê tông gia cường D400, đá 1x2, M200 vị trí cống qua đường	m3	107,712	2.100.000	226.195.200	
13	SXLD Cốt thép bê tông tấm bê tông gia cường D400, đường kính d<=10mm	tấn	5,664	21.000.000	118.944.000	
14	SXLD Ván khuôn gỗ tấm bê tông gia cường D400	100m2	4,328	21.000.000	90.888.000	
14b	Nhân công gia công lắp đặt tấm đan bằng đường cống 400 kích thước 850x1200 (bao gồm vật tư ván khuôn)	Tấm	704,000	110.000	77.440.000	
	<b>CÔNG BTCT D600</b>					
15	Đào đất đặt cống D600 bằng máy đào <=0,8m3, đất cấp 2	100m3	66,688	5.500.000	366.784.000	
16	Đắp cát móng đường ống D600, đầm chặt >=0.9	100m3	33,888	3.500.000	118.608.000	
17	Đắp đất công trình bằng đầm cóc Độ chặt yêu cầu K=0,90	100m3	12,824	3.500.000	44.884.000	
18	Vận chuyển đất đường ống D600, bằng ôtô tự đổ 5 tấn trong phạm vi <= 1000m Đất cấp 2	100m3	53,864	1.500.000	80.796.000	
19	Bê tông lót gối cống D600, đá 1x2 Mác 150	m3	136,504	2.100.000	286.658.400	
20	Cung cấp và Lắp đặt Ống BTCT D600 H10	m	3.459,600	650.000	2.248.740.000	
21	Cung cấp và Lắp đặt Ống BTCT D600 H30	m	428,800	670.000	287.296.000	
22	Lắp đặt gối đỡ cống D600 H10 (bao gồm joint cao su cống)	Cái	3.000,000	50.400	151.200.000	
22b	Nhân công đổ bê tông gối cống D600 (Bao gồm vật tư ván khuôn)	Cái	3.000,000	80.000	240.000.000	
23	Bê tông lót móng cống D600 qua đường, đá 1x2 Mác 150	m3	39,024	2.100.000	81.950.400	
24	Bê tông móng cống D600, đá 1x2, M200 vị trí cống qua đường	m3	51,888	2.100.000	108.964.800	
25	SXLD Ván khuôn gỗ bê tông móng cống D600, vị trí cống qua đường	100m2	1,888	21.000.000	39.648.000	
26	Bê tông tấm bê tông gia cường, đá 1x2, M200 vị trí cống D600 qua đường	m3	79,200	2.100.000	166.320.000	
27	SXLD Cốt thép bê tông tấm bê tông gia cường D600, đường kính d<=10mm	tấn	4,032	21.000.000	84.672.000	
28	SXLD Ván khuôn gỗ tấm bê tông gia cường D600	100m2	2,904	22.000.000	63.888.000	

112  
 CG  
 EM  
 QU  
 QP  
 STA  
 HC

36  
 35  
 34  
 33  
 32  
 31  
 30  
 29  
 28  
 27  
 26  
 25  
 24  
 23  
 22  
 21  
 20  
 19  
 18  
 17  
 16  
 15  
 14  
 13  
 12  
 11  
 10  
 9  
 8  
 7  
 6  
 5  
 4  
 3  
 2  
 1  
 0

STT	TÊN CÔNG VIỆC	Đơn vị	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	Ghi chú
28b	Nhân công gia công lắp đặt tấm đan bằng đường cống 600 kích thước 1000x1200 (bao gồm vật tư ván khuôn)	Tấm	440,000	135,000	59,400,000	
	<b>HỒ GA THOÁT NƯỚC MƯA NGOÀI ĐƯỜNG</b>		-		-	
29	Cung cấp và lắp đặt Hồ ga thoát nước mưa kích thước lọt lòng 800x800) + nắp (bao viền V thép dày 4 ly) - Loại nằm trên mặt đường	Cái	48,000	5,040,000	241,920,000	
30	Cung cấp và lắp đặt Nắp hồ ga có lỗ thu nước ngoài nhà bằng thép theo thiết kế	Cái	48,000	1,500,000	72,000,000	
	<b>HỒ GA THOÁT NƯỚC MƯA TRÊN VÍA HÈ</b>		-		-	
31	Cung cấp và lắp đặt Hồ ga thoát nước mưa kích thước lọt lòng 800x800) + nắp (bao viền V thép dày 4 ly) - Loại có lỗ thu	Cái	288,000	5,040,000	1,451,520,000	
32	Cung cấp và lắp đặt lưới chắn rác kích thước 700x300mm	Cái	288,000	1,500,000	432,000,000	
	<b>HỒ GA KIỂM TRA NƯỚC MƯA</b>		-		-	
33	Cung cấp và lắp đặt Hồ Kiểm tra kích thước 1200*1750 theo thiết kế	Cái	16,000	16,000,000	256,000,000	
33b	Dực bê tông HG KCN đầu nối nước mưa	Cái	16,000	1,500,000	24,000,000	
	<b>MƯƠNG CẤP BẰNG ĐƯỜNG</b>		-		-	
34	Đào mương cấp bằng đường bằng máy đào, đất cấp 2	100m <sup>3</sup>	4,672	1,680,000	7,848,960	
35	Đắp đất mương cấp bằng đường bằng đầm cóc Độ chặt yêu cầu K=0,90	100m <sup>3</sup>	3,896	2,100,000	8,181,600	
36	Vận chuyển đất dư mương cấp bằng đường bằng ôtô tải trọng 5 tấn trong phạm vi <= 1000m Đất cấp 2	100m <sup>3</sup>	0,784	2,730,000	2,140,320	
37	Cung cấp và Lắp đặt Ống BTCT D800 H30	m	160,000	850,000	136,000,000	
38	Lắp đặt gối đỡ cống D800 H30, bao gồm joint cao su cống	Cái	120,000	50,400	6,048,000	
38b	Nhân công đổ bê tông gối cống D800 (Bao gồm vật tư ván khuôn)	Cái	120,000	80,000	9,600,000	
39	Bê tông lót đáy cống, gối cống, bê tông đá 1x2, mác M150	m <sup>3</sup>	23,960	1,800,000	43,128,000	
40	Bê tông móng cống, bê tông đá 1x2 mác M200	m <sup>3</sup>	15,968	2,100,000	33,532,800	
41	SXLD, tháo dỡ ván khuôn bê tông lót, móng cống	100m <sup>2</sup>	0,952	21,000,000	19,992,000	
42	Bê tông tấm bê tông gia cường, đá 1x2, M200 vị trí cống D600 qua đường	m <sup>3</sup>	35,280	2,100,000	74,088,000	
43	SXLD Cốt thép bê tông tấm bê tông gia cường D600, đường kính <=10mm	Kg	1,729,344	21,000	36,316,224	
44	SXLD Ván khuôn gỗ tấm bê tông gia cường D600	100m <sup>2</sup>	1,208	21,000,000	25,368,000	
44b	Nhân công gia công lắp đặt tấm đan bằng đường cống 800 kích thước 1000x1400 (bao gồm vật tư ván khuôn)	Tấm	168,000	135,000	22,680,000	
45	Đắp cát cống theo thiết kế	100m <sup>3</sup>	3,896		-	
46	Cung cấp và lắp đặt Hồ ga cấp ngầm kích thước lọt lòng 1000x1000*2500) + nắp (bao viền V thép dày 4 ly)	Cái	24,000	9,500,000	228,000,000	
	<b>MƯƠNG GIA CƯỜNG ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA NƯỚC THẢI (PHÁT SINH VỚI CĐT)</b>		-		-	
47	Đào đất mương gia cường đường ống thoát nước mưa, nước thải	100m <sup>3</sup>	3,929	1,680,000	6,601,271	
48	Vận chuyển đất đi đổ	100m <sup>3</sup>	3,930	2,730,000	10,727,808	
49	Lắp dựng cốt thép thành mương, nắp mương gia cường ống thoát nước mưa, nước thải	kg	26,273,112	4,000	105,092,447	
50	Ván khuôn mương gia cường ống thoát nước mưa, nước thải	100m <sup>2</sup>	15,078	21,000,000	316,639,680	



33057  
CÔNG TY  
THƯƠNG MẠI  
DỊCH VỤ  
XUẤT NHẬP KHẨU  
NEWSTART  
TP - HCM



STT	TÊN CÔNG VIỆC	Đơn vị	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	Ghi chú
51	Bê tông móng gia cường ống thoát nước mưa, nước thải	m3	306,487	21.000.000	6.436.235.400	
52	Phủ bạt nilon (bao gồm nhân công, vật tư)	m2	655,334	6.500	4.259.672	
53	Đắp cát đường công	m3	464,000	180.000	83.520.000	
<b>IV</b>	<b>THOÁT NƯỚC THẢI NGOÀI TỔNG THỂ (2 XƯỞNG)</b>		<b>0</b>		<b>1.070.630.400</b>	
	<b>Tổng thể</b>					
1	Cung cấp và lắp đặt Ống HDPE DN250, PN10	100 Mét	1,920	31.000.000	59.520.000	
2	Cung cấp và lắp đặt Ống HDPE DN200, PN10	100 Mét	1,920	29.000.000	55.680.000	
3	Cung cấp và lắp đặt Ống HDPE DN150 PN10	100 Mét	1,280	27.000.000	34.560.000	
4	Hố ga chuyển tiếp thoát nước thải bê tông cốt thép (1,0mx1,0m)	Cái	16,000	8.000.000	128.000.000	
5	Tấm đan bê tông tán lực dài 1200mm dày 150mm (đan giảm tải bảo vệ đường ống)	Cái	424,000	110.000	46.640.000	
6	Đào đất và lấp đất	M3	119,808	75.000	8.985.600	
7	Đắp cát đường ống theo thiết kế	M3	92,160	180.000	16.588.800	
	<b>Xưởng 1 + Xưởng 2</b>					
8	Hố ga thoát nước thải bê tông cốt thép (KT: 1,0mx1,0m)	Cái	80,000	4.000.000	320.000.000	
9	Hố ga kiểm tra nước thải xây gạch từ bể tự hoại ra, KT: (0,6x0,6)m	Cái	96,000	1.350.000	129.600.000	
10	Hố ga thoát nước thải bê tông cốt thép nằm trên lòng đường, bao gồm nắp gang chịu lực (0,85mx0,85mx0,1m); loại chịu tải 400kN	Cái	48,000	4.000.000	192.000.000	
11	Cung cấp và lắp đặt Ống HDPE DN150 PN10	100 Mét	2,928	27.000.000	79.056.000	
	<b>TỔNG CỘNG TRƯỚC THUẾ</b>				<b>80.394.935.987</b>	
	<b>THUẾ VAT</b>				<b>8.039.493.599</b>	
	<b>TỔNG CỘNG SAU THUẾ</b>				<b>88.434.429.586</b>	

Bình Dương, ngày tháng năm 2021



*Handwritten signature in red ink.*

GD. Nguyễn Quốc Anh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

----oOo----

TP. ĐX, Ngày 12 tháng 01 năm 2022

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU  
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

Công trình : Thi công Xây dựng Hạ tầng ,Nhà Xưởng

Địa điểm : Số lô 48,60,61,62 cụm A3, Khu công nghiệp Đồng Xoài, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.



1. Đối tượng nghiệm thu : Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu :

a) Đại diện bên A : Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Phúc Biên

+ Bà: Lê Thị Quyên

Chức vụ : P. Giám đốc

+ Ông : Mai Văn Hoàn

Chức vụ : Giám đốc dự án

b) Đại diện bên B: Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Newstart.

+ Ông : Nguyễn Quốc Anh

Chức vụ : Giám Đốc

+ Ông : Nguyễn Văn Kha

Chức vụ : Chủ thầu

3. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu : 8 giờ 00 phút, ngày 12 tháng 01 năm 2022

Kết thúc : 11 giờ 00 phút, ngày 12 tháng 01 năm 2022

Tại công trình



4. Đánh giá công việc xây dựng đã thực hiện:

a/ Tài liệu, căn cứ nghiệm thu :

- Hợp đồng thi công : 03/2021 PB - NEWSTART.
- Quy trình kiểm tra, nghiệm thu được thống nhất giữa chủ đầu tư và các bên có liên quan;
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận;
- Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng;
- Biên bản nghiệm thu công việc, Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu xây dựng có liên quan;
- Nhật ký thi công và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;

b/ Chất lượng công việc xây dựng : Đạt yêu cầu

5. Các ý kiến khác:

.....  
.....

Không



**6 . Kết luận:**

Đồng ý nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng

**7. Các thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:**

**ĐD BÊN A**  
**P. Giám đốc**  


**Lê Thị Quyên**

  
**ĐD BÊN B**  
**Giám đốc**

**Nguyễn Quốc Anh**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----  
**BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG**  
**SỐ: 02 /BBTL**

- Công trình: Thi công Xây dựng Hạ tầng, Nhà Xưởng
- Địa điểm xây dựng: Số lô 48,60,61,62 cụm A3, Khu công nghiệp Đồng Xoài, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Căn cứ Hợp đồng số: 03/2021 PB - NEWSTART giữa Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Phúc Biên và Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Newstart về việc thi công xây dựng công trình “Thi công Xây dựng Hạ tầng Nhà Xưởng”.

- Căn cứ biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng hạng mục công trình “Thi công Xây dựng Hạ tầng Nhà Xưởng” ký ngày 12 tháng 01 năm 2022.
- Căn cứ Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng ký ngày 12 tháng 01 năm 2022.

Hôm nay, ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại văn phòng Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Phúc Biên, chúng tôi gồm:

**1/ Bên giao thầu (gọi tắt là bên A)**

- Tên đơn vị : Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Phúc Biên
- Địa chỉ : Số 45, Đ1, KP1, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Đại diện : Bà Lê Thị Quyên - Chức vụ: P. Giám đốc
- Điện thoại : 0918.598.761
- Số tài khoản : 46880109. Tại Ngân hàng ACB Chi nhánh Bình Dương
- Mã số thuế : 3700963717

**2/ Bên nhận thầu (gọi tắt là bên B)**

- Tên giao dịch: Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Newstart
- Địa chỉ : 1111/1 A, Đường 8, phường 11, Q. Gò Vấp, TP. HCM.
- Đại diện : Ông Nguyễn Quốc Anh - Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 08.62730418
- TK số: 6400.2010.17613 Tại Ngân Hàng Aribank chi nhánh Gia Định
- Mã số thuế: 0305711230

**Hai bên cùng thống nhất thanh lý Hợp đồng, với các nội dung sau:**

**1/ Nội dung công việc đã thực hiện:**

Bên B đã thực hiện xong công tác thi công xây dựng công trình “Thi công Xây dựng Hạ tầng ,Nhà Xưởng” do bên A giao.

**2/ Giá trị thanh lý:**





- + Giá trị hợp đồng (Giá trị sau thuế) : 88.434.429.586 đồng
- + Giá trị quyết toán (Giá trị sau thuế) : 88.434.429.586 đồng
- + Bên A đã thanh toán cho bên B : 88.434.429.586 đồng

**3/ Điều khoản chung:**

Hai bên A và B đồng ý thanh lý, chấm dứt các trách nhiệm và nghĩa vụ đối với Hợp đồng, phụ lục hợp đồng này.

Biên bản được lập thành 03 bản có giá trị như nhau, Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 01 bản.



**LÊ THỊ QUYÊN**



**NGUYỄN QUỐC ANH**







# HỢP ĐỒNG TIÊU BIỂU- 02

C.TY TNHH TM XD PHÚC BIÊN  
S ố : 02/2021 PB-NEWSTART

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

## HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Về việc : Thi công xây dựng hạ tầng, nhà xưởng



**CÔNG TRÌNH: THI CÔNG XÂY DỰNG HẠ TẦNG, NHÀ XƯỞNG**

**ĐỊA ĐIỂM: KCN PHƯỚC ĐÔNG, GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Căn cứ Luật Xây Dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Quốc hội;
- Căn cứ Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng
- Căn cứ Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Căn cứ Thông tư 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Hôm nay, ngày 30 tháng 3 năm 2021, Chúng tôi gồm các bên dưới đây:

**ĐẠI DIỆN BÊN A: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC BIÊN**

Người đại diện: Bùi Trường Biên

Chức vụ: **GIÁM ĐỐC**

Địa chỉ : Số 45, Đ10, KP 1, P. Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại : 0918.598.761

Mã số thuế : 3700963717

Tài khoản số : 46880109

Ngân hàng : ACB CN Bình Dương



**ĐẠI DIỆN BÊN B: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART**

Đại diện : Ông **Nguyễn Quốc Anh** Chức vụ : **Giám đốc**

Địa chỉ : 1111/ 1A, Đường số 8, phường 11 quận Gò Vấp, TP. HCM.

Điện thoại: : 08.62730418

Mã số thuế : 0305711230

Tài khoản số : 6400.2010.17613 tại ngân hàng Aribank chi nhánh Gia Định

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với những điều khoản sau:

### **ĐIỀU 1 : NỘI DUNG CÔNG VIỆC**

Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận thi công cho dự án “Thi công xây dựng hạ tầng, nhà xưởng” tại **Khu công nghiệp Phước Đông, Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh** với Tổng giá trị tạm tính của hợp đồng: **110,543,036,982 VND**.

Bằng chữ : Một trăm mười tỷ, năm trăm bốn mươi ba triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn, chín trăm tám hai đồng.

Cơ cấu chi tiết về đơn giá và Giá trị Hợp Đồng được quy định tại “**Bảng phụ lục chi tiết giá hợp đồng**” đính kèm Hợp Đồng này;

Giá trên là giá đã bao gồm thuế VAT 10%, toàn bộ chi phí vật tư, nhân công, máy móc để hoàn thành hạng mục. Giá hợp đồng theo đơn giá cố định, nghiệm thu theo khối lượng thực tế thi công được Chủ đầu tư và Tư vấn giám sát nghiệm thu.

Bên B thực hiện việc thi công xây dựng công trình theo đúng bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận), yêu cầu kỹ thuật của công trình, Biện pháp thi công được Bên A chấp thuận và đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thỏa

### **ĐIỀU 2: THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN.**

- Thời gian hoàn thành toàn bộ công việc là 300 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
- Thời gian trên gồm cả các ngày lễ và chủ nhật;

### **ĐIỀU 3: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.**

#### **3.1. Tạm ứng**

Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 10% giá trị Hợp Đồng (giá trị trước thuế) trong vòng 05 ngày kể từ ngày Bên B tập kết vật tư, thiết bị, công nhân về công trường.

Tiền tạm ứng sẽ được khấu trừ vào các đợt thanh toán, và sẽ được khấu trừ toàn bộ khi Bên B thực hiện 80% giá trị hoàn thành theo Hợp Đồng.

#### **3.2. Thanh toán**

Thanh toán hàng tháng theo kế hoạch dự chi (xem chi tiết ở trách nhiệm Bên B) và tương ứng với khối lượng tối thiểu đạt 20% tổng giá trị hợp đồng cho mỗi lần thanh toán. Sau khi nhận được hồ sơ thanh toán đã được tư vấn giám sát nghiệm thu và được Ban chỉ huy công trường Bên A xác nhận, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B lên đến 85% tổng giá trị nghiệm thu mỗi đợt (đã bao gồm lũy kế tạm ứng).

Bên A sẽ chuyển khoản cho Bên B sau ngày 15 nếu hồ sơ thanh toán của Bên B trình trước ngày 5 hàng tháng và chuyển khoản sau ngày 30 nếu Bên B trình hồ sơ trước ngày 20 (nhưng sau ngày 5) hàng tháng.

Hồ sơ thanh toán 04 bộ gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán;
- Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán theo mẫu Bên A;



- Bảng xác nhận khối lượng đã thực hiện tại công trường và được Bên A xác nhận;
- Hóa đơn giá trị gia tăng.
- Hồ sơ nghiệm thu được Tư vấn giám sát ký nghiệm thu đầy đủ

### 3.3. Quyết toán

Sau khi nghiệm thu hoàn thành, bàn giao công trình đưa vào sử dụng, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B lên đến 95% tổng giá trị thực hiện (đã bao gồm lũy kế tạm ứng và thanh toán).

Hồ sơ quyết toán 04 bộ gồm:

- Giấy đề nghị quyết toán;
- Bảng tính giá trị đề nghị quyết toán theo mẫu của Bên A;
- Bảng xác nhận khối lượng quyết toán được BCH công trường xác nhận;
- Bảng đối chiếu công nợ;
- Hóa đơn giá trị gia tăng.

5% giá trị bảo hành sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B ngay sau khi bên B phát hành chứng thư bảo lãnh bảo hành công trình 12 tháng kể từ ngày Công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

## ĐIỀU 5: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện có thể xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, lũ lụt, sóng thần, hoả hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh...và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam;
- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng; Tuy nhiên, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải: tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa do sự kiện bất khả kháng gây ra; Thông báo cho bên kia sự kiện bất khả kháng gây ra; Trong trường hợp đặc biệt việc thông báo cho bên kia biết chậm nhất là trong vòng 07 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng;
- Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được theo hợp đồng của mình.

## ĐIỀU 6: TẠM DỪNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

### 1. Tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng: do lỗi của bên giao thầu hoặc bên nhận thầu gây ra, các trường hợp bất khả kháng, các trường hợp khác do hai bên thoả thuận;

- Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết;
- Trong trường hợp bên tạm dừng không thông báo dẫn đến sự thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại;
- Thời gian và mức đền bù thiệt hại do hai bên thoả thuận để khắc phục.
- Bên A không thanh toán cho Bên B theo qui định tại điều 5 của hợp đồng.

## 2. Chấm dứt hợp đồng:

- Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu nhà thầu:
  - + Bỏ dở công trình hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;
  - + Không có lý do chính đáng mà lại không tiếp tục thi công xây dựng công trình;
  - + Cho thầu phụ toàn bộ công trình hoặc chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư;
  - + Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản;

## 3. Thông báo sửa chữa:

- Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, chủ đầu tư có thể ra thông báo yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai hỏng trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể.

## 4. Xác định giá vào ngày chấm dứt hợp đồng:

- Ngay khi thông báo chấm dứt hợp đồng có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ xác định giá trị của công trình, hàng hóa và tài liệu của nhà thầu và các khoản tiền phải thanh toán cho nhà thầu cho các công việc được thực hiện theo đúng Hợp đồng.

## 5. Thanh toán sau khi chấm dứt hợp đồng:

Sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng có hiệu lực, Chủ đầu tư có thể:

- Không thanh toán thêm cho nhà thầu cho đến khi chi phí thi công, hoàn thành và sửa chữa các sai sót và hư hỏng do chậm trễ trong hoàn thành và các chi phí khác mà Chủ đầu tư chịu đã được thiết lập;
- Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng để bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do việc chấm dứt hợp đồng gây ra. Trong trường hợp giá trị thiệt hại do nhà thầu gây ra lớn hơn giá trị bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì nhà thầu phải thanh toán phần giá trị lớn hơn này cho Chủ đầu tư. Giá trị thiệt hại này được thẩm định bởi đơn vị thẩm định giá xây dựng độc lập; trong trường hợp này Chủ đầu tư không có nghĩa vụ phải thanh toán các phần khối lượng thi công dở dang cho nhà thầu.

## ĐIỀU 7: TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN

### 1. Trách nhiệm Bên A:

- Có trách nhiệm hoàn thành hồ sơ pháp lý liên quan đến đất đai và thủ tục xây dựng theo quy định hiện hành.



- Bàn giao mặt bằng thi công theo đúng tiến độ.
- Cử cán bộ kỹ thuật giám sát thường xuyên có mặt để giám sát công trình và giải quyết các vấn đề liên quan trong suốt thời gian làm việc của Nhà thầu và trình duyệt hồ sơ;
- Tổ chức nghiệm thu các công việc do Bên B thực hiện theo qui định hiện hành. Khi có thông báo của Bên B về việc nghiệm thu, sau 24h Bên A có trách nhiệm cử cán bộ đến hiện trường tham dự;
- Tạm ứng và thanh quyết toán hợp đồng và phụ lục hợp đồng (nếu có) đúng thời hạn đã quy định;
- Liên hệ các cơ quan chức năng có liên quan, cùng với Bên B giải quyết kịp thời các vướng mắc trong quá trình thực hiện thi công công trình;
- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để Bên B thi công đảm bảo chất lượng và theo đúng tiến độ;
- Cùng với Bên B khảo sát mặt bằng công trình để phối hợp trong việc tập kết vật tư và thiết bị đến công trình;
- Bên A có quyền đề nghị (bằng văn bản) về việc thay đổi nhân sự trên công trường nếu xét thấy nhân sự của Bên B không có đủ năng lực, cũng như tinh thần trách nhiệm để xây dựng công trình hoàn thành;

**2. Trách nhiệm Bên B:**

- Tổ chức thi công các công việc được giao nhận thầu đảm bảo chất lượng, kỹ - mỹ thuật công trình, đúng tiến độ thi công;
- Thi công theo đúng tinh thần của hợp đồng, thiết kế bản vẽ thi công đã được duyệt và đúng tiêu chí kỹ thuật, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành;
- Chịu mọi trách nhiệm về sản phẩm do đơn vị mình làm ra, tính chính xác của sản phẩm và chất lượng sản phẩm; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng công trình đã thi công;
- Chỉ đạo và giám sát đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trên công trường trong quá trình thi công; Khi xảy ra tai nạn lao động, tai nạn giao thông do chính sự tổ chức và điều hành của Bên B gây ra, đương nhiên Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm với cơ quan quản lý Nhà nước và chịu trách nhiệm giải quyết mọi hậu quả;
- Chịu trách nhiệm đảm bảo vệ sinh (trong và ngoài công trình), phòng cháy chữa cháy, trật tự an ninh tại công trường và khu vực xung quanh công trường trong suốt quá trình thi công.
- Nhà thầu không được thay đổi Chỉ huy trưởng nếu chưa được sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư;
- Lập bảng tiến độ thi công trình Bên A chấp thuận để làm căn cứ giám sát tiến độ thực hiện hợp đồng (có xác nhận của Ban Giám đốc Cty Bên B);
- Cung cấp vật tư đúng thương hiệu, quy cách và chất lượng đã quy định; cung cấp kết quả thí nghiệm vật liệu kịp thời cho các bên liên quan (nếu có);

11.  
NG  
TẾM  
MẠI  
HẬP  
ST,  
P.H

- Lập hồ sơ nghiệm thu, lập bản vẽ hoàn công theo đúng thực tế thi công tại công trình;
- Cử cán bộ kỹ thuật nhận mặt bằng, mốc cao độ, mốc tọa độ và quản lý, kiểm tra lại so với hồ sơ thiết kế trước khi thi công; Nếu phát hiện các vấn đề bất hợp lý thì báo ngay cho Chủ đầu tư để phối hợp xử lý;
- Chịu trách nhiệm giải quyết và đền bù các hư hỏng, thiệt hại do việc thi công của Bên B gây ra cho các hạng mục, công trình kế cận;
- Cần dự phòng cho tất cả các chi phí để tuân thủ tất cả các quy định về vấn đề an toàn, sức khỏe liên quan đến những người được thuê làm việc ở Công trường. Tất cả mọi người được thuê làm việc ở Công trường và mọi người đến thăm viếng Công trường, không có ngoại lệ, đều phải được cấp mũ bảo hộ để đội trong thời gian ở công trường;
- Cần tổ chức hàng rào và biển báo cho công trình nhằm đảm bảo tốt mỹ quan, an ninh và vật tư ra vào công trường;
- Cần bảo vệ an toàn cho công trình, vật tư cũng như máy móc thiết bị không bị hư hại hoặc trộm cắp, bao gồm toàn bộ các việc canh gác và hệ thống chiếu sáng cần thiết đối với vấn đề an ninh của Công trình và bảo vệ người dân.
- Khi hoàn thành Công trình và trước khi nghiệm thu bàn giao, Nhà thầu phải tháo dỡ và di dời khỏi công trường toàn bộ các máy móc thiết bị, công trình và cơ sở vật chất tạm, các vật tư còn thừa cũng như rác rưởi và hoàn thiện tất cả các công trình bị xáo trộn, hư hại trong quá trình thi công;

#### **ĐIỀU 8: NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH**

- Bên B có trách nhiệm lập hồ sơ nghiệm thu công việc, giai đoạn, bộ phận công trình và hoàn thành đưa công trình vào sử dụng theo đúng quy định hiện hành;
- Bên B phải tiến hành nghiệm thu và lập hồ sơ nghiệm thu nội bộ cho tất cả các công việc xây dựng, bộ phận xây dựng và giai đoạn thi công xây dựng trước khi đề nghị Bên A nghiệm thu;
- Khối lượng thực tế thi công dựa trên cơ sở bản vẽ được hai bên thông nhất ký tên và đóng dấu kèm theo bảng khối lượng đi kèm với hợp đồng;
- Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính trung thực và chuẩn xác của bộ hồ sơ nghiệm thu

#### **ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- Hai Bên A và B có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng này, không bên nào tự ý đơn phương hủy bỏ hợp đồng, trong trường hợp bên nào đơn phương hủy bỏ hợp đồng thì sẽ bồi thường hợp đồng 20% tổng giá trị hợp đồng.
- Những bổ sung, điều chỉnh hợp đồng khi cần thiết phải được sự đồng ý của cả hai bên bằng biên bản hoặc phụ lục hợp đồng;
- Phụ lục hợp đồng kèm theo (nếu có) là thành phần không thể tách rời của hợp đồng này;
- Nếu có những khó khăn trở ngại hoặc phát sinh phải sửa đổi bổ sung hợp đồng thì hai bên bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi.



- Mọi tranh chấp phải được giải quyết theo những quy định tại “Điều khoản Tranh chấp và giải quyết tranh chấp” của hợp đồng;
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị ngang nhau, Bên A giữ 02 bản và Bên B giữ 02 bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
**GIÁM ĐỐC**



**BÙI TRƯỜNG BIÊN**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
**GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN QUỐC ANH**



## BẢNG PHỤ LỤC CHI TIẾT GIÁ HỢP ĐỒNG

Công trình: Thi công xây dựng hạ tầng, nhà xưởng

Địa điểm: Khu công nghiệp Phước Đông, Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

Hạng mục: Thi công xây dựng phần hạ tầng

STT	TÊN CÔNG VIỆC	Đơn vị	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	Ghi chú
<b>I</b>	<b>SAN LẤP</b>				<b>1.910.473.740</b>	
1	Đào đất công trình bằng máy đào <= 0,8 m3 đến cao độ thiết kế. ( Nền xưởng: -0.45m, nền đường: -0.82m)	100m3	433,214	1.680.000	727.799.520	
2	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 12 tấn trong phạm vi <= 500m, đất cấp II	100m3	433,214	2.730.000	1.182.674.220	
3	Đắp đất nền đường, nền xưởng (Bao gồm ở công tác san gạt, tạo phẳng).					
<b>II</b>	<b>PHẦN NỀN - XƯƠNG 1</b>				<b>12.092.562.120</b>	
1	Đá 0x4 nền xưởng dày 300mm đầm chặt k=0,95	100m3	222,530	50.040.000	11.135.401.200	
2	Đá 0x4 nền ram dốc dày 300mm đầm chặt k=0,95	100m3	4,390	50.040.000	219.675.600	
3	San gạt tạo phẳng nền hạ theo cao độ thiết kế, lu lên nền hạ đạt K=0,93	m2	75.639,520	9.750	737.485.320	
<b>III</b>	<b>PHẦN NỀN - XƯƠNG 2</b>				<b>12.092.562.120</b>	
1	Đá 0x4 nền xưởng dày 300mm đầm chặt k=0,95	100m3	222,530	50.040.000	11.135.401.200	
2	Đá 0x4 nền ram dốc dày 300mm đầm chặt k=0,95	100m3	4,390	50.040.000	219.675.600	
3	San gạt tạo phẳng nền hạ theo cao độ thiết kế, lu lên nền hạ đạt K=0,93	m2	75.639,520	9.750	737.485.320	
<b>III</b>	<b>SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ</b>				<b>49.299.479.776</b>	
	<b>PHẦN SÂN ĐƯỜNG</b>					
1	Làm móng cấp phối đá 0x4 lớp dưới, dày 300, lu lên đầm chặt k=0,95 (Không bao gồm vỉa hè và phần đầu nối)	100m3	229,240	56.000.000	12.837.414.240	
2	Làm móng cấp phối đá 0x4 lớp trên, dày 200, k=0,98	100m3	152,830	56.000.000	8.558.480.000	
3	San gạt tạo phẳng nền hạ theo cao độ thiết kế, lu lên nền đường đạt K=0,93 (Không bao gồm phần đường đầu nối)	m2	76.629,160	9.750	747.134.310	
	<b>CÔNG TÁC BÓ VÍA</b>					
4	Bê tông lót đá 1x2, M150, dày 100	m3	495,760	1.800.000	892.368.000	
5	Bê tông bó vỉa đá 1x2, M200	m3	1.494,789	2.100.000	3.139.056.690	
6	SXLD Ván khuôn gỗ bê tông lót bó vỉa	100m2	15,250	22.000.000	335.500.000	
7	SXLD Ván khuôn gỗ bê tông bó vỉa	100m2	90,515	24.000.000	2.172.348.000	
	<b>PHẦN VỈA HÈ</b>					
8	Đắp nền vỉa hè, đầm chặt K=0,9 ( sử dụng đất hiện hữu)	m3	2.998,970	75.000	224.922.750	
8a	Đắp đất nền vỉa hè	m3	2.998,970	55.000	164.943.350	
8b	Đầm đất nền vỉa hè bằng đầm bàn, K=0,9	m2	8.330,480	35.000	291.566.800	
9	Đầm đá nền vỉa hè bằng đầm cóc, đầm bàn	100m3	12,496	7.560.000	94.466.736	
10	Đổ bê tông vỉa hè dày 7cm	m3	583,134	1.800.000	1.049.640.480	
11	Xoa mặt, lăn gai.	m2	8.330,480	25.000	208.262.000	
12	Cắt ron bê tông chống nứt, khoảng cách 2m	m	3.760,000	15.000	56.400.000	
	<b>PHẦN ĐƯỜNG ĐẦU NỐI</b>					
13	Đầm nền bằng đầm cóc, đầm bàn	m2	2.977,430	35.000	104.210.050	
14	Đầm nền đá 4x6, 0x4 bằng đầm bàn, đầm cóc	100m3	5,955	62.000.000	369.201.320	
15	Trái bạc nilon mặt đường	m2	2.977,430	4.000	11.909.720	
16	SXLD Ván khuôn đường đầu nối	100m2	1,766	24.000.000	42.372.000	
17	SXLD cốt thép đầu nối đường giao thông vào KCN đường kính d<=18mm	Kg	112.761,230	21.000	2.367.985.830	



STT	TÊN CÔNG VIỆC	Đơn vị	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	Ghi chú
18	Bê tông nền đường đầu nổi	m3	744,348	21.000.000	15.631.297.500	
<b>IV</b>	<b>THOÁT NƯỚC MƯA TỔNG THỂ (PHẦN XÂY DỰNG )</b>				<b>23.760.304.228</b>	
	<b>CÔNG BTCT D400</b>					
1	Đào đất đặt cống D400 bằng máy đào <=0,8m3, đất cấp 2	100m3	95,450	5.500.000	524.975.000	
2	Đắp cát móng đường ống D400, đầm chặt >=0.9	100m3	38,540	3.500.000	134.890.000	
3	Đắp đất công trình bằng đầm cóc Độ chặt yêu cầu K=0,90	100m3	40,540	3.500.000	141.890.000	
4	Vận chuyển đất đường ống D400, bằng ô tô tự đổ 5 tấn trong phạm vi <= 1000m Đất cấp 2	100m3	54,910	1.500.000	82.365.000	
5	Bê tông lót gói cống D400 H10, đá 1x2 Mác 150	m3	157,680	2.100.000	331.128.000	
6	Cung cấp và lắp đặt ống BTCT D400 H10	m	4.920,000	475.000	2.337.000.000	
7	Cung cấp và lắp đặt ống BTCT D400 H30	m	800,000	495.000	396.000.000	
8	Lắp đặt gói đỡ cống D400 H10 (bao gồm joint cao su cống)	Cái	4.320,000	95.000	410.400.000	
8b	Nhân công đổ bê tông gói cống D400 (Bao gồm vật tư ván khuôn)	Cái	4.320,000	70.000	302.400.000	
9	Bê tông lót móng cống D400 qua đường, đá 1x2 Mác 150	m3	58,400	1.800.000	105.120.000	
10	Bê tông móng cống D400, đá 1x2, M200 vị trí cống qua đường	m3	62,400	2.100.000	131.040.000	
11	SXLD Ván khuôn gỗ bê tông móng cống D400, vị trí cống qua đường	100m2	3,200	21.000.000	67.200.000	
12	Bê tông tấm bê tông gia cường D400, đá 1x2, M200 vị trí cống qua đường	m3	134,640	2.100.000	282.744.000	
13	SXLD Cốt thép bê tông tấm bê tông gia cường D400, đường kính d<=10mm	tấn	7,080	21.000.000	148.680.000	
14	SXLD Ván khuôn gỗ tấm bê tông gia cường D400	100m2	5,410	21.000.000	113.610.000	
14b	Nhân công gia công lắp đặt tấm đan bằng đường cống 400 kích thước 850x1200 (bao gồm vật tư ván khuôn)	Tấm	880,000	110.000	96.800.000	
	<b>CÔNG BTCT D600</b>					
15	Đào đất đặt cống D600 bằng máy đào <=0,8m3, đất cấp 2	100m3	83,360	5.500.000	458.480.000	
16	Đắp cát móng đường ống D600, đầm chặt >=0.9	100m3	42,360	3.500.000	148.260.000	
17	Đắp đất công trình bằng đầm cóc Độ chặt yêu cầu K=0,90	100m3	16,030	3.500.000	56.105.000	
18	Vận chuyển đất đường ống D600, bằng ô tô tự đổ 5 tấn trong phạm vi <= 1000m Đất cấp 2	100m3	67,330	1.500.000	100.995.000	
19	Bê tông lót gói cống D600, đá 1x2 Mác 150	m3	170,630	2.100.000	358.323.000	
20	Cung cấp và Lắp đặt Ống BTCT D600 H10	m	4.324,500	650.000	2.810.925.000	
21	Cung cấp và Lắp đặt Ống BTCT D600 H30	m	536,000	670.000	359.120.000	
22	Lắp đặt gói đỡ cống D600 H10 (bao gồm joint cao su cống)	Cái	3.750,000	50.400	189.000.000	
22b	Nhân công đổ bê tông gói cống D600 (Bao gồm vật tư ván khuôn)	Cái	3.750,000	80.000	300.000.000	
23	Bê tông lót móng cống D600 qua đường, đá 1x2 Mác 150	m3	48,780	2.100.000	102.438.000	
24	Bê tông móng cống D600, đá 1x2, M200 vị trí cống qua đường	m3	64,860	2.100.000	136.206.000	
25	SXLD Ván khuôn gỗ bê tông móng cống D600, vị trí cống qua đường	100m2	2,360	21.000.000	49.560.000	
26	Bê tông tấm bê tông gia cường, đá 1x2, M200 vị trí cống D600 qua đường	m3	99,000	2.100.000	207.900.000	
27	SXLD Cốt thép bê tông tấm bê tông gia cường D600, đường kính d<=10mm	tấn	5,040	21.000.000	105.840.000	
28	SXLD Ván khuôn gỗ tấm bê tông gia cường D600	100m2	3,630	22.000.000	79.860.000	

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART  
 CHỖ ĐÓNG CHỮ  
 CHỖ ĐÓNG CHỮ  
 CHỖ ĐÓNG CHỮ

123  
 CÔNG TY  
 THƯƠNG MẠI  
 DỊCH VỤ  
 XUẤT NHẬP  
 KHẨU  
 NEWSTART  
 P.11

STT	TÊN CÔNG VIỆC	Đơn vị	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	Ghi chú
28b	Nhân công gia công lắp đặt tấm đan bằng đường cống 600 kích thước 1000x1200 (bao gồm vật tư ván khuôn)	Tấm	550.000	135.000	74.250.000	
	<b>HỒ GA THOÁT NƯỚC MƯA NGOÀI ĐƯỜNG</b>		-		-	
29	Cung cấp và lắp đặt Hồ ga thoát nước mưa kích thước lọt lòng 800x800) + nắp (bao viên V thép dày 4 ly) - Loại nằm trên mặt đường	Cái	60.000	5.040.000	302.400.000	
30	Cung cấp và lắp đặt Nắp hố ga có lỗ thu nước ngoài nhà bằng thép theo thiết kế	Cái	60.000	1.500.000	90.000.000	
	<b>HỒ GA THOÁT NƯỚC MƯA TRÊN VÍA HÈ</b>		-		-	
31	Cung cấp và lắp đặt Hồ ga thoát nước mưa kích thước lọt lòng 800x800) + nắp (bao viên V thép dày 4 ly) - Loại có hố thu	Cái	360.000	5.040.000	1.814.400.000	
32	Cung cấp và lắp đặt lưới chắn rác kích thước 700x300mm	Cái	360.000	1.500.000	540.000.000	
	<b>HỒ GA KIỂM TRA NƯỚC MƯA</b>		-		-	
33	Cung cấp và lắp đặt Hồ Kiểm tra kích thước 1200*1750 theo thiết kế	Cái	20.000	16.000.000	320.000.000	
33b	Đục bê tông HG KCN đầu nổi nước mưa	Cái	20.000	1.500.000	30.000.000	
	<b>MƯƠNG CẤP BẰNG ĐƯỜNG</b>		-		-	
34	Đào mương cấp bằng đường bằng máy đào, đất cấp 2	100m3	5,840	1.680.000	9.811.200	
35	Đắp đất mương cấp bằng đường bằng đầm cóc Độ chặt yêu cầu K=0,90	100m3	4,870	2.100.000	10.227.000	
36	Vận chuyển đất dư mương cấp bằng đường bằng ôtô tự đổ 5 tấn trong phạm vi <= 1000m Đất cấp 2	100m3	0,980	2.730.000	2.675.400	
37	Cung cấp và Lắp đặt Ống BTCT D800 H30	m	200.000	850.000	170.000.000	
38	Lắp đặt gối đỡ cống D800 H30, bao gồm joint cao su cống	Cái	150.000	50.400	7.560.000	
38b	Nhân công đổ bê tông gối cống D800 (Bao gồm vật tư ván khuôn)	Cái	150.000	80.000	12.000.000	
39	Bê tông lót đáy cống, gối cống, bê tông đá 1x2, mác M150	m3	29,950	1.800.000	53.910.000	
40	Bê tông móng cống, bê tông đá 1x2 mác M200	m3	19,960	2.100.000	41.916.000	
41	SXLD, tháo dỡ ván khuôn bê tông lót, móng cống	100m2	1,190	21.000.000	24.990.000	
42	Bê tông tấm bê tông gia cường, đá 1x2, M200 vị trí cống D600 qua đường	m3	44,100	2.100.000	92.610.000	
43	SXLD Cốt thép bê tông tấm bê tông gia cường D600, đường kính d<=10mm	Kg	2.161,680	21.000	45.395.280	
44	SXLD Ván khuôn gỗ tấm bê tông gia cường D600	100m2	1,510	21.000.000	31.710.000	
44b	Nhân công gia công lắp đặt tấm đan bằng đường cống 800 kích thước 1000x1400 (bao gồm vật tư ván khuôn)	Tấm	210.000	135.000	28.350.000	
45	Đắp cát cống theo thiết kế	100m3	4,870		-	
46	Cung cấp và lắp đặt Hồ ga cấp ngầm kích thước lọt lòng 1000x1000*2500) + nắp (bao viên V thép dày 4 ly)	Cái	30.000	9.500.000	285.000.000	
	<b>MƯƠNG GIA CƯỜNG ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA NƯỚC THẢI (PHÁT SINH VỚI CĐT)</b>		-		-	
47	Đào đất mương gia cường đường ống thoát nước mưa, nước thải	100m3	4,912	1.680.000	8.251.589	
48	Vận chuyển đất đi đổ	100m3	4,912	2.730.000	13.409.760	
49	Lắp dựng cốt thép thành mương, nắp mương gia cường ống thoát nước mưa, nước thải	kg	32.841,390	4.000	131.365.559	
50	Ván khuôn mương gia cường ống thoát nước mưa, nước thải	100m2	18,848	21.000.000	395.799.600	



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU NEWSTART



STT	TÊN CÔNG VIỆC	Đơn vị	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	Ghi chú
51	Bê tông móng gia cường ống thoát nước mưa, nước thải	m3	383,109	21.000.000	8.045.294.250	
52	Phủ bực ni lon (bao gồm nhân công, vật tư)	m2	819,168	6.500	5.324.590	
53	Đắp cát đường công	m3	580,000	180.000	104.400.000	
<b>IV</b>	<b>THOÁT NƯỚC THẢI NGOÀI TÔNG THIẾ (2 XƯƠNG)</b>		<b>0</b>		<b>1.338.288.000</b>	
	<b>Tổng thể</b>					
1	Cung cấp và lắp đặt Ống HDPE DN250, PN10	100 Mét	2,400	31.000.000	74.400.000	
2	Cung cấp và lắp đặt Ống HDPE DN200, PN10	100 Mét	2,400	29.000.000	69.600.000	
3	Cung cấp và lắp đặt Ống HDPE DN150 PN10	100 Mét	1,600	27.000.000	43.200.000	
4	Hố ga chuyển tiếp thoát nước thải bê tông cốt thép (1,0mx1,0m)	Cái	20,000	8.000.000	160.000.000	
5	Tấm đan bê tông tán lực dài 1200mm dày 150mm (đan giảm tải bảo vệ đường ống)	Cái	530,000	110.000	58.300.000	
6	Đào đất và lấp đất	M3	149,760	75.000	11.232.000	
7	Đắp cát đường ống theo thiết kế	M3	115,200	180.000	20.736.000	
	<b>Xương 1 + Xương 2</b>					
8	Hố ga thoát nước thải bê tông cốt thép (KT: 1,0mx1,0m)	Cái	100,000	4.000.000	400.000.000	
9	Hố ga kiểm tra nước thải xây gạch từ bê tông tự hoại ra, KT:(0,6x0,6)m	Cái	120,000	1.350.000	162.000.000	
10	Hố ga thoát nước thải bê tông cốt thép nằm trên lòng đường, bao gồm nắp gang chịu lực (0,85mx0,85mx0,1m); loại chịu tải 400kN	Cái	60,000	4.000.000	240.000.000	
11	Cung cấp và lắp đặt Ống HDPE DN150 PN10	100 Mét	3,660	27.000.000	98.820.000	
	<b>TỔNG CỘNG TRƯỚC THUẾ</b>				<b>100.493.669.984</b>	
	<b>THUẾ VAT</b>				<b>10.049.366.998</b>	
	<b>TỔNG CỘNG SAU THUẾ</b>				<b>110.543.036.982</b>	

Bình Dương, ngày tháng năm 2021

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**ĐẠI DIỆN BÊN B**



GD. Nguyễn Quốc Anh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

---oOo---

TP. TN, Ngày 16 tháng 2 năm 2022

BIÊN BẢN NGHIỆM THU
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Công trình : Thi công Xây dựng Hạ tầng Nhà Xưởng

Địa điểm : KCN Phước Đông, Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

1. Đối tượng nghiệm thu : Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu :

a) Đại diện bên A : Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Phúc Biên

+ Bà : Lê Thị Quyên

Chức vụ : P. Giám đốc

+ Ông : Lê Văn Bên

Chức vụ : ...

b) Đại diện bên B: Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Newstart.

+ Ông : Nguyễn Quốc Anh

Chức vụ : Giám Đốc

+ Ông : Nguyễn Văn Kha

Chức vụ : ...

3. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu : 8 giờ 00 phút, ngày 16 tháng 2 năm 2022

Kết thúc : 16 giờ 00 phút, ngày 16 tháng 2 năm 2022

Tại công trình

4. Đánh giá công việc xây dựng đã thực hiện:

a/ Tài liệu, căn cứ nghiệm thu :

- Hợp đồng thi công : 02/2021 PB - NEWSTART.

- Quy trình kiểm tra, nghiệm thu được thống nhất giữa chủ đầu tư và các bên có liên quan;

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận;

- Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng;

- Biên bản nghiệm thu công việc, Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu xây dựng có liên quan;

- Nhật ký thi công và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;

b/ Chất lượng công việc xây dựng : Đạt yêu cầu

5. Các ý kiến khác:

Handwritten signature and notes in the final section.





**6 . Kết luận:**

Đồng ý nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng

**7. Các thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:**

**ĐD BÊN A**  
**P.Giám đốc**  


**Lê Thị Quyên**

**ĐD BÊN B**  
**Giám đốc**  


**Nguyễn Quốc Anh**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG**  
**SỐ: 01 /BBTL**

- **Công trình:** Thi công Xây dựng Hạ tầng Nhà Xưởng  
 - **Địa điểm xây dựng:** KCN Phước Đông, Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh  
 Căn cứ Hợp đồng số: 02/2021 PB - NEWSTART giữa Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Phúc Biên và Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Newstart về việc thi công xây dựng công trình “Thi công Xây dựng Hạ tầng Nhà Xưởng”.

- Căn cứ biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng hạng mục công trình “Thi công Xây dựng Hạ tầng Nhà Xưởng” ký ngày 16 tháng 02 năm 2022.
- Căn cứ Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng ký ngày 16 tháng 02 năm 2022.

Hôm nay, ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại văn phòng Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Phúc Biên, chúng tôi gồm:

**1/ Bên giao thầu (gọi tắt là bên A)**

- Tên đơn vị : Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Phúc Biên
- Địa chỉ : Số 45, Đ1, KP1, P. Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Đại diện : Bà Lê Thị Quyên - Chức vụ: P. Giám đốc
- Điện thoại : 0918.598.761
- Số tài khoản : 46880109. Tại Ngân hàng ACB Chi nhánh Bình Dương
- Mã số thuế : 3700963717

**2/ Bên nhận thầu (gọi tắt là bên B)**

- Tên giao dịch: Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Newstart
- Địa chỉ : 1111/1 A, Đường 8, phường 11, Q. Gò Vấp, TP. HCM.
- Đại diện : Ông Nguyễn Quốc Anh - Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 08.62730418
- TK số: 6400.2010.17613 Tại Ngân Hàng Aribank chi nhánh Gia Định
- Mã số thuế: 0305711230

**Hai bên cùng thống nhất thanh lý Hợp đồng, với các nội dung sau:**

**1/ Nội dung công việc đã thực hiện:**

Bên B đã thực hiện xong công tác thi công xây dựng công trình “Thi công Xây dựng Hạ tầng Nhà Xưởng” do bên A giao.





**2/ Giá trị thanh lý:**

- + Giá trị hợp đồng (Giá trị sau thuế) : 110.543.036.982 đồng
- + Giá trị quyết toán (Giá trị sau thuế) : 110.543.036.982 đồng
- + Bên A đã thanh toán cho bên B : 110.543.036.982 đồng

**3/ Điều khoản chung:**

Hai bên A và B đồng ý thanh lý, chấm dứt các trách nhiệm và nghĩa vụ đối với Hợp đồng, phụ lục hợp đồng này.

Biên bản được lập thành 03 bản có giá trị như nhau, Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 01 bản.



LÊ THỊ QUYÊN



NGUYỄN QUỐC ANH







# HỢP ĐỒNG TIÊU BIỂU- 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## HỢP ĐỒNG MUA BÁN CÁT

*“Về việc: Thi công hút + cạo lại mặt nước cấp cát về cấp mạng công trình”*  
Số: 1603/2022/HĐMB/START-ĐT

- Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Thương mại năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa 2014;
- Căn cứ năng lực thực hiện và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 16 tháng 03 năm 2022 tại văn phòng Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ XNK Newstart. Chúng tôi gồm:

**BÊN A: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XNK NEWSTART**

Đại diện Ông: **NGUYỄN QUỐC ANH** Chức vụ: **Giám đốc**  
Địa chỉ : 11/1A đường số 8, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.  
MST : 0305711230

**BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**

Đại diện Cty : **NGUYỄN HỮU PHƯỚC** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**  
Địa chỉ : Số 3 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.  
MST : 1400101396

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng mua bán cát cho Bên A cung cấp về công trình với các điều khoản như sau:

**ĐIỀU 1. NỘI DUNG CÔNG VIỆC**

- \* Bên A mua và Bên B đồng ý bán cát cho Bên A từ khai thác tại mặt nước dự án của Bên B. Đã được cấp phép khai thác.
  - Khối lượng tạm tính Đợt một: 2.000.000 m<sup>3</sup>.
  - Khối lượng trên không bị hạn chế, nếu tùy theo nhu cầu mua bán của Bên A và đăng ký bổ sung tăng gia hạn khối lượng lên tiếp theo bằng phụ lục hợp đồng.
  - Bên A cung cấp Danh sách tàu đăng ký đăng kiểm cho Bên B và danh sách nhân sự để nộp công vụ và chính quyền sở tại quản lý.

\* Giá hợp đồng:

STT	Nội dung công việc	Khối lượng	Đơn giá (đ/m <sup>3</sup> )	Thành tiền / 1 tháng
01	Tự khai thác đưa Cát về cấp mạng tại công trình của Bên A	2.000.000	60.000	120.000.000.000
<b>(Tổng: Một trăm hai mươi tỷ đồng)</b>				

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT.
- Đơn giá trên là giá cố định không thay đổi. Chỉ khi giá dầu tăng 10% thì 2 bên sẽ cùng bàn bạc điều chỉnh lại giá.

**ĐIỀU 2. TIẾN ĐỘ & THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

- Thời gian thực hiện bắt đầu từ ngày 16 tháng 03 năm 2022.
- Tiến độ tự khai thác các cửa Bên A dự kiến tháng đầu: trung bình đạt từ: 100.000 đến 200.000 m<sup>3</sup>/1 tháng và sau đó sẽ tăng dần.
- Bên A khai thác lấy cát liên tục trừ những ngày nghỉ - lễ - tết do chính phủ quy định.

**ĐIỀU 3. BẢO LÃNH HỢP ĐỒNG & PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

\* Bên A bảo lãnh thanh toán: ngay sau khi hai bên xem xét thống nhất các điều khoản đã được thể hiện trên hợp đồng – và đồng thời tiến hành ký kết hợp đồng. Bên A sẽ mở BLTT Đặt cọc không hủy ngang và xuyên suốt Hợp đồng cho Bên B với số tiền 5.000.000.000 VND (Năm tỷ VND).

Bên B đối ứng lại 5%.

\* Cứ 50 ngàn m<sup>3</sup> (năm mươi ngàn) tạm tính chốt khối lượng thanh toán một lần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Thời gian không quá 24h.

Nếu trùng ngày thứ 7 hoặc chủ nhật thì sáng thứ 2 thanh toán.

Nếu Bên A không trả tiền theo thỏa thuận Hợp đồng Bên B sẽ cầm biên bán 2 bên đã xác nhận ra ngân hàng tháo rút tiền bảo lãnh của Bên A và đơn phương thanh lý Hợp đồng.

**ĐIỀU 4. YÊU CẦU CHUNG**

Bên A và Bên B chịu trách nhiệm cử nhân viên cán bộ túc trực 24/24 cùng Bên B hàng ngày nghiệm thu khối lượng cát bằng phương pháp đo hình học xác nhận khối lượng trên tàu.

Bên B: Đảm bảo an ninh khu vực & pháp lý bến bãi địa điểm giấy phép cho Bên A khai thác.

**ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN**

- \* Trách nhiệm của Bên A.
  - Thanh toán cho Bên B theo quy định của hợp đồng.
- \* Trách nhiệm của Bên B.
  - Cung cấp giấy tờ đăng ký đăng kiểm sao y bản chính cho Bên A – 3 bộ/1 phương tiện để đăng ký cảng vụ và chính quyền địa phương.

**ĐIỀU 6. TẠM DỪNG & CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

- \* Tạm dừng Hợp đồng trong các trường hợp sau:
  - Một bên không thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ theo hợp đồng này. Trong các trường hợp này nếu bên nào muốn tạm dừng thực hiện Hợp đồng thì phải báo trước bằng văn bản, trước ít nhất 10 ngày cho bên còn lại để hai bên bàn bạc tìm phương án xử lý. Sau khi bàn bạc mà không đi đến thống nhất thì bên muốn tạm dừng sẽ ra văn bản thông báo tạm dừng cho bên còn lại trong vòng 10 ngày tiếp. Nếu vi phạm quy định về thủ tục này thì bên vi phạm phải bồi thường thiệt hại cho bên còn lại. Các thông báo nêu trên phải ghi rõ thời hạn tạm dừng và điều kiện chấp thuận hủy tạm dừng.
- \* Các trường hợp bất khả kháng
  - Bên A có quyền thông báo trước 7 ngày để tạm dừng hoặc chấm dứt hợp đồng. Nếu như hợp đồng Bên A với chủ đầu tư không còn hiệu lực hoặc bên nguồn tiền thanh toán của chủ đầu tư bị hạn chế. Trường hợp chấm dứt hợp đồng này xem như bất khả kháng.
  - Các trường hợp khác do hai bên thỏa thuận.



- Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu như Bên A vi phạm điều khoản thanh toán tại Điều 3 của hợp đồng.

**ĐIỀU 7. ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có khó khăn vướng mắc thì hai bên cùng bàn bạc giải quyết.
- Nếu có tranh chấp hai bên không thỏa thuận giải quyết được thì sẽ đưa ra Tòa án có thẩm quyền, bên thua sẽ chịu mọi phí tổn.
- Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng chỉ có hiệu lực khi được lập thành văn bản và được đại diện hợp pháp của hai bên ký và đóng dấu.
- Hợp đồng này được chia thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản, có giá trị Pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



*Đ. Nguyễn Quốc Anh*

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



*Nguyễn Hữu Phước*



# HÌNH ẢNH

LỄ ĐỘNG THỔ

THI CÔNG SAN LẤP

THI CÔNG ĐƯỜNG

THI CÔNG NHÀ XƯỞNG



# HÌNH ẢNH LỄ ĐỘNG THỔ









# HÌNH ẢNH THI CÔNG SAN LẤP











# HÌNH ẢNH THI CÔNG ĐƯỜNG





# HÌNH ẢNH THI CÔNG NHÀ XƯỞNG

